

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, NGÀNH
VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI) TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2021**

Cơ quan điều phối: Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Tháp

Đơn vị tư vấn: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng

Đồng Tháp, tháng 3 năm 2022

CƠ QUAN ĐIỀU PHỐI

Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Tháp

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng

THÀNH VIÊN NHÓM NGHIÊN CỨU

TS. Huỳnh Huy Hòa

ThS. Nguyễn Việt Quốc

CN. Phạm Hồng Linh

ThS. Trương Thị Hoàng Nga

Và các thành viên khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI)
TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2021

DDCI
2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

BÁO CÁO KẾT QUẢ

**ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP SỞ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI)
TỈNH ĐỒNG THÁP NĂM 2021**

Cơ quan điều phối: Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Tháp

Đơn vị tư vấn: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng

Đồng Tháp, tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| DANH MỤC BIỂU ĐỒ | iv |
| DANH MỤC BẢNG | vi |
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT..... | vii |
| MỞ ĐẦU..... | 1 |
| I. TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI ĐỒNG THÁP..... | 3 |
| 1. Mục tiêu, nguyên tắc thực hiện DDCI..... | 3 |
| 1.1. Mục tiêu chung | 3 |
| 1.2. Mục tiêu cụ thể..... | 3 |
| 1.3. Nguyên tắc thực hiện | 4 |
| 2. Phương pháp thu thập số liệu và tính điểm, xếp hạng | 5 |
| 2.1. Phương pháp và quy trình chọn mẫu khảo sát..... | 5 |
| 2.2. Phương pháp tính điểm | 7 |
| 2.3. Phương pháp phân nhóm xếp hạng..... | 7 |
| II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ..... | 8 |
| 1. Tổng quan doanh nghiệp tham gia khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 | 8 |
| 2. Kết quả khảo sát DDCI 2021 khối sở, ban, ngành..... | 13 |
| 2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin | 16 |
| 2.2. Tính năng động của lãnh đạo | 19 |
| 2.3. Chi phí thời gian | 21 |
| 2.4. Chi phí không chính thức..... | 23 |
| 2.5. Cạnh tranh bình đẳng | 26 |
| 2.6. Hỗ trợ doanh nghiệp | 27 |
| 2.7. Thiết chế pháp lý..... | 29 |
| 2.8. Tính ứng dụng công nghệ thông tin..... | 31 |
| 3. Kết quả khảo sát DDCI 2021 khối chính quyền địa phương..... | 34 |
| 3.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin | 37 |
| 3.2. Tính năng động của lãnh đạo | 39 |
| 3.3. Chi phí thời gian | 41 |

| | |
|---|----|
| 3.4. Chi phí không chính thức..... | 43 |
| 3.5. Cạnh tranh bình đẳng | 45 |
| 3.6. Hỗ trợ doanh nghiệp | 47 |
| 3.7. Thiết chế pháp lý..... | 49 |
| 3.8. Tính ứng dụng công nghệ thông tin..... | 50 |
| 3.9. Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất..... | 52 |
| 4. Thực trạng chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh..... | 54 |
| KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ | 58 |
| PHỤ LỤC..... | 62 |

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

| | |
|--|----|
| Biểu đồ 1. Tỷ lệ người trả lời phiếu khảo sát DDCI 2021 và 2019 phân theo chức vụ | 9 |
| Biểu đồ 2. Cơ cấu tuổi doanh nghiệp tham gia khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 | 10 |
| Biểu đồ 3. Cơ cấu loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 | 11 |
| Biểu đồ 4. Cơ cấu lĩnh vực hoạt động doanh nghiệp tham gia khảo sát..... | 12 |
| Biểu đồ 5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 | 12 |
| Biểu đồ 6. Trung vị DDCI Đồng Tháp khối sở, ban, ngành năm 2019 và 2021 | 13 |
| Biểu đồ 7. Điểm số DDCI Đồng Tháp khối SBN năm 2021 | 14 |
| Biểu đồ 8. Phổ điểm các chỉ số thành phần của DDCI khối SBN năm 2021 | 15 |
| Biểu đồ 9. Mức độ thay đổi điểm số DDCI khối SBN năm 2021 so với năm 2019 | 16 |
| Biểu đồ 10. Điểm số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” khối SBN năm 2021 | 17 |
| Biểu đồ 11. Mức thay đổi tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với tiêu chí “Doanh nghiệp đã từng truy cập vào trang thông tin điện tử của SBN để tìm kiếm thông tin” và “Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp” của khối SBN năm 2021 so với 2019 | 18 |
| Biểu đồ 12. Mức thay đổi điểm số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” khối SBN năm 2021 so với năm 2019 | 18 |
| Biểu đồ 13. Điểm số “Tính năng động của lãnh đạo” khối SBN năm 2021..... | 19 |
| Biểu đồ 14. Mức thay đổi tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với các nhận định so với năm 2019 | 20 |
| Biểu đồ 15. Mức thay đổi điểm số chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo” khối SBN năm 2021 so với năm 2019 | 21 |
| Biểu đồ 16. Điểm số “Chi phí thời gian” khối SBN năm 2021 | 21 |
| Biểu đồ 17. Mức thay đổi tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý đối với một số chỉ tiêu thuộc “Chi phí thời gian” năm 2021 so với năm 2019 | 22 |
| Biểu đồ 18. Mức thay đổi điểm số “Chi phí thời gian” khối SBN năm 2021 so với năm 2019 | 23 |
| Biểu đồ 19. Điểm số “Chi phí không chính thức” khối SBN năm 2021 | 24 |
| Biểu đồ 20. Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với một số tiêu chí thuộc chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” của khối SBN năm 2019 và 2021 | 25 |

| | |
|--|-----------|
| Biểu đồ 21. Mức thay đổi điểm số “Chi phí không chính thức” khối CQCM năm 2021 so với năm 2019 | 25 |
| Biểu đồ 22. Điểm số chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” khối SBN năm 2021 | 26 |
| Biểu đồ 23. Mức thay đổi điểm số “Cạnh tranh bình đẳng” khối SBN năm 2021 so với năm 2019 | 27 |
| Biểu đồ 24. Điểm số chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối SBN năm 2021 | 27 |
| Biểu đồ 25. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của các SBN là thiết thực năm 2019 và 2020 | 28 |
| Biểu đồ 26. Mức thay đổi điểm số “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối SBN năm 2021 so với năm 2019 | 29 |
| Biểu đồ 27. Điểm số “Thiết chế pháp lý” khối SBN năm 2021 | 30 |
| Biểu đồ 28. Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với một số chỉ tiêu đánh giá thuộc chỉ số “Thiết chế pháp lý” năm 2019 và 2021 | 30 |
| Biểu đồ 29. Mức thay đổi điểm số chỉ số “Thiết chế pháp lý” khối SBN năm 2021 so với năm 2019 | 31 |
| Biểu đồ 30. Điểm số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” khối SBN năm 2021 | 31 |
| Biểu đồ 31. Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với các chỉ tiêu đánh giá thuộc chỉ số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” khối SBN năm 2019 và 2021 | 32 |
| Biểu đồ 32. Mức thay đổi điểm số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” khối SBN năm 2021 | 33 |
| Biểu đồ 33. Trung vị DDCI Đồng Tháp khối chính quyền huyện năm 2019 và 2021 | 34 |
| Biểu đồ 34. Điểm số DDCI Đồng Tháp khối chính quyền địa phương năm 2021 | 35 |
| Biểu đồ 35. Điểm số các chỉ số thành phần DDCI Đồng Tháp khối chính quyền địa phương năm 2021 | 35 |
| Biểu đồ 36. Mức độ cải thiện điểm số của DDCI khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 36 |
| Biểu đồ 37. Điểm số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 37 |
| Biểu đồ 38. Mức độ cải thiện điểm số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 38 |
| Biểu đồ 39. Điểm số “Tính năng động của lãnh đạo” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 40 |
| Biểu đồ 40. Mức độ cải thiện điểm số “Tính năng động của lãnh đạo” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 41 |
| Biểu đồ 41. Điểm số “Chi phí thời gian” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 41 |

| | |
|---|----|
| Biểu đồ 42. Mức độ cải thiện điểm số “Chi phí thời gian” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 42 |
| Biểu đồ 43. Điểm số “Chi phí không chính thức” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 43 |
| Biểu đồ 44. Mức độ cải thiện điểm số “Chi phí không chính thức” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 44 |
| Biểu đồ 45. Điểm số “Cạnh tranh bình đẳng” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 45 |
| Biểu đồ 46. Mức độ cải thiện điểm số “Cạnh tranh bình đẳng” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 46 |
| Biểu đồ 47. Điểm số “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 47 |
| Biểu đồ 48. Mức độ cải thiện điểm số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 48 |
| Biểu đồ 49. Điểm số “Thiết chế pháp lý” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 49 |
| Biểu đồ 50. Mức độ cải thiện điểm số “Thiết chế pháp lý” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 50 |
| Biểu đồ 51. Điểm số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 51 |
| Biểu đồ 52. Mức độ cải thiện điểm số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 52 |
| Biểu đồ 53. Điểm số “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” khối chính quyền địa phương năm 2021 | 53 |
| Biểu đồ 54. Mức độ cải thiện điểm số “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 | 54 |
| Biểu đồ 55. Thực trạng chuyển đổi số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp | 55 |
| Biểu đồ 56. Rào cản chuyển đổi số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh | 56 |

DANH MỤC BẢNG

| | |
|---|---|
| Bảng 1. Quy mô mẫu khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 | 8 |
|---|---|

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-----------------|--|
| BHXH | Bảo hiểm xã hội tỉnh |
| BQL KKT tỉnh | Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| DNNVV | Doanh nghiệp nhỏ và vừa |
| SBN | Sở, ban, ngành |
| Sở GTVT | Sở Giao thông vận tải |
| Sở KH&CN | Sở Khoa học và công nghệ |
| Sở KH-ĐT | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| Sở LĐ-TBXH | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội |
| Sở NN&PTNT | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| Sở TN&MT | Sở Tài nguyên và môi trường |
| Sở Thông tin&TT | Sở Thông tin và truyền thông |
| Sở VH&TT | Sở Văn hóa và Thể thao |

MỞ ĐẦU

Nhiều năm qua, việc hướng về cơ sở sản xuất kinh doanh, hướng về các nhà đầu tư, cải cách thủ tục hành chính và chính quyền điện tử đang là một chủ trương và điểm sáng của tỉnh Đồng Tháp với nhiều năm liền nằm trong nhóm dẫn đầu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)¹ và chỉ số Cải cách hành chính tỉnh (PAR Index). Chỉ số sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin Việt Nam (Vietnam ICT Index)² liên tục tăng hạng. Kể từ năm đầu tiên (2018) thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) đến nay, môi trường kinh doanh tại Đồng Tháp vẫn duy trì được nhiều mặt tích cực nhờ vào những nỗ lực cải cách của chính quyền tỉnh nói chung, các sở, ban ngành và chính quyền cấp huyện nói riêng.

Mặc dù vậy, trong năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trong quý III năm 2021, hầu hết các doanh nghiệp đều tạm ngưng hoạt động để chung tay phòng, chống dịch COVID-19 (ngoại trừ một số doanh nghiệp hoạt động theo phương án 4 tại chỗ). Tính đến tháng 10/2021, toàn tỉnh chỉ có 369 doanh nghiệp thành lập mới (đạt 61,5% kế hoạch); trong khi đó, số doanh nghiệp tạm ngưng là 199 doanh nghiệp, giải thể 142 doanh nghiệp. Điều này cho thấy việc tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phục hồi để “thích ứng linh hoạt, an toàn, khôi phục hoạt động kinh tế - xã hội” là công tác vô cùng cấp bách. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hơn lúc nào hết đang đặt kỳ vọng rất lớn vào năng lực điều hành của chính quyền cấp huyện và sở, ban, ngành tỉnh.

DDCI Đồng Tháp năm 2021 được triển khai trong bối cảnh tỉnh cũng như cả nước đều chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19. Mặc dù gặp bất lợi như vậy, nhưng lãnh đạo tỉnh coi việc triển khai bộ chỉ số DDCI là hoạt động thiết yếu để phản ánh tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư hoạt động trên địa bàn tỉnh, đánh giá chất lượng công tác điều hành kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố và sở, ban, ngành của tỉnh. Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp qua bộ chỉ số DDCI sẽ là thông tin đầu vào quan trọng để chính quyền các cấp của Đồng Tháp triển khai các chương trình cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong giai đoạn 2022-2025; định vị thương hiệu tỉnh Đồng Tháp là địa phương đi đầu khu vực Đồng

¹ Tính đến PCI năm 2020, tỉnh đã 13 năm liên tiếp nằm trong nhóm 5 và 7 năm liên tiếp nằm trong nhóm 3 của các tỉnh, thành phố “có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất nước”.

² Từ năm 2016 – 2020, thứ hạng của tỉnh liên tục tăng từ vị thứ 28 lên vị thứ 15

bằng sông Cửu Long cũng như cả nước trong cải cách hành chính, chính quyền điện tử, môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, thân thiện, hấp dẫn, đảm bảo tính minh bạch, bình đẳng, hiệu quả và bền vững.

I. TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI ĐỒNG THÁP

1. Mục tiêu, nguyên tắc thực hiện DDCI

1.1. Mục tiêu chung

- Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thuộc tỉnh Đồng Tháp nhằm mục đích đánh giá năng lực của chính quyền các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành *trên khía cạnh điều hành kinh tế*. Từ đó, tạo động lực cải thiện chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả đạt được từ việc đánh giá DDCI là cơ sở đề ra các giải pháp hiệu quả, đồng bộ nhằm cải thiện chất lượng điều hành kinh tế của địa phương, giúp Đồng Tháp có những đột phá mạnh mẽ hơn nữa trong cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá khách quan năng lực điều hành của lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến nhà đầu tư, doanh nghiệp. Từ đó, có sự so sánh, đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai các hoạt động liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa chính quyền các sở, ban, ngành và địa phương. Từ đó, tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi để doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến nâng cao năng lực điều hành của chính quyền các cấp; nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan.

- Thu thập các thông tin góp ý của doanh nghiệp, nhà đầu tư để nắm bắt tình hình và tháo gỡ khó khăn trong hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh.

- Có cơ sở khách quan để đánh giá công tác điều hành kinh tế của tỉnh trong thời gian qua; nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh những năm tiếp theo; đồng thời khắc phục những hạn chế của các địa phương, các cơ quan, đơn vị.

1.3. Nguyên tắc thực hiện

DDCI cần được xây dựng trên nền tảng của một số nguyên tắc cốt lõi để đảm bảo kết quả đánh giá có thể đạt được các mục tiêu và tác động chính sách mà chính quyền tỉnh đề ra. Theo đó có 6 nguyên tắc chủ yếu như sau:

(1) **Thực tế:** DDCI được xây dựng dựa trên những rà soát, đánh giá sát với chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành và cấp huyện liên quan trực tiếp tới chất lượng điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh. Theo đó, bộ chỉ số sẽ ưu tiên đánh giá các chức năng, nhiệm vụ thực tế, có tính chất phổ biến, thường xuyên mà các sở, ban, ngành và địa phương đang chịu trách nhiệm đảm nhận.

(2) **Gắn trách nhiệm cụ thể:** Các nội dung của DDCI phải phản ánh được cảm nhận của các đối tượng điều tra về kết quả xử lý các thủ tục hành chính nói riêng, năng lực và thái độ phục vụ của từng cơ quan sở, ban, ngành và địa phương. Kết quả đánh giá hỗ trợ cho việc gắn trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan ban, ngành cụ thể. Nhờ đó, chính quyền tỉnh có thể nhanh chóng triển khai được các giải pháp chi tiết, phân định rõ trách nhiệm và có hình thức khen thưởng, rút kinh nghiệm với những cơ quan, ban, ngành nào đóng vai trò đầu mỗi tiến hành mỗi nhiệm vụ.

(3) **Trung thực, khoa học và minh bạch:** Phương pháp xây dựng chỉ số và cách thức tiến hành khảo sát và việc phân tích kết quả cần phản ánh trung thực, khách quan cảm nhận của các đối tượng trong mẫu điều tra.

Bên cạnh đó, việc chọn mẫu khảo sát cũng phải khoa học, đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy. Mẫu đối tượng tham gia đánh giá DDCI được lựa chọn khoa học qua các phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên để đảm bảo tính đại diện cho tổng thể đối tượng điều tra tại tỉnh.

Minh bạch là nguyên tắc cốt lõi, đảm bảo cho sự thành công của việc triển khai DDCI. Cụ thể, đó là minh bạch về quy trình tổ chức thực hiện, về trách nhiệm cụ thể của đơn vị khảo sát, cho tới phương pháp thực hiện, với những phân tích, đánh giá dựa trên bằng chứng rõ ràng thu thập được từ khảo sát, chứ không phải là những đánh giá chủ quan của tổ chức thực hiện.

(4) Có ý nghĩa: Kết quả rút ra từ khảo sát DDCI phải có ý nghĩa đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực điều hành kinh tế cấp sở, ngành, địa phương. Điều này thể hiện xuyên suốt từ việc lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá, xây dựng chỉ số thành phần cũng như chỉ số DDCI tổng hợp. Chỉ như vậy, thì việc kết quả phân tích chỉ số DDCI mới giúp chỉ ra những điểm đã làm tốt, những điểm còn hạn chế để các cấp sở, ngành và địa phương có định hướng cải cách phù hợp, từ đó góp phần vào nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chung của toàn tỉnh một cách hiệu quả và bền vững.

(5) Khả thi: Bộ chỉ số được xây dựng một cách phù hợp với bối cảnh và khả năng thực hiện của tỉnh. Tính khả thi thể hiện qua sự hài hòa về chất lượng đánh giá, tiến độ thực hiện và đáp ứng được các ràng buộc về chi phí khảo sát, quỹ thời gian và sự sẵn có nhân sự thực hiện. Việc xây dựng DDCI phải đảm bảo triển khai được trên diện rộng và thu thập được dữ liệu đảm bảo chất lượng để đánh giá, so sánh.

(6) Bảo mật: Mã hóa và lưu trữ phiếu trả lời DDCI theo nguyên tắc bảo mật danh tính của các doanh nghiệp, tổ chức phản hồi khảo sát. Thực hiện điều này sẽ giúp tạo dựng lòng tin của người trả lời phiếu khảo sát. Đồng thời, đây cũng là yêu cầu theo Luật Thống kê hiện hành.

2. Phương pháp thu thập số liệu và tính điểm, xếp hạng

2.1. Phương pháp và quy trình chọn mẫu khảo sát

Cơ bản áp dụng phương pháp và quy trình chọn mẫu khảo sát đã thực hiện trong những năm qua và theo phương pháp luận của PCI, bộ chỉ số DDCI Đồng Tháp được tính toán trên hai nguồn dữ liệu. Thứ nhất là nguồn dữ liệu sơ cấp thu được từ điều tra doanh nghiệp. Thứ hai là dữ liệu thứ cấp thu thập qua các nguồn đã được công bố. Mục đích của việc kết hợp hai nguồn dữ liệu này để đảm bảo dữ liệu không bị thiên lệch hay cảm tính.

Số lượng mẫu:

- Đối với khối chính quyền cấp huyện: tỷ lệ chọn mẫu được đưa ra dựa trên tỷ lệ số doanh nghiệp ở địa phương đó trên tổng số doanh nghiệp của tỉnh. Trường hợp địa phương có quá ít doanh nghiệp, các địa phương này được ưu tiên lựa chọn trước và quy mô mẫu có thể lấy toàn bộ doanh nghiệp của địa phương.

- Đối với khối sở, ban, ngành: tỷ lệ chọn mẫu được thiết lập thông qua số lượng doanh nghiệp từng thực hiện dịch vụ công hoặc tương tác với sở, ban,

ngành. Trường hợp các sở, ban, ngành có ít doanh nghiệp, có thể tiến hành chọn thêm mẫu cho các sở, ban, ngành này bằng cách xét thêm yếu tố ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp từ danh sách doanh nghiệp của Cục Thuế tỉnh³.

Lập danh sách mẫu: Để bắt đầu thực hiện khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các đối tượng được khảo sát trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, nhóm nghiên cứu sẽ tiến hành lấy danh sách số lượng các đơn vị kinh doanh này từ các nguồn khác nhau: danh sách từ Cục thuế tỉnh và danh sách doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hành chính công trong năm qua từ các sở, ban, ngành và địa phương được khảo sát. Trên cơ sở danh sách do các đơn vị gửi về, nhóm nghiên cứu tiến hành ghép, nối các danh sách thành cơ sở dữ liệu tổng hợp và loại bỏ trùng lặp, kết quả là khung chọn mẫu.

Phương pháp lấy mẫu: Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng (theo địa bàn, lĩnh vực hoạt động).

Về mặt lý thuyết, mẫu DDCI được chọn đảm bảo tỷ lệ phân tầng trong mẫu sẽ tương đương với tỷ lệ phân tầng tương ứng trong tổng thể. Tuy nhiên, thực tế khi đi điều tra không phải lúc nào điều tra viên cũng tiếp cận được với các đối tượng cần gặp do những lý do khác nhau, chẳng hạn như đối tượng vắng nhà hoặc mới chuyển địa điểm. Do vậy, mẫu điều tra thực tế có thể có sự khác biệt so với mẫu dự kiến ban đầu. Để đảm bảo chất lượng của điều tra không bị ảnh hưởng bởi hiện tượng mất mẫu, dẫn tới một số phân tầng có quy mô dưới mức cần thiết, mẫu dự phòng sẽ được bổ sung bằng một danh sách thay thế mẫu. Danh sách này gồm các đơn vị cũng được phân tầng như danh sách mẫu. Điều tra viên có thể chọn một trong số các đơn vị ở danh sách thay thế nếu như họ không tiếp cận được với đối tượng cần thiết trong mẫu dự kiến ban đầu.

Phương pháp lấy ý kiến khảo sát: Khảo sát được thực hiện thông qua 02 hình thức:

- Khảo sát qua phỏng vấn trực tiếp: khảo sát viên tiếp cận trực tiếp tại cơ sở của doanh nghiệp.

- Khảo sát qua email và điện thoại: đối với một số doanh nghiệp khó tiếp cận (địa chỉ không rõ ràng, khó gặp mặt trực tiếp) khảo sát viên sẽ liên hệ và hướng dẫn thực hiện khảo sát thông qua email và điện thoại.

³ Số phiếu trả lời tối thiểu cần có phụ thuộc vào số lượng doanh nghiệp thực tế theo danh sách được cung cấp từ Cục Thuế và các sở, ban, ngành; huyện/thị xã/thành phố. 20 phiếu trả lời là con số mang tính quy ước cho từng đơn vị (dựa trên kết quả tính toán của nhóm nghiên cứu). Khoảng tin cậy và tỷ lệ phản hồi tối thiểu được kế thừa theo nghiên cứu của PCI với công thức: $r = N/((N-1)*e^2*Z(c/100))$ trong đó: r là tỷ lệ phản hồi tối thiểu, N là tổng thể, e là sai số cho phép, Z(c/100) là giá trị kiểm định tương ứng với độ tin cậy c.

Trong đó, phỏng vấn trực tiếp là phương thức chính được nhóm nghiên cứu sử dụng nhằm tối đa hóa tỷ lệ phản hồi cũng như đảm bảo thông tin thu được là chính xác và đầy đủ. Tuy nhiên, trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, khảo sát qua email và điện thoại được thực hiện đồng thời với phương thức chính nhằm đảm bảo tiến độ của nhiệm vụ. Trong quá trình khảo sát, các khảo sát viên sẽ làm rõ ý nghĩa và thông tin của phiếu khảo sát đồng thời giải thích các nội dung trong phiếu khảo sát nếu doanh nghiệp không hiểu. Ngoài ra, để gia tăng tỷ lệ trả lời một cách có hệ thống, nhóm nghiên cứu gửi kèm thư ngỏ (do lãnh đạo UBND tỉnh ký) giải thích cụ thể ý nghĩa quan trọng của cuộc điều tra đối với việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2.2. Phương pháp tính điểm

Mỗi chỉ tiêu của chỉ số thành phần được chuẩn hóa theo thang điểm 10 để tạo cơ sở cho việc so sánh, trong đó cơ quan được đánh giá tốt nhất và kém nhất ở mỗi chỉ tiêu do các doanh nghiệp trả lời khảo sát sẽ được gán các giá trị lần lượt là 10 và 1. Những đánh giá còn lại nằm giữa được quy về điểm số tương ứng trong khoảng điểm này. Công thức quy đổi điểm số cụ thể như sau:

- Nếu điểm chỉ tiêu cao có nghĩa là chất lượng điều hành tốt, áp dụng công thức sau đây được sử dụng: $\{9 * ((\text{Điểm của đơn vị được đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất của mẫu}) / (\text{Điểm lớn nhất của mẫu} - \text{Điểm nhỏ nhất của mẫu})) + 1\}$

- Nếu điểm chỉ tiêu cao có nghĩa là chất lượng điều hành không tốt thì áp dụng công thức: $11 - [9 * ((\text{Điểm của đơn vị được đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất của mẫu}) / (\text{Điểm lớn nhất của mẫu} - \text{Điểm nhỏ nhất của mẫu})) + 1]$

2.3. Phương pháp phân nhóm xếp hạng

Sử dụng phương pháp phân nhóm xếp hạng theo khái niệm thống kê về độ lệch chuẩn của PCI (áp dụng từ năm 2017) để phân nhóm xếp hạng. Phương pháp này cho phép đo lường trung bình khoảng cách điểm số của từng đơn vị đánh giá đến điểm số của đơn vị trung vị DDCI. Phương pháp này khắc phục được những nhược điểm của phương pháp xếp hạng điểm phân nhóm thông thường đối với những dãy số có tính hội tụ. Theo đó, trên cơ sở thực tế triển khai DDCI các năm trước, nhóm nghiên cứu phân hạng các đơn vị trong mỗi khối thành các nhóm sau:

* Đối với khối sở, ban, ngành:

- Nhóm “Rất tốt”: các đơn vị thuộc nhóm “Rất tốt” là các đơn vị có điểm số lớn hơn hoặc bằng điểm trung vị của các đơn vị trong khối (điểm số của đơn vị \geq “Điểm trung vị”).

- Nhóm “Tốt”: các đơn vị thuộc nhóm “Tốt” là các đơn vị có điểm số nằm trong khoảng từ “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn” cho đến dưới “Điểm trung vị” (“Điểm trung vị - độ lệch chuẩn” \leq điểm số của đơn vị $<$ “Điểm trung vị”).

- Nhóm “Khá tốt”: các đơn vị thuộc nhóm “Khá tốt” là các đơn vị có điểm số nằm trong khoảng từ “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn x 2” đến dưới “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn” (“Điểm trung vị - độ lệch chuẩn x 2” \leq điểm số của đơn vị $<$ “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn”).

- Nhóm “Khá”: các đơn vị thuộc nhóm “Khá tốt” là các đơn vị có điểm số nhỏ hơn “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn x 2” (điểm số của đơn vị $<$ “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn x 2”).

*** Đối với khối chính quyền cấp huyện:**

- Nhóm “Rất tốt”: các đơn vị thuộc nhóm “Rất tốt” là các đơn vị có điểm số lớn hơn hoặc bằng “Điểm trung vị + độ lệch chuẩn” (điểm số của đơn vị \geq “Điểm trung vị + độ lệch chuẩn”).

- Nhóm “Tốt”: các đơn vị thuộc nhóm “Tốt” là các đơn vị có điểm số nằm trong khoảng từ “Điểm trung vị” đến dưới “Điểm trung vị + độ lệch chuẩn” (“Điểm trung vị” \leq điểm số của đơn vị $<$ “Điểm trung vị + độ lệch chuẩn”).

- Nhóm “Khá tốt”: các đơn vị thuộc nhóm “Khá tốt” là các đơn vị có điểm số nằm trong khoảng từ “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn” đến dưới “Điểm trung vị” (“Điểm trung vị - độ lệch chuẩn” \leq điểm số của đơn vị $<$ “Điểm trung vị”).

- Nhóm “Khá”: các đơn vị thuộc nhóm “Khá” là các đơn vị có điểm số nhỏ hơn “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn” (điểm số của đơn vị $<$ “Điểm trung vị - độ lệch chuẩn”).

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ

1. Tổng quan doanh nghiệp tham gia khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021

Bảng 1. Quy mô mẫu khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021⁴

| Sở, ban, ngành | Ý kiến đánh giá | Địa phương | Ý kiến đánh giá |
|--------------------------|-----------------|--------------|-----------------|
| Sở Kế hoạch – Đầu tư | 237 | TP. Cao Lãnh | 45 |
| Sở Tài nguyên môi trường | 40 | TP. Sa Đéc | 45 |
| Sở Xây dựng | 109 | TP. Hồng Ngự | 24 |

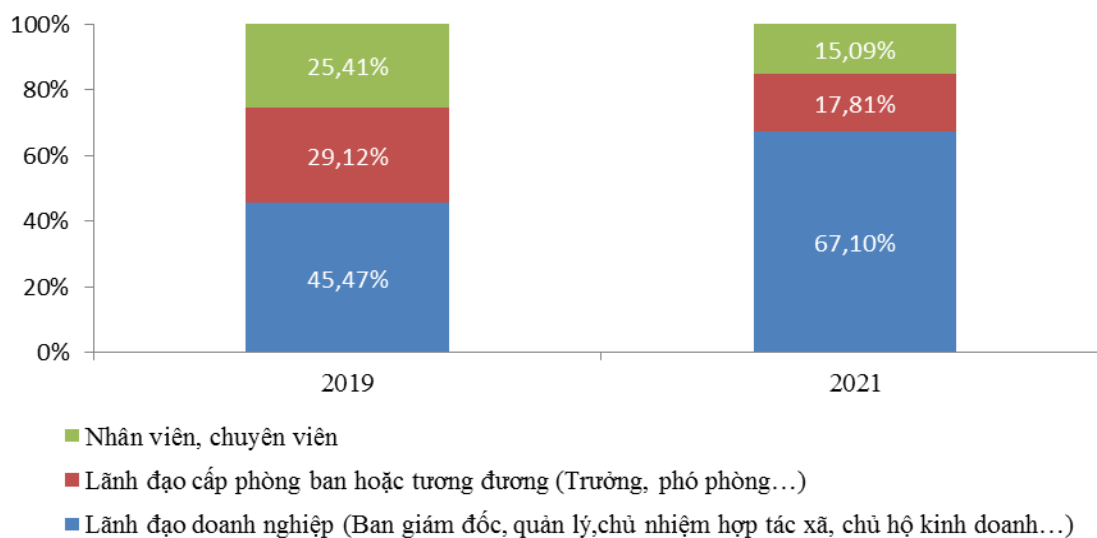
⁴ Năm 2021, số lượng doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính và tương tác với Sở Thông tin&TT thấp hơn số lượng mẫu quy ước (20 doanh nghiệp là số lượng mẫu tối thiểu đã được quy ước tại Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp). Do đó, không đánh giá, xếp hạng điểm số của Sở Thông tin&TT trong năm 2021.

| Sở, ban, ngành | Ý kiến đánh giá | Địa phương | Ý kiến đánh giá |
|--------------------------|-----------------|------------------|-----------------|
| Sở Công Thương | 127 | H. Cao Lãnh | 25 |
| Sở Lao động - TBXH | 25 | H. Châu Thành | 29 |
| Sở Giao thông vận tải | 29 | H. Hồng Ngự | 24 |
| Sở Khoa học và Công nghệ | 33 | H. Lai Vung | 25 |
| Sở Nông Nghiệp & PTNT | 54 | H. Lấp Vò | 31 |
| Sở Văn hóa Thể thao & DL | 30 | H. Tam Nông | 24 |
| Công an tỉnh | 56 | H. Tân Hồng | 23 |
| BQL Khu kinh tế tỉnh | 26 | H. Thanh Bình | 24 |
| Cục Thuế tỉnh | 402 | H. Tháp Mười | 30 |
| Cục Hải quan tỉnh | 37 | | |
| BHXH tỉnh | 91 | | |
| Tổng cộng | 1.296 | Tổng cộng | 349 |

Quy mô mẫu khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 không có sự thay đổi đáng kể so với các năm trước. Theo đó, tổng số phiếu thu về hợp lệ là 1.139 phiếu; trong đó, 790 phiếu mẫu A (đánh giá khối SBN) tương ứng với 1.296 ý kiến đánh giá và 349 phiếu mẫu B (đánh giá UBND các huyện, thành phố) tương ứng với 349 ý kiến đánh giá.

Chức vụ của người trả lời phiếu khảo sát

Biểu đồ 1. Tỷ lệ người trả lời phiếu khảo sát DDCI 2021 và 2019 phân theo chức vụ



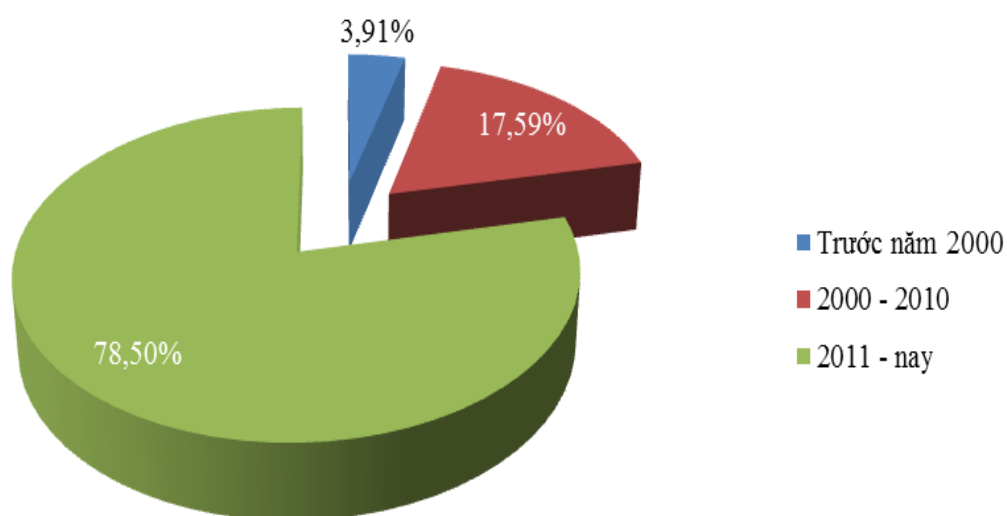
⁵ Mẫu phiếu A áp dụng đánh giá đối với các SBN, trong đó, mỗi doanh nghiệp có thể lựa chọn đánh giá các đơn vị mà doanh nghiệp có tương tác hoặc có hiểu biết nhiều nhất, do đó số ý kiến đánh giá sẽ lớn hơn số phiếu thu được

So với DDCI 2019, chức vụ của người cung cấp thông tin cho khảo sát DDCI 2021 cho thấy một xu hướng tích cực hơn. Theo đó, có đến 67,10% người trả lời phiếu khảo sát DDCI 2021 nằm trong ban lãnh đạo doanh nghiệp, tăng gấp 1,5 lần so với DDCI 2019. Điều này phần nào cho thấy, qua 03 năm liên tục triển khai, DDCI Đồng Tháp đã dần trở thành một kênh thông tin tin cậy, rộng rãi để lãnh đạo doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến, cảm nhận về các khía cạnh liên quan đến năng lực điều hành của các sở, ban, ngành và chính quyền huyện trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tỷ lệ lãnh đạo doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào việc cung cấp thông tin khảo sát cũng giúp nâng cao chất lượng thông tin thu thập được của DDCI.

Tuổi của doanh nghiệp tham gia khảo sát

DDCI 2021 vẫn giữ cơ cấu mẫu khảo sát với phần lớn là doanh nghiệp trẻ (thành lập từ năm 2011 đến nay) bởi vì nhóm doanh nghiệp này thường năng động và tần suất tiếp xúc với các cơ quan nhà nước (thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính, liên hệ tìm hiểu thông tin chính sách, pháp luật và hoạt động thanh, kiểm tra của SBN, chính quyền cấp huyện) sẽ cao hơn các doanh nghiệp lâu năm khác, do đó sẽ có những nhận định, đánh giá khách quan và sát thực hơn. Cụ thể, có 78,50% doanh nghiệp tham gia khảo sát được thành lập từ năm 2011 đến nay; 17,59% thành lập trong giai đoạn 2000 - 2010.

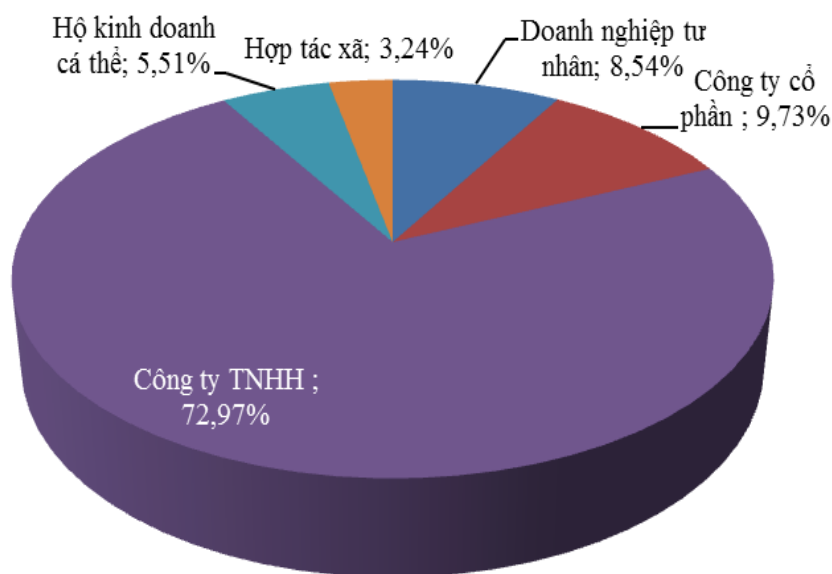
Biểu đồ 2. Cơ cấu tuổi doanh nghiệp tham gia khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021



Loại hình doanh nghiệp

Chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các doanh nghiệp tham gia khảo sát là công ty TNHH với tỷ lệ 72,97%, tiếp theo là loại hình công ty cổ phần với tỷ lệ 9,73%. Nhóm hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã lần lượt chiếm 5,51% và 3,24%.

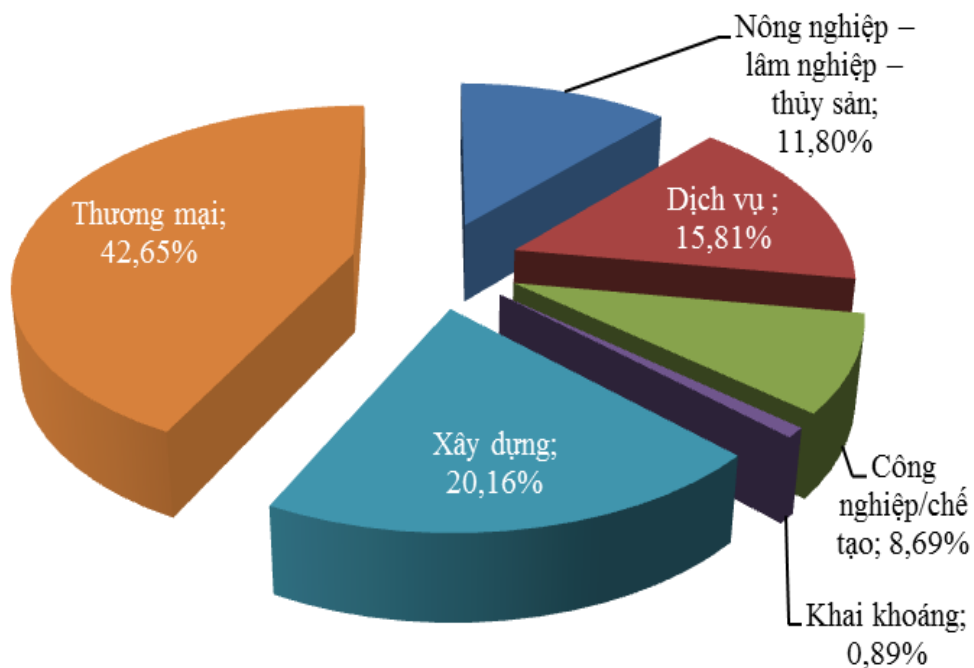
Biểu đồ 3. Cơ cấu loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021



Lĩnh vực hoạt động

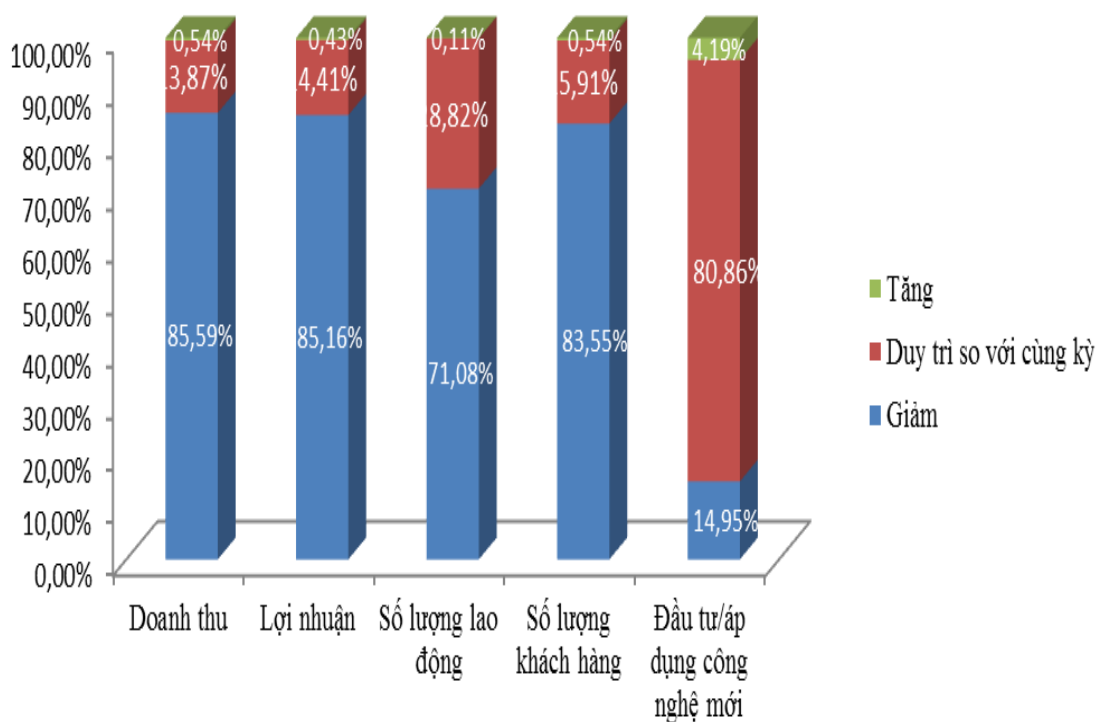
Cơ cấu mẫu khảo sát được phân bổ tương đồng với cơ cấu doanh nghiệp theo lĩnh vực hoạt động của tỉnh Đồng Tháp cũng như đầy đủ các lĩnh vực để có thể đánh giá tương ứng lĩnh vực quản lý điều hành của các đơn vị được đánh giá. Cụ thể, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại chiếm tỷ lệ cao nhất với 42,65%. Tiếp theo là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng với 20,16%; Dịch vụ với 15,81%; lĩnh vực Nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản là 11,80%. Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công nghiệp/chế tạo và lĩnh vực khai khoáng chiếm tỷ lệ lần lượt là 8,69% và 0,89%.

Biểu đồ 4. Cơ cấu lĩnh vực hoạt động doanh nghiệp tham gia khảo sát



Tình hình hoạt động kinh doanh

Biểu đồ 5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020

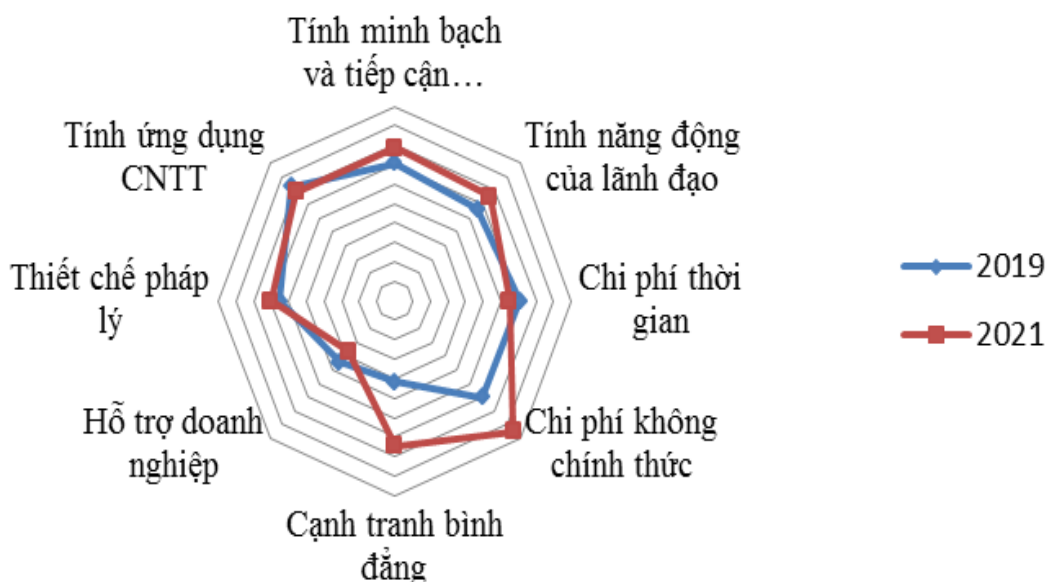


Các con số về tình hình hoạt động của doanh nghiệp năm 2021 cho thấy phần lớn các doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc kinh doanh. Kết quả khảo sát cho thấy bức tranh hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp năm 2021 không thực sự sáng sủa: tỷ lệ doanh nghiệp bị giảm về doanh thu, lợi nhuận, lao động, số lượng khách hàng lên đến hơn 80%. Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp bị giảm lợi nhuận và doanh thu lần lượt là 85,16% và 85,59%. Thêm vào đó, 71,08% số doanh nghiệp phải cắt giảm lao động và 83,55% giảm số lượng khách hàng. Qua đây có thể thấy được sự tác động của đại dịch COVID-19 và những hệ lụy của nó tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp là rất sâu rộng.

Bên cạnh đó, vẫn có một điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đó là 80,86% doanh nghiệp vẫn đầu tư/áp dụng công nghệ mới duy trì so với cùng kỳ năm 2020. Đây là một trong những tiền đề để doanh nghiệp phục hồi hoạt động sản xuất, thích ứng linh hoạt với diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh cũng như các cú sốc kinh tế khác.

2. Kết quả khảo sát DDCI 2021 khối sở, ban, ngành

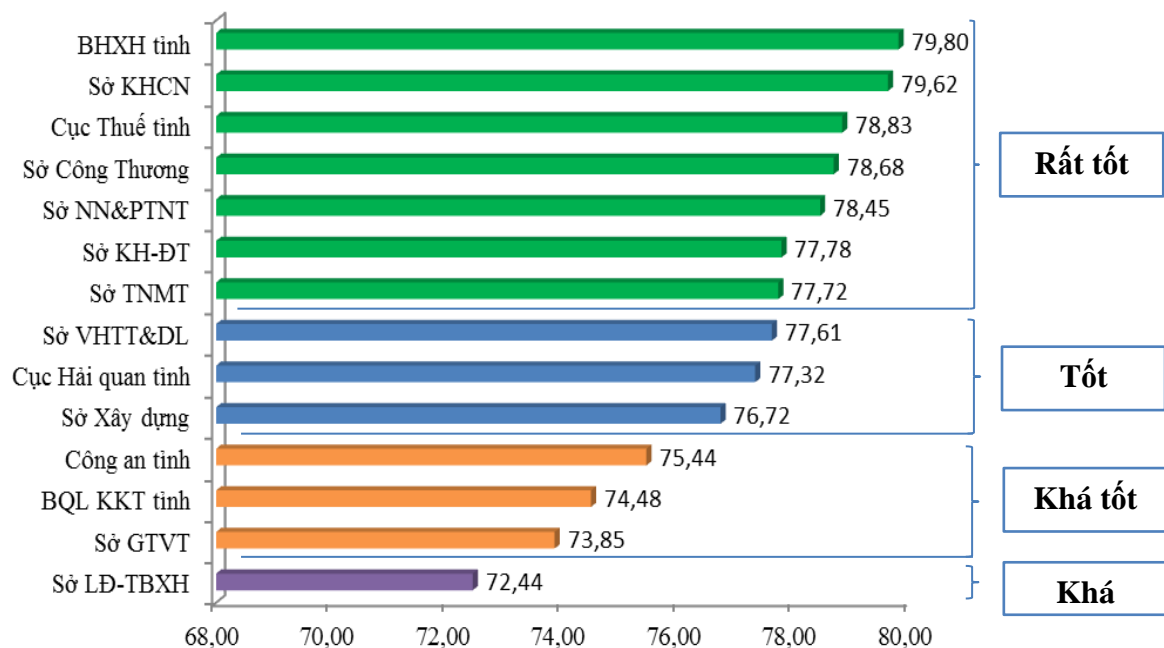
Biểu đồ 6. Trung vị DDCI Đồng Tháp khối sở, ban, ngành năm 2019 và 2021



Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên cả nước nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng trong năm 2021, kết quả đánh giá DDCI Đồng Tháp năm 2021 đối với khối SBN vẫn cho thấy cảm nhận tích cực của

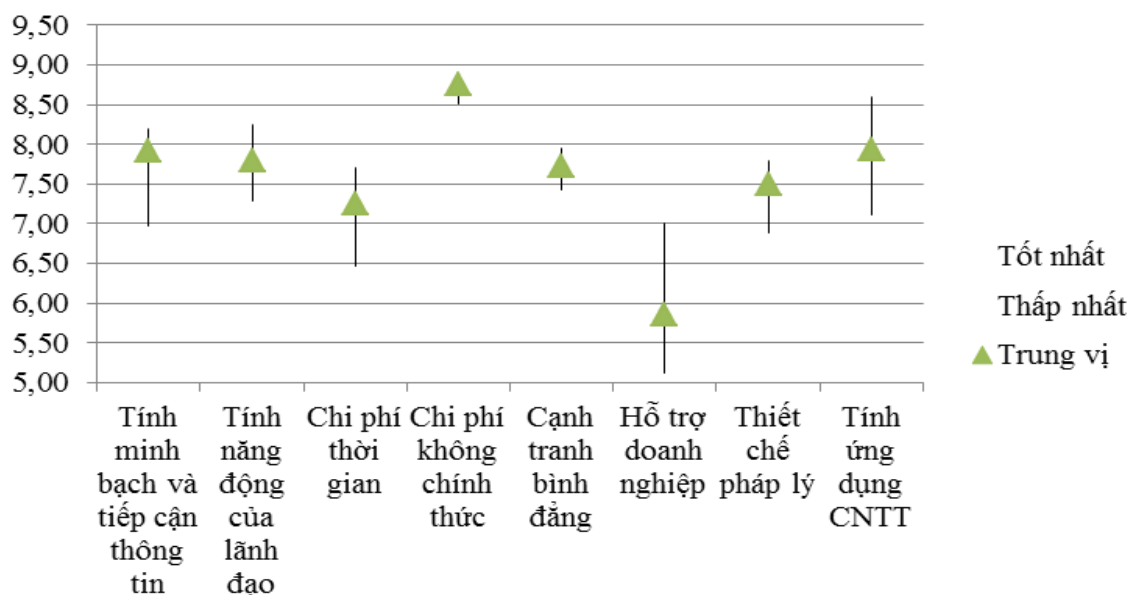
cộng đồng doanh nghiệp đối với hoạt động điều hành của các SBN thuộc tỉnh. Cụ thể, điểm trung vị của DDCI 2021 khối SBN đạt 77,67 điểm, tăng 4,25 điểm so với năm 2019. Có 5/8 chỉ số thành phần có điểm số trung vị tăng, trong đó, 02 chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” và “Cạnh tranh bình đẳng” có điểm số trung vị tăng khá ấn tượng, lần lượt là 1,25 điểm và 1,64 điểm. Bên cạnh đó, có 03 chỉ số thành phần có mức trung vị giảm là “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Chi phí thời gian” và “Tính ứng dụng CNTT”, với mức giảm lần lượt là 0,37 điểm, 0,30 điểm và 0,21 điểm so với năm 2019.

Biểu đồ 7. Điểm số DDCI Đồng Tháp khối SBN năm 2021



Kết quả DDCI Đồng Tháp 2021 khối SBN phần nào cho thấy những nỗ lực của các SBN trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua những khó khăn do dịch bệnh COVID-19 gây ra đã được cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ghi nhận. Theo đó, có đến 07 đơn vị nằm trong nhóm “Rất tốt” (tăng 06 đơn vị so với năm 2019), với điểm số khá cao (từ 77,72 điểm đến 79,80 điểm); 03 đơn vị thuộc nhóm “Tốt”; 03 đơn vị thuộc nhóm “Khá tốt” và 01 đơn vị thuộc nhóm “Khá”.

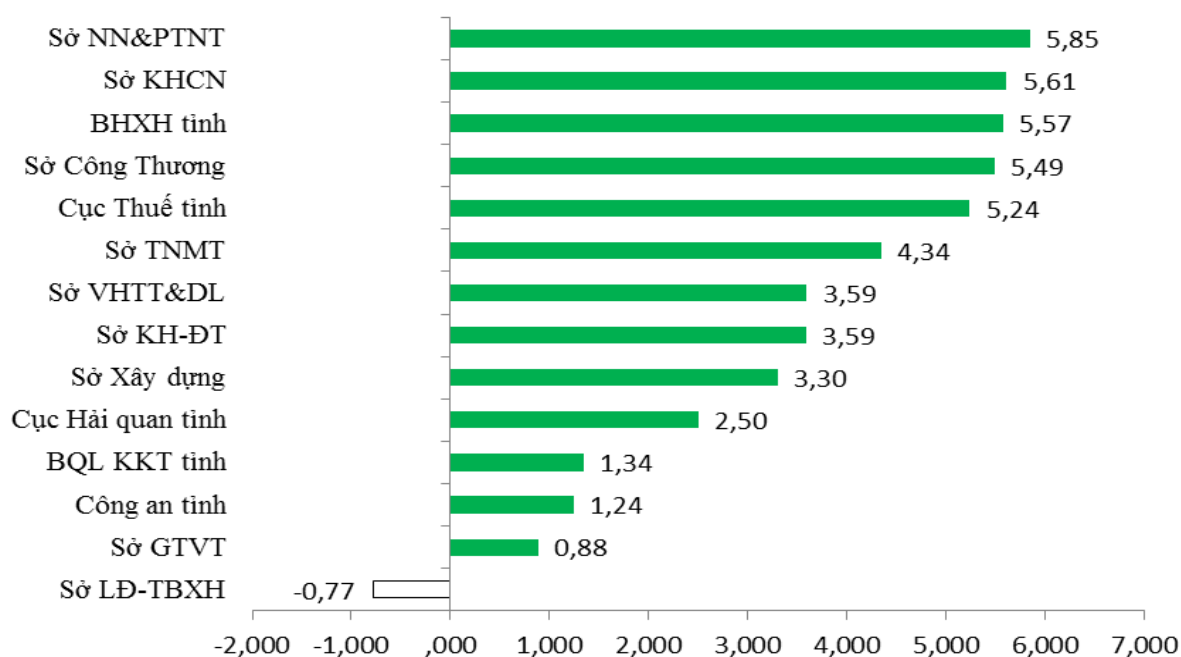
Biểu đồ 8. Phổ điểm các chỉ số thành phần của DDCI khối SBN năm 2021



Tuy nhiên, phổ điểm DDCI Đồng Tháp 2021 khối SBN cũng cho thấy có sự gia tăng khoảng cách giữa các SBN trong cảm nhận của doanh nghiệp đối với môi trường đầu tư, kinh doanh. Theo đó, độ lệch chuẩn⁶ của DDCI khối SBN năm 2021 đạt 2,22 điểm, tăng 1,62 điểm so với năm 2019; khoảng cách điểm số giữa đơn vị tốt nhất với đơn vị thấp nhất trong khối SBN cũng tăng từ 2,22 điểm trong năm 2019 lên thành 7,36 điểm trong năm 2021. Đối với từng chỉ số thành phần, có 06/8 chỉ số thành phần có độ lệch chuẩn tăng so với năm 2019, với mức tăng dao động từ 0,08 điểm đến 0,33 điểm; có 02 chỉ số thành phần có độ lệch chuẩn giảm là “Cạnh tranh bình đẳng” (giảm 0,13 điểm) và “Chi phí không chính thức” (giảm 0,17 điểm). Điều này phần nào cho thấy bên cạnh những đơn vị có sự bức tốc trong công tác cải thiện môi trường kinh doanh, phục vụ doanh nghiệp thì vẫn còn một số đơn vị thuộc khối SBN có dấu hiệu “chững lại” trong công tác này.

⁶ Độ lệch chuẩn cho biết mức độ phân tán của giá trị thống kê so với giá trị trung bình của tập hợp. Độ lệch chuẩn càng cao thì sự phân tán (tính biến động) của tập hợp càng lớn và ngược lại.

Biểu đồ 9. Mức độ thay đổi điểm số DDCI khối SBN năm 2021 so với năm 2019



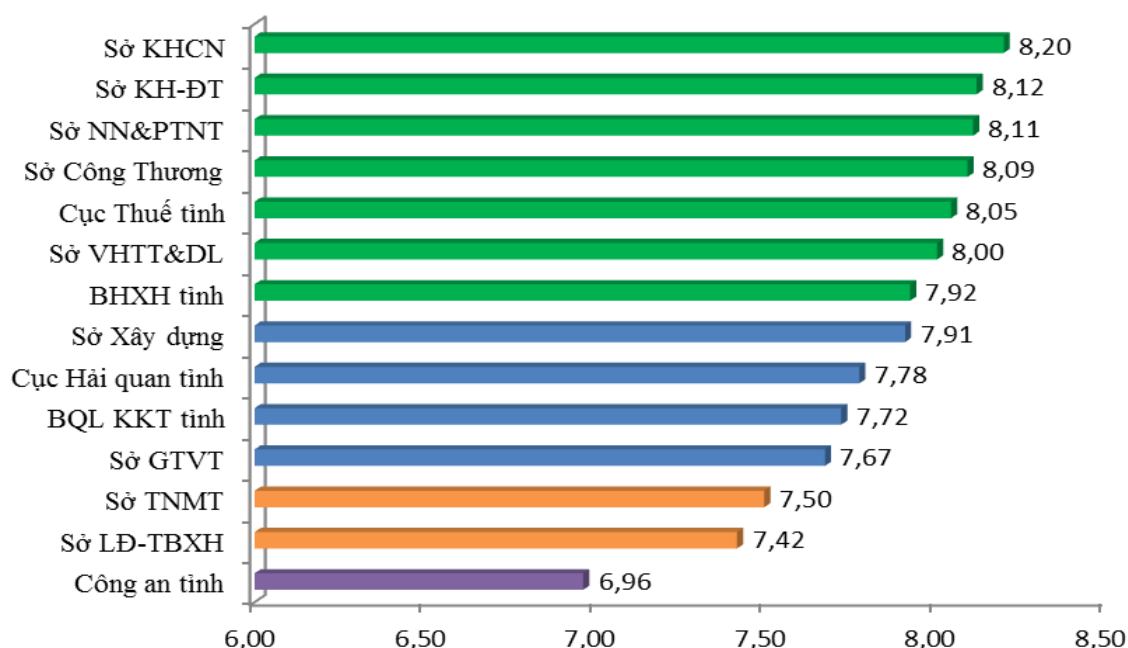
So với năm 2019, có đến 13/14 đơn vị thuộc khối SBN có điểm số được cải thiện trong năm 2021, với mức tăng điểm dao động từ 0,88 điểm đến 5,85 điểm. Điều này cho thấy điểm sáng trong công tác điều hành, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn và bị đình trệ do giãn cách xã hội, nhưng với quyết tâm và nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp của lãnh đạo chính quyền tỉnh cũng như của các SBN đã được cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ghi nhận và đánh giá tích cực.

2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Kết quả DDCI Đồng Tháp ghi nhận Sở KHCN đứng đầu chỉ số thành phần “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” với số điểm là 8,20. Ở vị trí thứ hai và thứ ba lần lượt là Sở KHĐT (8,12 điểm) và Sở NN&PTNT (8,11 điểm). Với mức điểm trung vị đạt 7,92 điểm (tăng 0,39 điểm so với năm 2019), “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” là chỉ số thành phần có điểm trung vị cao thứ 3/8 chỉ số thành phần DDCI. Điều này cho thấy những nỗ lực của các SBN trong công tác công khai, tuyên truyền các thông tin về chính sách, pháp luật của nhà nước đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 cũng như các

đợt giãn cách xã hội, nhu cầu thông tin của doanh nghiệp tăng cao hơn so với bình thường.

Biểu đồ 10. Điểm số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” khối SBN năm 2021

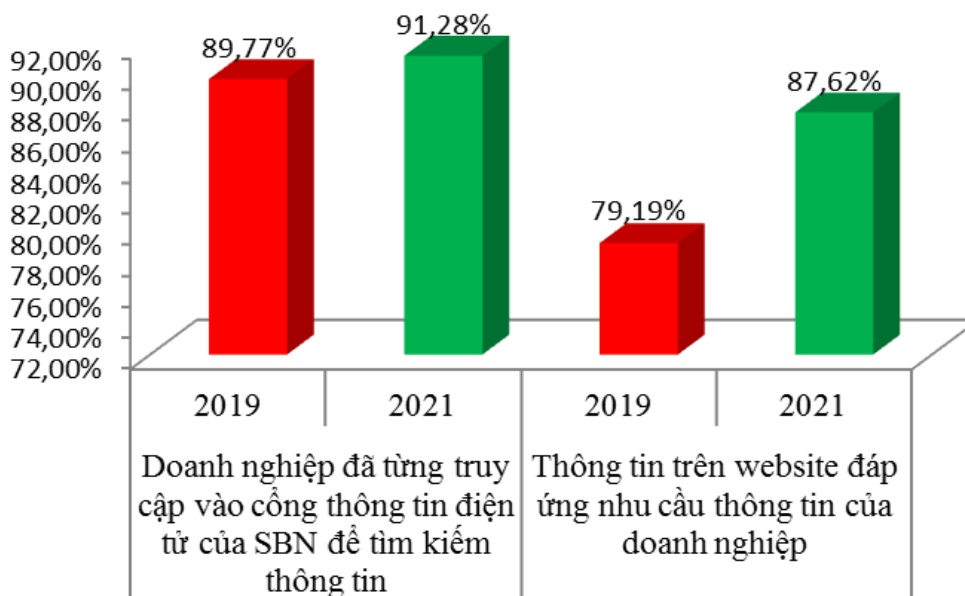


Cụ thể, hầu hết các tiêu chí đánh giá của chỉ số thành phần “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” đều cho thấy xu hướng tích cực so với năm 2019: tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với các nhận định “*Đễ dàng tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi của tỉnh*”, “*Đễ dàng tiếp cận các biểu mẫu thủ tục hành chính*” và “*Thông tin về chính sách, quy định mới được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho doanh nghiệp*” đều tăng so với năm 2019, với mức tăng lần lượt là 12,39%; 8,94% và 16,56%. Một điểm tích cực khác, đó là tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng “*Cần có mối quan hệ với cơ quan Nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu*” đã giảm từ 24,01% trong năm 2019 xuống chỉ còn 9,62% trong năm 2021.

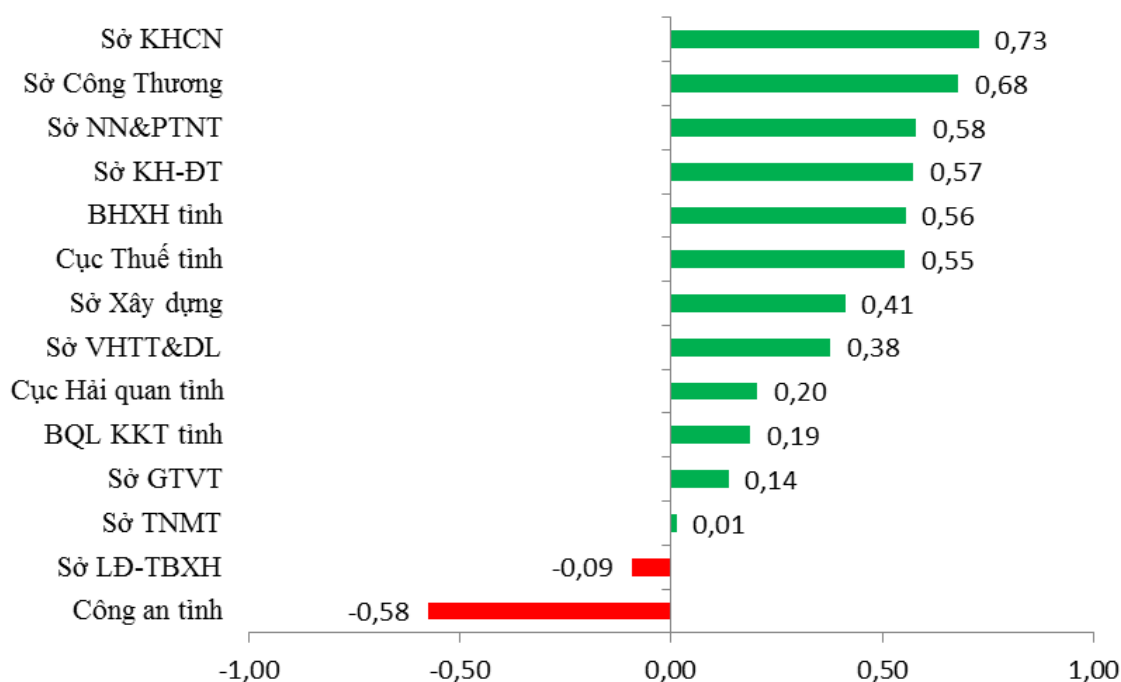
Bên cạnh đó, dưới tác động của dịch bệnh COVID-19 đã thúc đẩy nhanh hơn xu hướng chuyển đổi số, theo đó phương thức tiếp cận thông tin của các doanh nghiệp cũng nhanh chóng chuyển từ trực tiếp sang các công cụ số khác như website, mạng xã hội... Theo đó, tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào trang thông tin điện tử của SBN để tìm kiếm thông tin tiếp tục tăng trong năm 2021, đạt 91,28% (tăng 1,51% so với năm 2019). Trong đó, tỷ lệ doanh nghiệp cho

rằng “Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp” tăng 8,42% so với năm 2019, đạt 87,62%.

Biểu đồ 11. Mức thay đổi tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với tiêu chí “Doanh nghiệp đã từng truy cập vào trang thông tin điện tử của SBN để tìm kiếm thông tin” và “Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp” của khối SBN năm 2021 so với 2019



Biểu đồ 12. Mức thay đổi điểm số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” khối SBN năm 2021 so với năm 2019



So với năm 2019, có 12/14 SBN có điểm số chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” tăng, với mức tăng dao động từ 0,01 điểm đến 0,73 điểm. Ở chiều ngược lại, có 02 đơn vị giảm điểm, đó là Sở LĐ-TBXH (giảm 0,09 điểm) và Công an tỉnh (giảm 0,58 điểm).

Văn bản doanh nghiệp cần không hiện trên website phải gọi lên tổng đài để hướng dẫn.

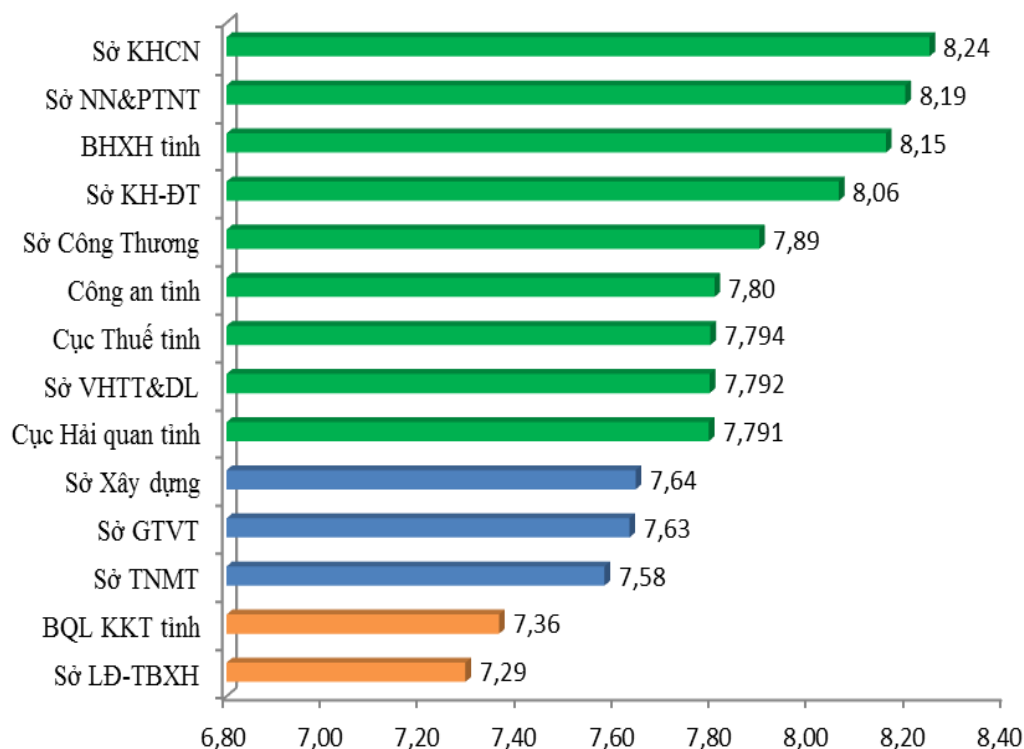
Doanh nghiệp cần hỗ trợ nắm bắt chính sách mới nhiều hơn từ chính quyền tỉnh.

Trích phỏng vấn DDCI Đồng Tháp 2021

2.2. Tính năng động của lãnh đạo

Năm 2021, ghi nhận Sở KHCN đứng đầu chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo” với số điểm là 8,24 điểm (tăng 0,78 điểm). Ở vị trí tiếp theo lần lượt là Sở NN&PTNT (đạt 8,19 điểm) và BHXH tỉnh (đạt 8,15 điểm).

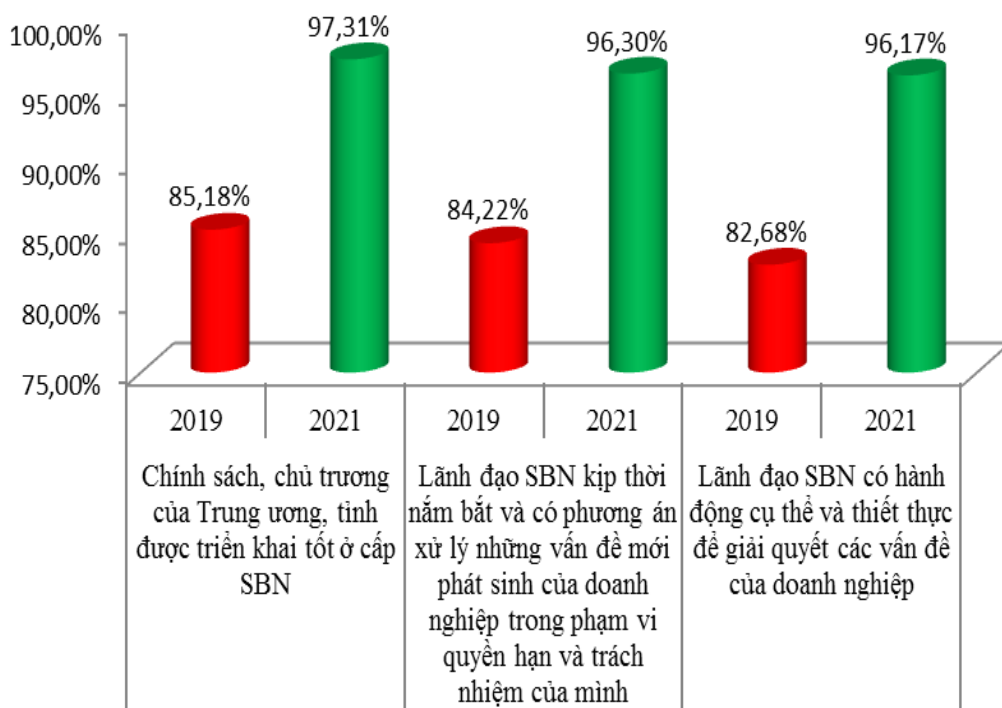
Biểu đồ 13. Điểm số “Tính năng động của lãnh đạo” khối SBN năm 2021



“Tính năng động của lãnh đạo” là một trong ba chỉ số thành phần khối SBN có mức điểm trung vị cải thiện mạnh nhất so với năm 2019, với mức tăng

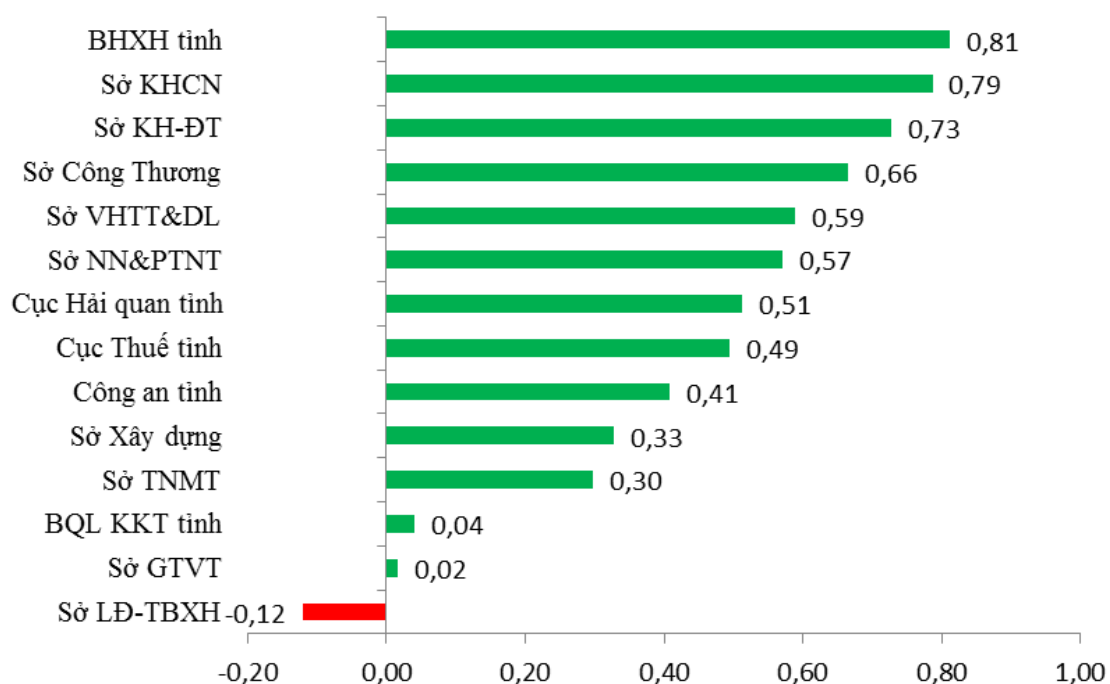
là 0,47 điểm, đạt 7,79 điểm. Theo đó, hầu hết các chỉ tiêu của chỉ số thành phần này đều thể hiện xu hướng tích cực so với năm 2019, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng “Chính sách, chủ trương của Trung ương, tỉnh được triển khai tốt ở cấp SBN”, “Lãnh đạo SBN kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những vấn đề mới phát sinh của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình lý những vấn đề mới phát sinh của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình” và “Lãnh đạo SBN có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp” đều tăng so với năm 2019 lần lượt là 12,13%; 12,08% và 13,49%. Điều này cho thấy trong bối cảnh chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, sự năng động và linh hoạt của lãnh đạo và cán bộ, công chức các SBN trong công tác hỗ trợ giải quyết tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đã được cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ghi nhận.

Biểu đồ 14. Mức thay đổi tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với các nhận định so với năm 2019



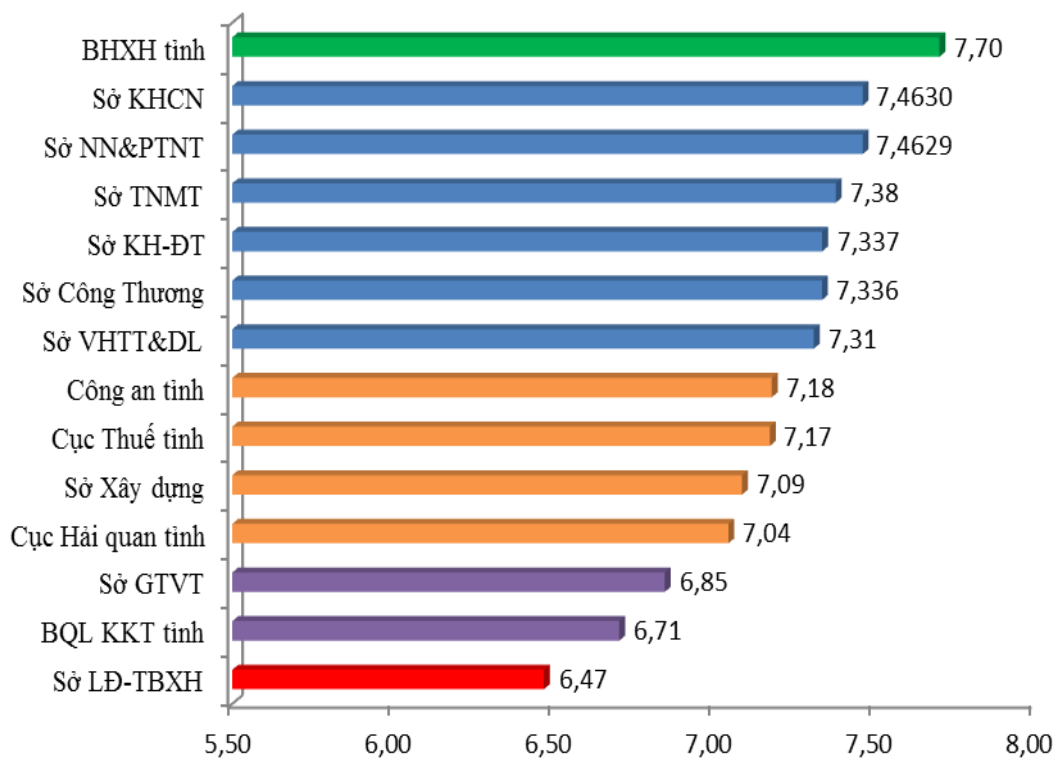
Một điểm tích cực nữa của chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo” trong năm 2021 đó là hầu hết SBN đều tăng điểm so với năm 2019. Trong đó, BHXH tỉnh là đơn vị có điểm số cải thiện nhất với mức tăng 0,81 điểm; tiếp theo lần lượt là Sở KH-CN với 0,79 điểm và Sở KH-ĐT với 0,73 điểm.

Biểu đồ 15. Mức thay đổi điểm số chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo” khối SBN năm 2021 so với năm 2019



2.3. Chi phí thời gian

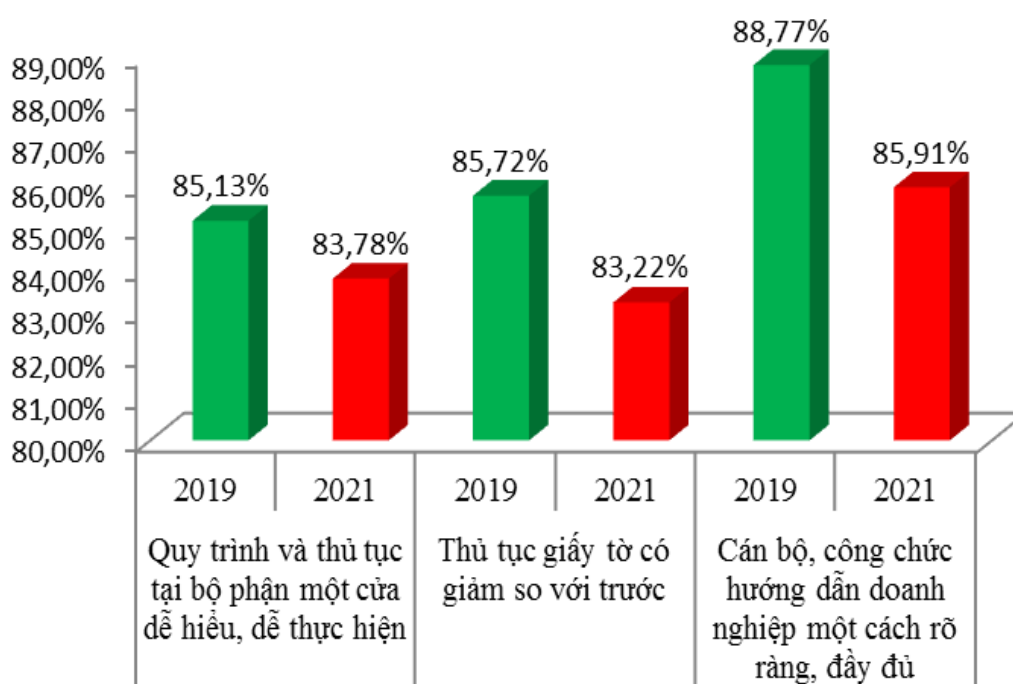
Biểu đồ 16. Điểm số “Chi phí thời gian” khối SBN năm 2021



DDCI Đồng Tháp 2021 ghi nhận BHHH tỉnh vươn lên dẫn đầu chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” với số điểm đạt 7,70 điểm. Ở vị trí tiếp theo lần lượt là các đơn vị: Sở KH&CN (7,4630 điểm) và Sở NN&PTNT (7,4629 điểm).

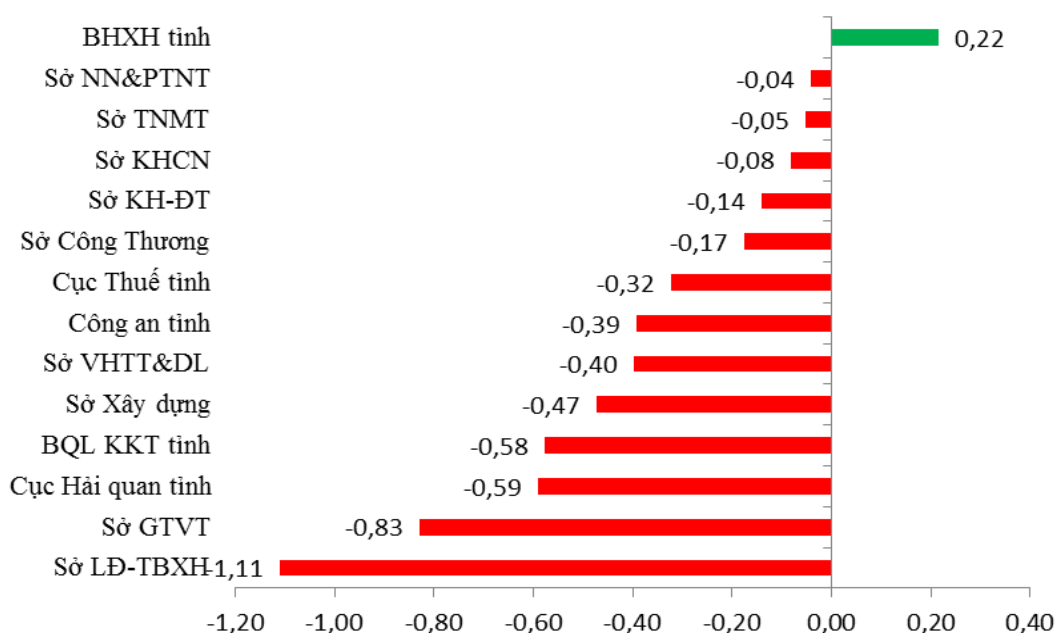
Năm 2021, cảm nhận của cộng đồng doanh nghiệp ở khía cạnh “Chi phí thời gian” đối với khối SBN có phần kém tích cực hơn so với năm 2019, khi mức trung vị giảm 0,30 điểm so với năm 2019. Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý cho rằng “Quy trình và thủ tục tại bộ phận một cửa dễ hiểu, dễ thực hiện”, “Thủ tục giấy tờ có giảm so với trước”, “Cán bộ, công chức hướng dẫn doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ” đều giảm so với năm 2019, với mức giảm lần lượt là 1,35%; 2,5% và 2,86%.

Biểu đồ 17. Mức thay đổi tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý đối với một số chỉ tiêu thuộc “Chi phí thời gian” năm 2021 so với năm 2019



Năm 2021, chỉ có 01 đơn vị tăng điểm chỉ số “Chi phí thời gian” so với năm 2019: BHHH tỉnh với mức tăng đạt 0,22 điểm. Trong khi đó, xu hướng chủ đạo của chỉ số thành phần này khối SBN là giảm điểm, với 13 đơn vị giảm điểm, với mức giảm dao động từ 0,04 điểm đến 1,11 điểm.

Biểu đồ 18. Mức thay đổi điểm số “Chi phí thời gian” khối SBN năm 2021 so với năm 2019



- Nên có sự phối hợp giữa các sở ban ngành với nhau để doanh nghiệp đỡ tốn thời gian khai báo, nộp hồ sơ thông tin. Sở, ban, ngành quản lý chưa thống nhất trong việc cấp giấy đi đường dẫn đến doanh nghiệp tốn nhiều thời gian xin giấy đi đường.

- Tình giãn hơn nữa thủ tục cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

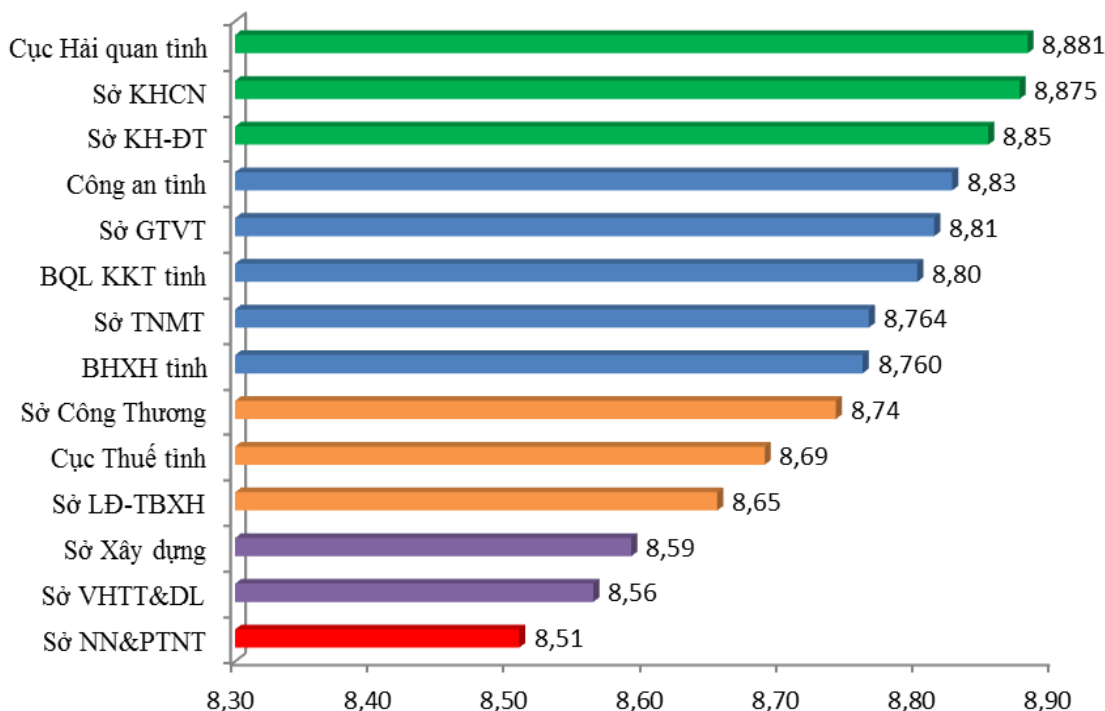
- Chậm cấp giấy phép quyền hoạt động từ phía công ty công phần đầu tư phát triển nhà và khu công nghiệp (HIDICO) về việc thuê đất trong khu công nghiệp Sa Đéc - Đồng Tháp làm ảnh hưởng đến quá trình đầu tư và hoạt động sản xuất, mở rộng quy mô của công ty

Trích phỏng vấn DDCI Đồng Tháp 2021

2.4. Chi phí không chính thức

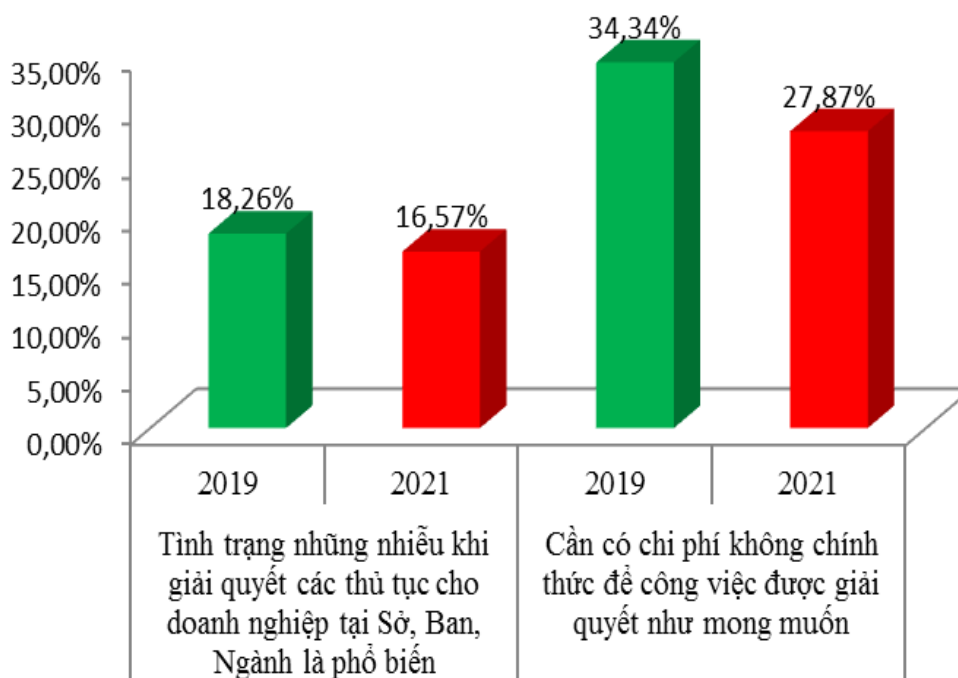
Kết quả DDCI Đồng Tháp 2021 cho thấy sự thay đổi đáng kể thứ hạng của các đơn vị đối với chỉ số “Chi phí không chính thức”. Theo đó, Cục Hải quan tỉnh vươn lên dẫn đầu với 8,881 điểm; các vị trí tiếp theo lần lượt là Sở KHCN (8,875 điểm) và Sở KHĐT (8,85 điểm).

Biểu đồ 19. Điểm số “Chi phí không chính thức” khối SBN năm 2021

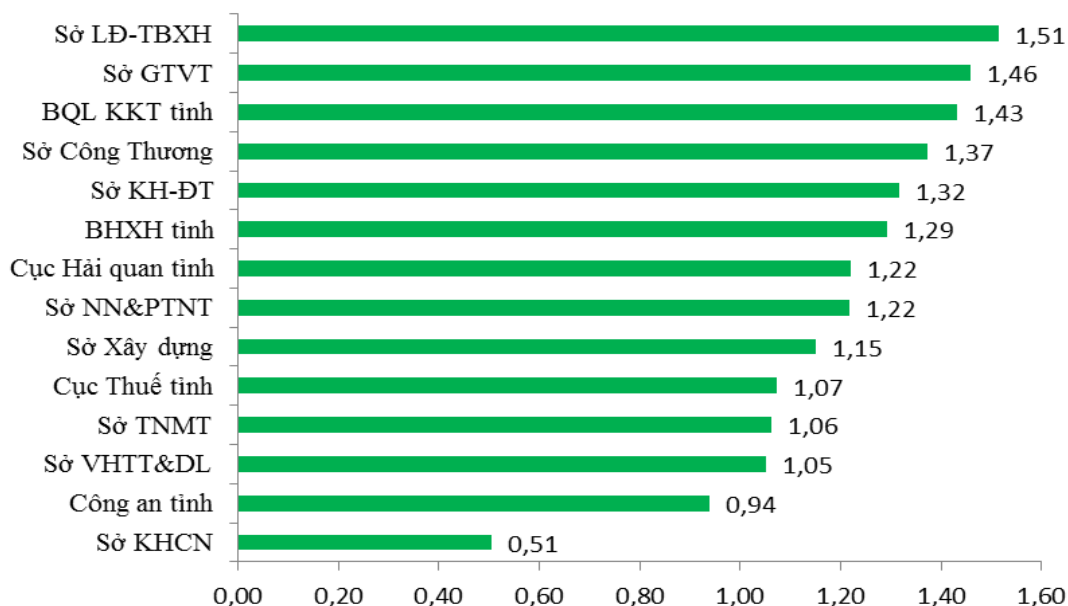


“Chi phí không chính thức” là một trong hai chỉ số thành phần được cải thiện ấn tượng trong năm 2021 của khối SBN. Theo đó, trung vị của chỉ số thành phần này tăng đến 1,25 điểm so với năm 2019, đạt 8,76 điểm; là chỉ số có mức trung vị cao nhất trong 08 chỉ số thành phần của DDCI. Kết quả khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng “*Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được*” đạt 99,49% (tăng 18,24% so với năm 2019). Mặt khác, tỷ lệ đồng ý với các nhận định “*Tình trạng những nhiễu khi giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp tại SBN là phổ biến*” và “*Cần có chi phí không chính thức để công việc được giải quyết như mong muốn*” cũng lần lượt giảm 1,68% và 6,47%. Ngoài ra, có đến 97,73% doanh nghiệp được khảo sát cho biết “*Chủ động chi mặc dù cán bộ không đòi hỏi*”, chỉ có 2,27% cho biết “*Buộc phải chi vì cán bộ gợi ý*”. Điều này phần nào cho thấy thực trạng doanh nghiệp phải bỏ ra các khoản chi phí không chính thức để lót tay, bôi trơn đã được cải thiện rõ rệt và việc chi các chi phí không chính thức không hoàn toàn xuất phát từ cán bộ, công chức thi hành công vụ mà đa phần từ phía bản thân doanh nghiệp.

Biểu đồ 20. Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với một số tiêu chí thuộc chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” của khối SBN năm 2019 và 2021



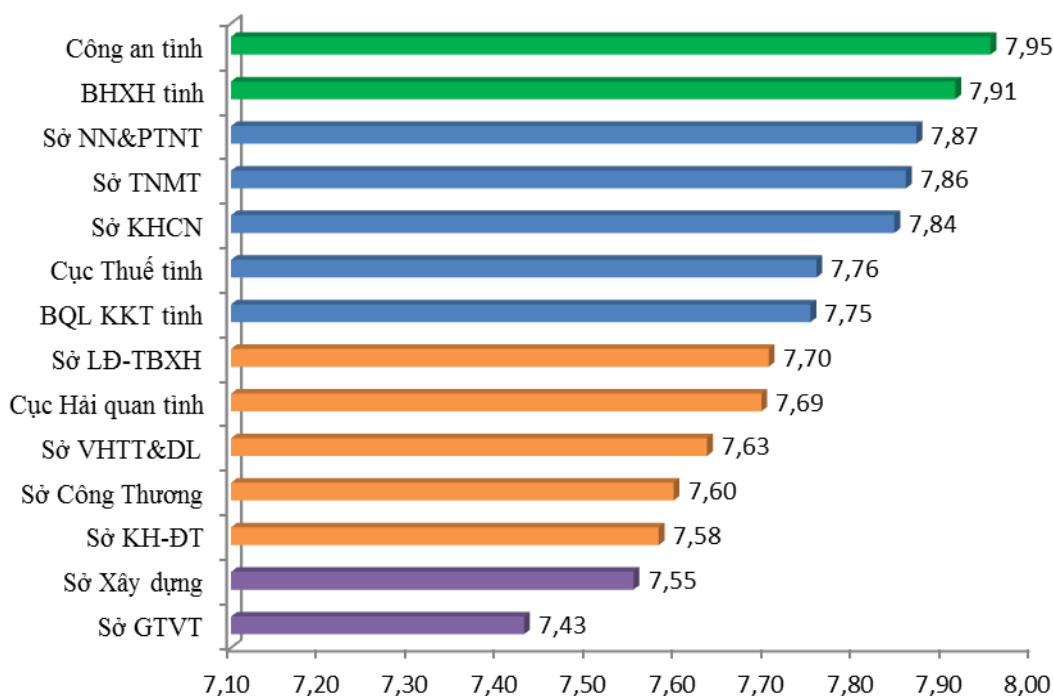
Biểu đồ 21. Mức thay đổi điểm số “Chi phí không chính thức” khối CQCM năm 2021 so với năm 2019



DDCI Đồng Tháp 2021 cho thấy xu hướng tăng điểm tích cực của các SBN trong chỉ số “Chi phí không chính thức”, với mức tăng dao động từ 0,51 điểm đến 1,51 điểm.

2.5. Cạnh tranh bình đẳng

Biểu đồ 22. Điểm số chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” khối SBN năm 2021

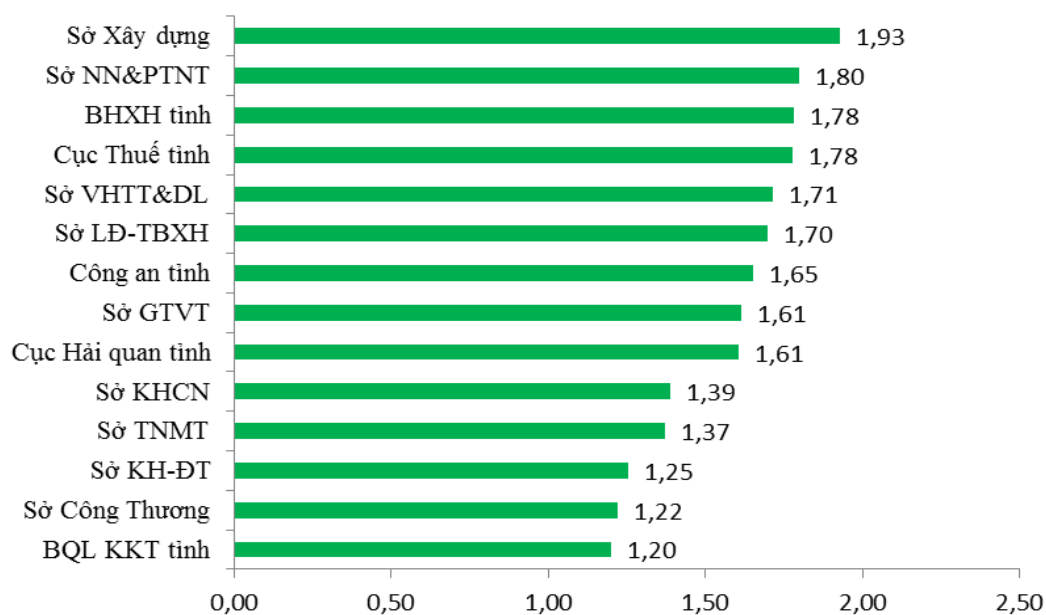


DDCI Đồng Tháp 2021 ghi nhận sự vươn lên dẫn đầu chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của Công an tỉnh với số điểm là 7,95 điểm. Ở hai vị trí tiếp theo là sự vươn lên của BHXH tỉnh và Sở NN&PTNT với số điểm lần lượt là 7,91 điểm và 7,87 điểm.

Năm 2021, “Cạnh tranh bình đẳng” là chỉ số thành phần được cải thiện tốt nhất trong khối SBN, với mức trung vị tăng đến 1,64 điểm so với năm 2019, đạt 7,73 điểm. Cụ thể, hầu hết các tiêu chí đánh giá của chỉ số thành phần này đều cho thấy xu hướng tích cực: tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý cho rằng được bình đẳng trong “*tiếp cận thông tin*”, “*nhận được các chính sách ưu đãi (vốn vay, mặt bằng kinh doanh...)*”, “*giải quyết khó khăn*”, “*tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đấu thầu, khoáng sản...)*” đều đạt khá cao, lần lượt là 80,97%; 80,23%; 79,05% và 78,23%.

DDCI Đồng Tháp 2021 cũng cho thấy xu hướng tích cực của các SBN đối với chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” khi tất cả đơn vị thuộc khối SBN đều tăng điểm ở chỉ số thành phần này, với mức tăng khá cao, dao động từ 1,20 điểm đến 1,93 điểm.

Biểu đồ 23. Mức thay đổi điểm số “Cạnh tranh bình đẳng” khối SBN năm 2021 so với năm 2019

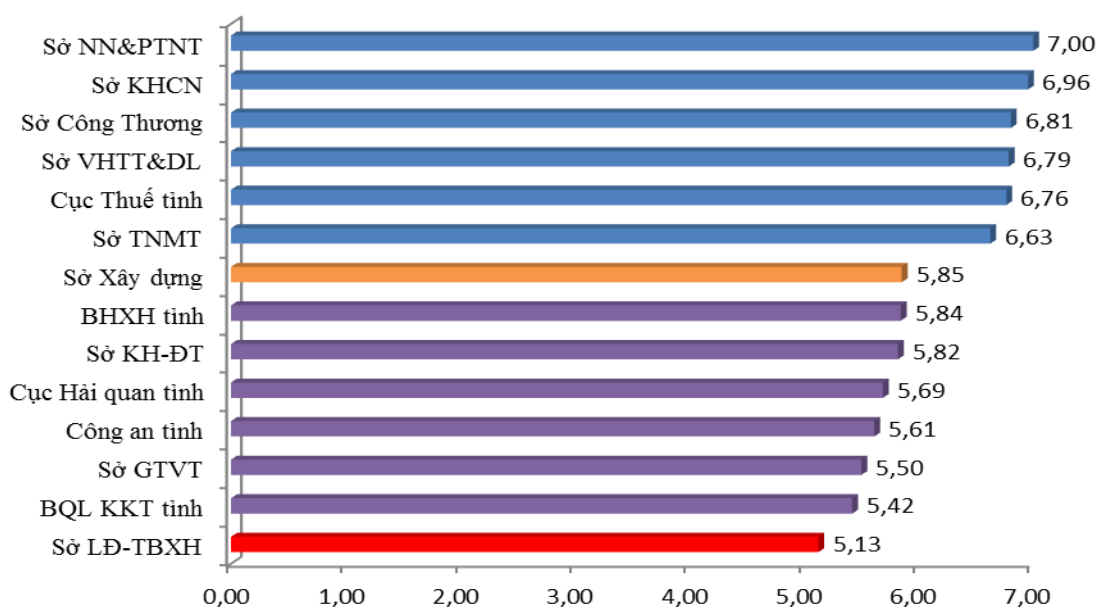


Mong cơ quan nhà nước thường xuyên kiểm tra các hoạt động vận tải để bắt (cấm) hoạt động chở quá tải, tạo sự công bằng cho các doanh nghiệp trong hoạt động cạnh tranh.

Trích phỏng vấn DDCI Đồng Tháp 2021

2.6. Hỗ trợ doanh nghiệp

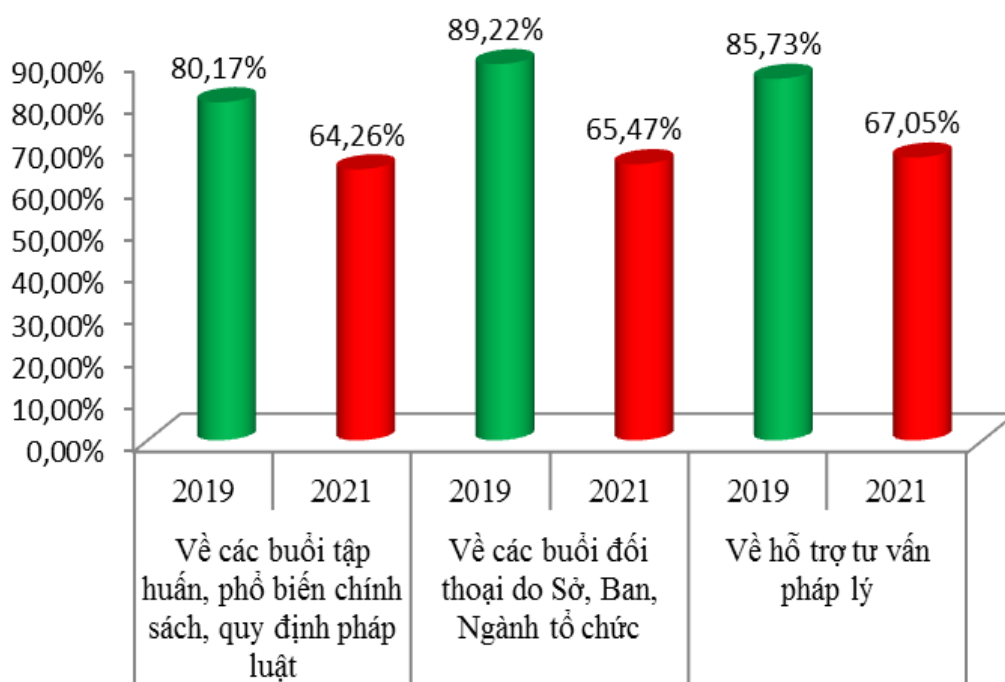
Biểu đồ 24. Điểm số chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối SBN năm 2021



Kết quả DDCI Đồng Tháp 2021 cho thấy Sở NN&PTNT đứng đầu chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” với điểm số là 7,00 điểm. Sở KHCN (6,96 điểm) và Sở Công Thương (6,81 điểm) xếp lần lượt ở vị trí thứ hai và thứ ba.

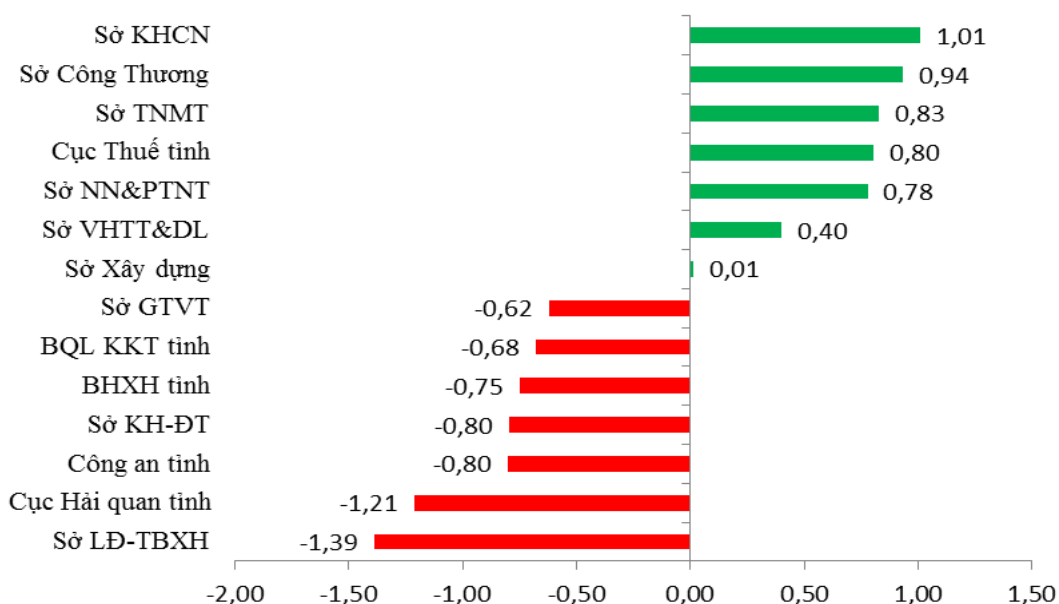
Điểm trung vị chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối SBN năm 2021 giảm tương đối mạnh so với năm 2019 với mức giảm là 0,37 điểm. Điều này cho thấy các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của các SBN chưa đạt được như kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19 đối với môi trường đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của SBN là thiết thực giảm mạnh so với năm 2019: “về các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật” (giảm 15,91%), “về các buổi đối thoại do sở, ngành tổ chức” (giảm 23,74%), “về hỗ trợ tư vấn pháp lý” (giảm 18,67%).

Biểu đồ 25. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của các SBN là thiết thực năm 2019 và 2020



DDCI Đồng Tháp 2021 cho thấy bên cạnh những đơn vị có sự cải thiện tương đối tốt trong các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thì vẫn có những đơn vị mà doanh nghiệp có cảm nhận kém tích cực hơn ở khía cạnh này. Theo đó, so với năm 2019, có 07 đơn vị có điểm số “Hỗ trợ doanh nghiệp” tăng với mức tăng dao động từ 0,01 điểm đến 1,01 điểm; ở chiều ngược lại, có 07 đơn vị giảm điểm, với mức giảm dao động từ 0,62 điểm đến 1,39 điểm.

Biểu đồ 26. Mức thay đổi điểm số “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối SBN năm 2021 so với năm 2019



- Mong Sở NN&PTNT hỗ trợ doanh nghiệp và tổ hợp tác kết nối với chuỗi cung ứng của Bách Hóa Xanh để tháo gỡ đầu ra cho sản phẩm; sớm được cấp mã vùng nông sản để sản phẩm có thương hiệu.

- Gặp nhiều khó khăn trong việc chuyển đổi sang mô hình số hóa, mã vạch

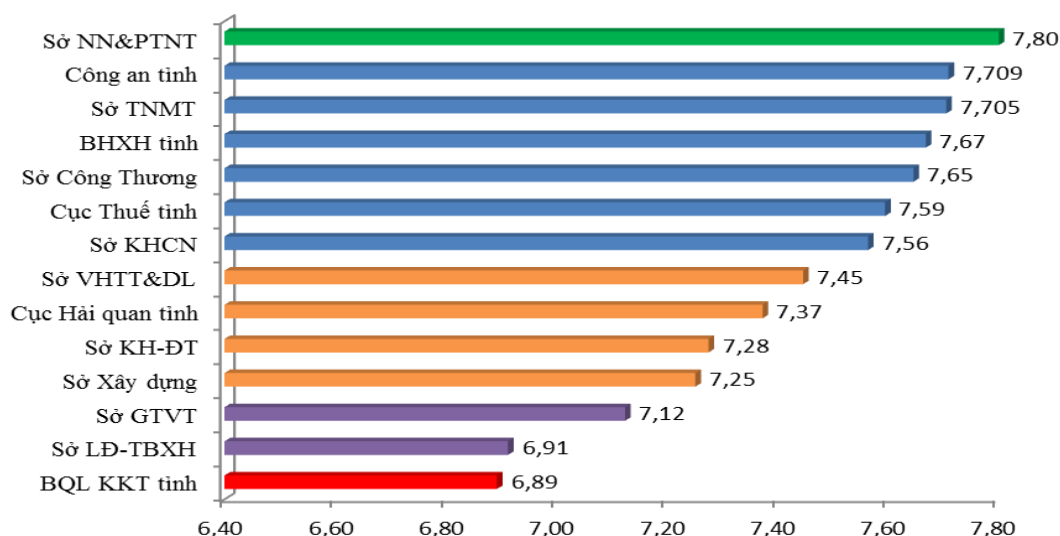
- Kiến nghị Sở KHCN nên có những đề tài nghiên cứu chuyển giao, tư vấn đến doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất

Trích phỏng vấn DDCI

2.7. Thiết chế pháp lý

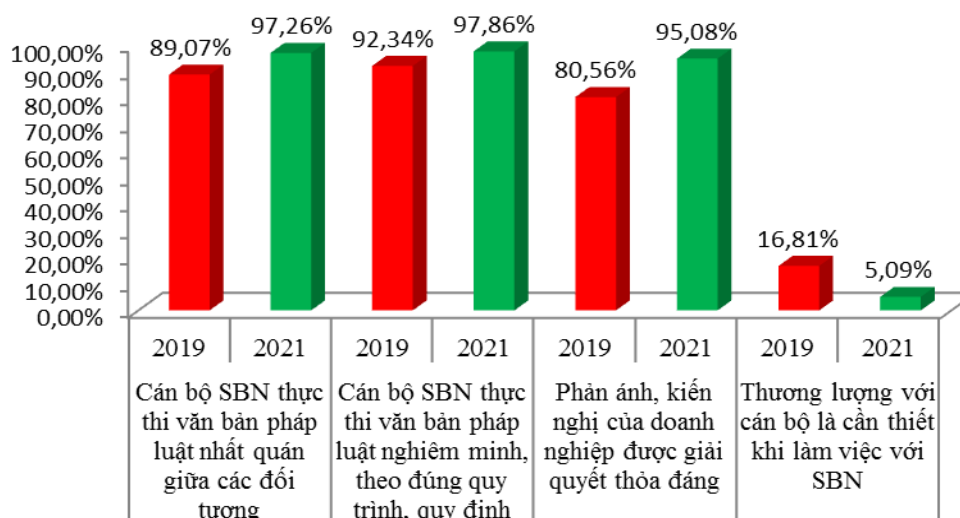
DDCI Đồng Tháp 2021 ghi nhận Sở NN&PTNT đứng đầu chỉ số “Thiết chế pháp lý” với số điểm là 7,80. Ở vị trí tiếp theo, lần lượt là Công an tỉnh với 7,709 điểm và Sở TNMT với 7,705 điểm.

Biểu đồ 27. Điểm số “Thiết chế pháp lý” khối SBN năm 2021

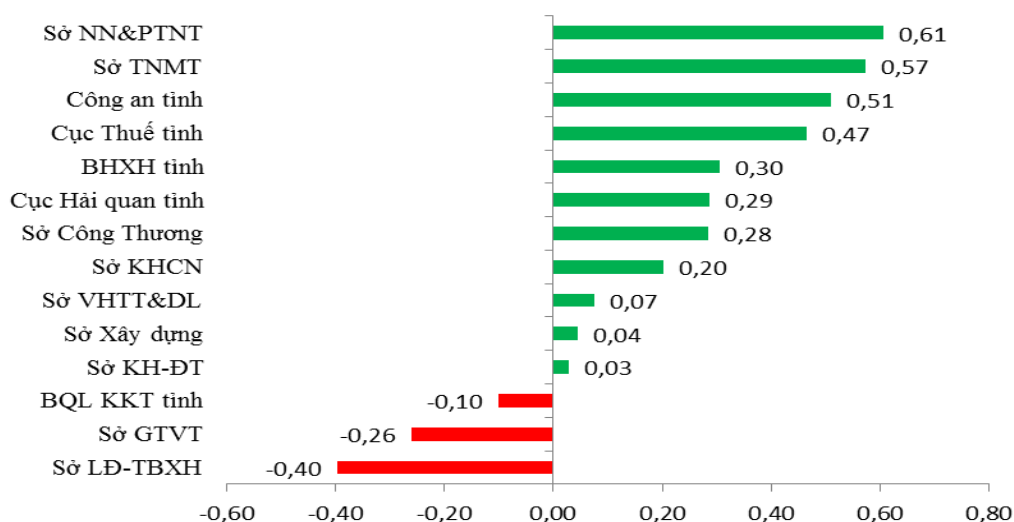


So với năm 2019, trung vị của chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý” khối SBN năm 2021 tăng 0,26 điểm, đạt 7,50 điểm. Kết quả khảo sát cho thấy doanh nghiệp có cảm nhận tích cực hơn về công tác thi hành, thực thi pháp luật của SBN: tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý cho rằng “Cán bộ SBN thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các đối tượng”, “Cán bộ SBN thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định” và “Phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng” đều tăng so với năm 2019, với mức tăng lần lượt là 8,19%; 5,52% và 14,52%. Đồng thời, tỷ lệ doanh nghiệp cho biết “Thương lượng với cán bộ là cần thiết khi làm việc với SBN” cũng chỉ còn 5,09% (giảm 11,72% so với năm 2019).

Biểu đồ 28. Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với một số chỉ tiêu đánh giá thuộc chỉ số “Thiết chế pháp lý” năm 2019 và 2021



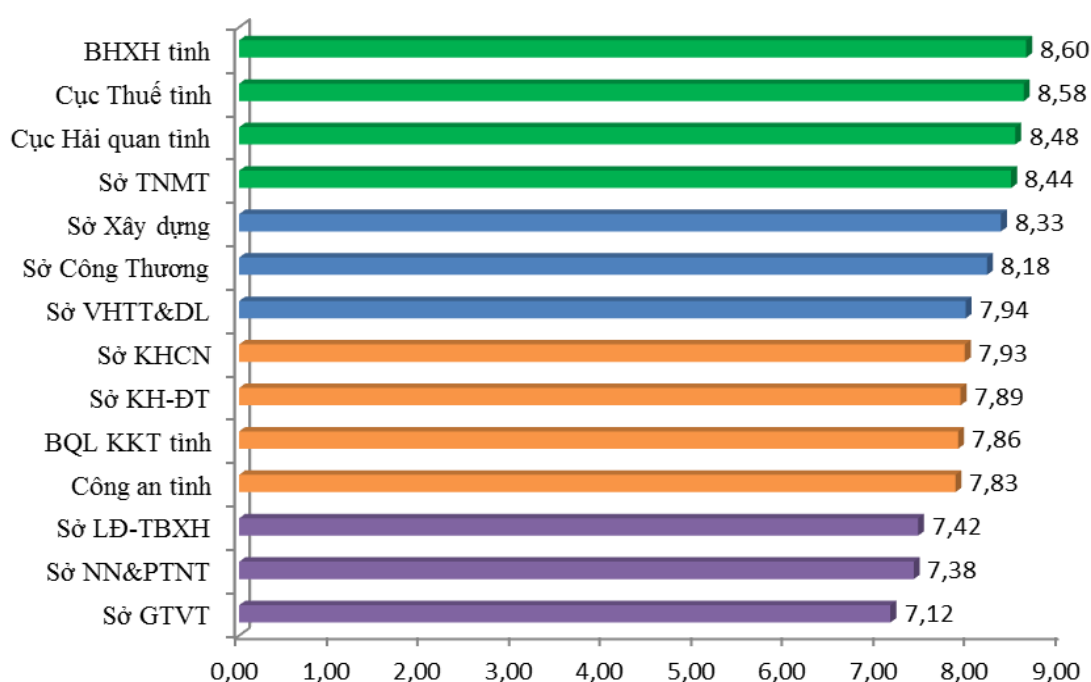
Biểu đồ 29. Mức thay đổi điểm số chỉ số “Thiết chế pháp lý” khối SBN năm 2021 so với năm 2019



Về mức độ thay đổi điểm số, tăng điểm là xu hướng chủ đạo của khối SBN trong năm 2021. Trong đó, có 11/14 đơn vị tăng điểm chỉ số “Thiết chế pháp lý” so với năm 2019, với mức tăng dao động từ 0,03 điểm đến 0,61 điểm. Ở chiều ngược lại, có 03 đơn vị giảm điểm, với mức giảm dao động từ 0,1 điểm đến 0,4 điểm.

2.8. Tính ứng dụng công nghệ thông tin

Biểu đồ 30. Điểm số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” khối SBN năm 2021

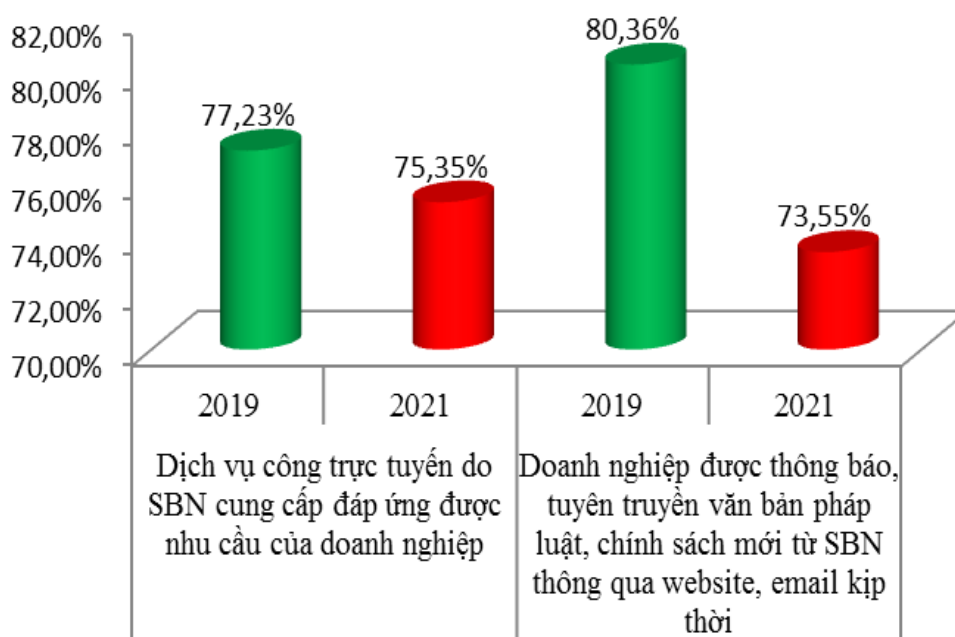


Năm 2021, BHXH tỉnh, Cục Thuế tỉnh và Cục Hải quan tỉnh là 03 đơn vị đứng đầu chỉ số “Tính ứng dụng CNTT”, với số điểm khá cao, lần lượt là 8,60 điểm; 8,58 điểm và 8,48 điểm.

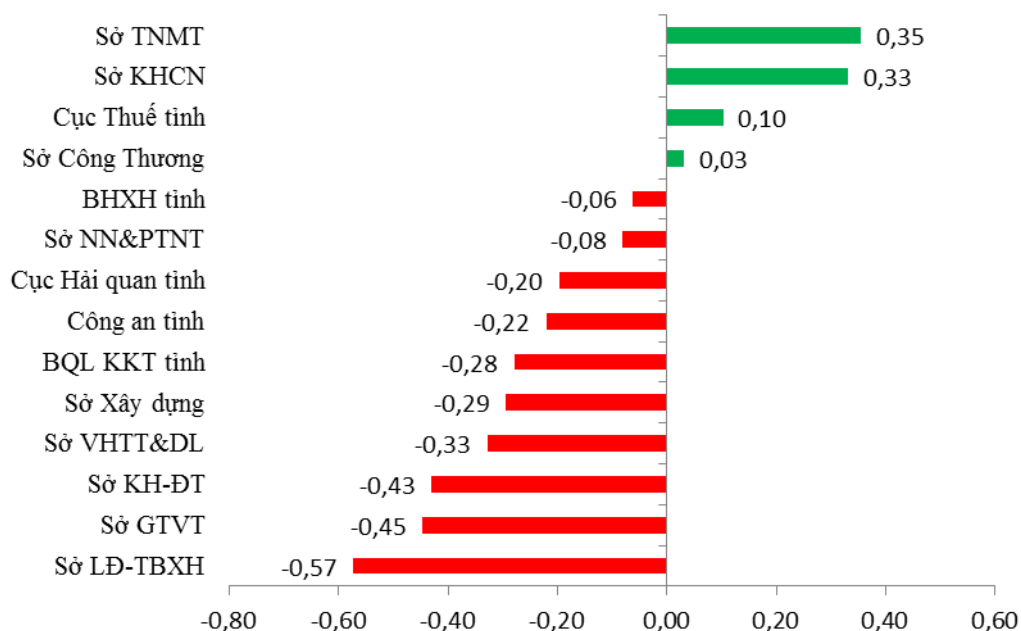
Với mức trung vị đạt 7,94 điểm, “Tính ứng dụng CNTT” là chỉ số thành phần có mức trung vị cao thứ 2/8 chỉ số thành phần DDCI khối SBN. Tuy nhiên, so với năm 2019, mức trung vị của chỉ số thành phần này của khối SBN giảm 0,21 điểm.

Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với các nhận định “*Dịch vụ công trực tuyến do sở, ban, ngành cung cấp đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp*” và “*Doanh nghiệp được thông báo, tuyên truyền văn bản pháp luật, chính sách mới từ SBN thông qua website, email kịp thời*” đều giảm so với năm 2019, với mức giảm lần lượt là 1,88% và 6,82%. Điều này phần nào cho thấy, công tác ứng dụng CNTT của SBN trong giải quyết thủ tục hành chính cũng như phổ biến chính sách mới chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp. Đặc biệt là trong bối cảnh tác động của dịch bệnh COVID-19, trong khoảng thời gian giãn cách xã hội, nhu cầu này của doanh nghiệp có xu hướng tăng hơn so với bình thường.

Biểu đồ 31. Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với các chỉ tiêu đánh giá thuộc chỉ số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” khối SBN năm 2019 và 2021



Biểu đồ 32. Mức thay đổi điểm số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” khối SBN năm 2021



Kết quả DDCI Đồng Tháp 2021 cho thấy xu hướng giảm điểm chỉ số “Tính ứng dụng CNTT” của phần lớn các đơn vị thuộc SBN. Theo đó, chỉ có 04 đơn vị tăng điểm so với năm 2019, với mức tăng từ 0,03 điểm đến 0,35 điểm. Trong khi đó, có 10 đơn vị giảm điểm, với mức giảm dao động từ 0,06 điểm đến 0,57 điểm.

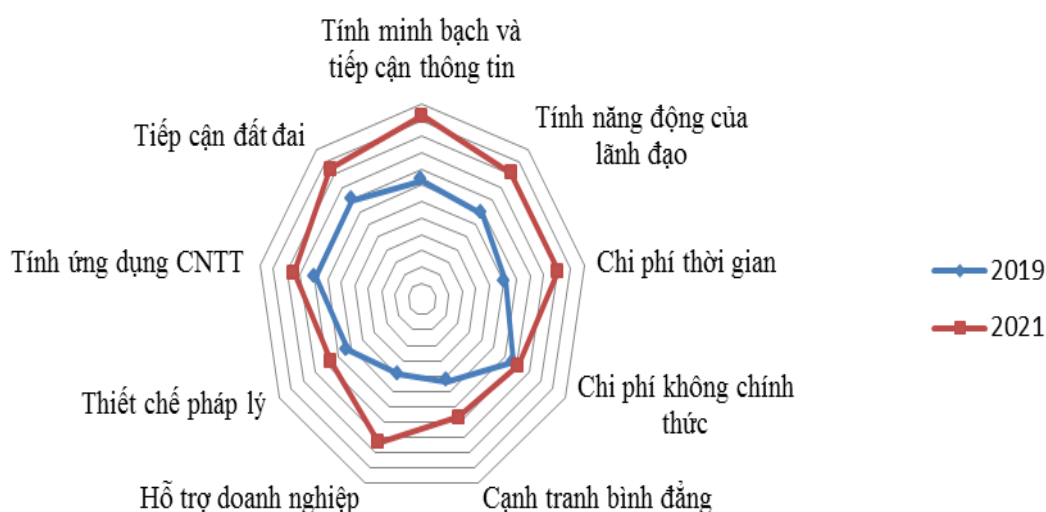
- Thủ tục nộp hồ sơ trực tuyến còn mất thời gian và bất cập, nếu sai sót phải 3 ngày sau mới điều chỉnh được.
- Về chuyển đổi số, tỉnh nên có những hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp, đưa ra checklist theo thứ tự để hướng dẫn doanh nghiệp làm.
- Nên gửi các thông tin, thông báo, các chính sách về hỗ trợ dịch COVID-19 cũng như các chính sách hướng dẫn về phòng chống COVID-19 trực tiếp đến doanh nghiệp thông qua email hoặc điện thoại

Trích phỏng vấn DDCI

3. Kết quả khảo sát DDCI 2021 khối chính quyền địa phương

Kết quả khảo sát đánh giá DDCI Đồng Tháp đối với khối chính quyền địa phương cho thấy cảm nhận khá tích cực của cộng đồng doanh nghiệp đối với chất lượng điều hành của khối chính quyền cấp huyện trong năm 2021. Kết quả cho thấy, điểm số DDCI trung vị của các huyện, thành phố năm 2021 đạt 77,71 điểm, cải thiện tích cực so với các năm trước (67,67/100 điểm năm 2019 và 64,65/100 điểm năm 2018).

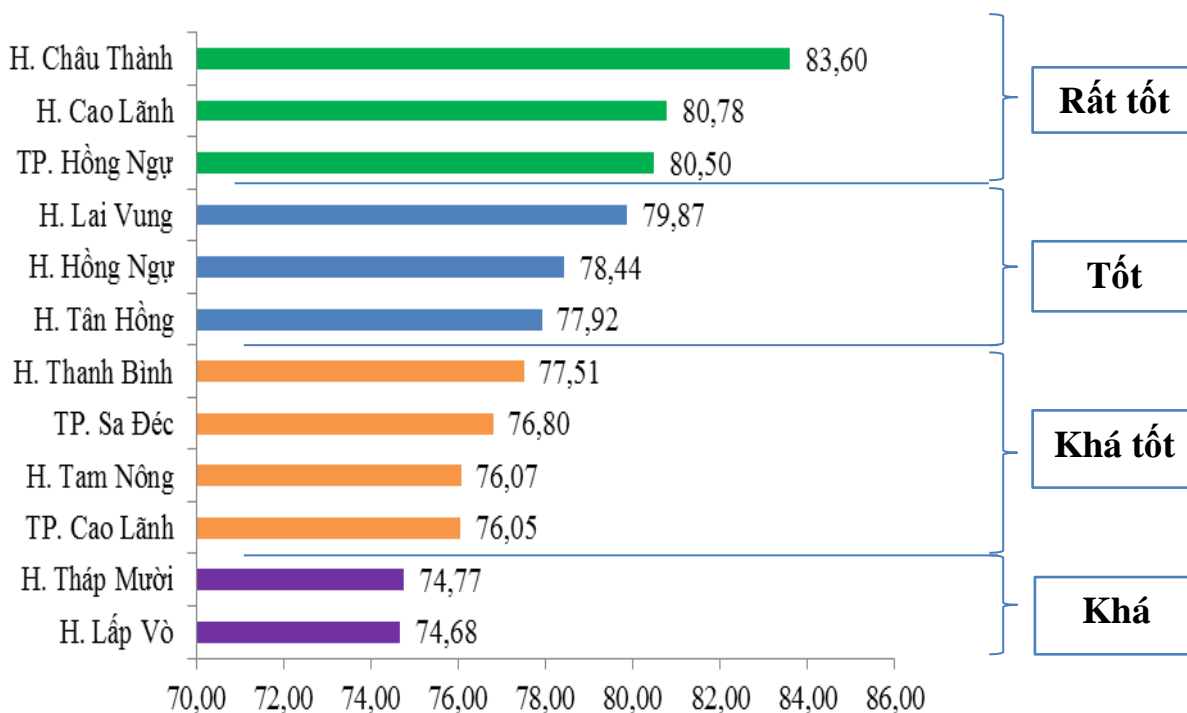
Biểu đồ 33. Trung vị DDCI Đồng Tháp khối chính quyền huyện năm 2019 và 2021



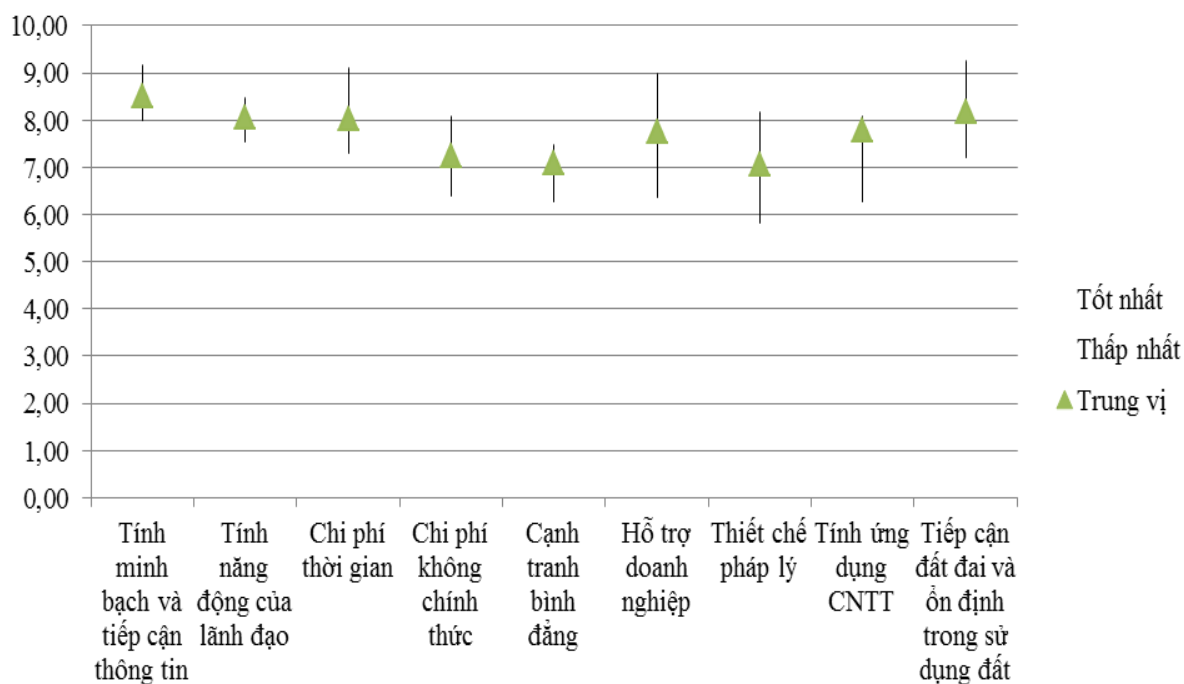
Một kết quả đáng chú ý nữa là, điểm số trung vị ở tất cả các chỉ số thành phần đều đã được cải thiện so với các năm trước đó. Bên cạnh đó, so với kết quả đánh giá năm 2018, sự bứt phá mạnh mẽ của một số địa phương đã làm cho khoảng cách giữa địa phương đứng đầu và địa phương đứng cuối trong kết quả khảo sát đánh giá DDCI Đồng Tháp năm 2019 đã có sự tách biệt khá rõ, trong khi đó khoảng cách này năm 2018 là 2,94 điểm thì khoảng cách này năm 2019 đã tăng lên mức 13,64 điểm. Tuy nhiên, khoảng cách này ở kết quả đánh giá năm 2021 đã được thu hẹp xuống chỉ còn 8,92 điểm và theo xu hướng khá tích

cực khi địa phương có điểm thấp nhất cũng đã có sự cải thiện điểm số khá đáng kể.

Biểu đồ 34. Điểm số DDCI Đồng Tháp khối chính quyền địa phương năm 2021

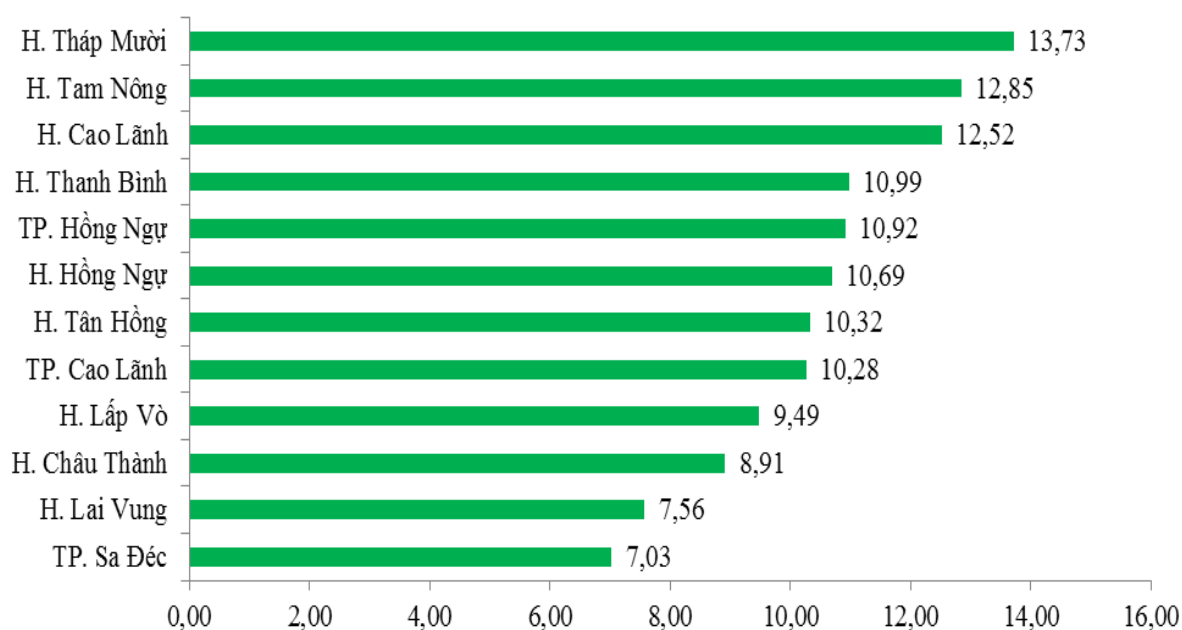


Biểu đồ 35. Điểm số các chỉ số thành phần DDCI Đồng Tháp khối chính quyền địa phương năm 2021



Kết quả khảo sát đánh giá DDCI Đồng Tháp năm 2021 được xếp thành 04 nhóm, Châu Thành là huyện tiếp tục có kết quả đánh giá của doanh nghiệp về năng lực cạnh tranh cấp địa phương tốt nhất năm 2021, với 83,60 điểm, cùng thuộc nhóm “Rất tốt” là huyện Cao Lãnh và TP. Hồng Ngự với số điểm lần lượt là 80,78 điểm và 80,50 điểm.

Biểu đồ 36. Mức độ cải thiện điểm số của DDCI khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



Phổ điểm đánh giá DDCI Đồng Tháp khối chính quyền địa phương năm 2021 phản ánh phần lớn các đơn vị đều có mức điểm trung vị mức 7,00 điểm trở lên. Tuy nhiên, lại có sự chênh lệch giữa các địa phương khi độ lệch chuẩn của các chỉ số đều từ 0,30 điểm trở lên, một số chỉ số có độ lệch chuẩn khá cao như “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Thiết chế pháp lý” và “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” với độ lệch chuẩn lần lượt là 0,76; 0,72 và 0,65 điểm.

Về mức độ cải thiện điểm số của DDCI khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019 cho thấy, tất cả các huyện, thành phố đều có sự cải thiện đáng kể về điểm số so với năm 2019. Trong đó, Tháp Mười là huyện có kết quả cải thiện điểm số tốt nhất. Tuy nhiên, cũng giống một số địa phương mặc dù đã có những sự cải thiện đáng kể trong năm 2021 nhưng kết quả xếp hạng vẫn chưa

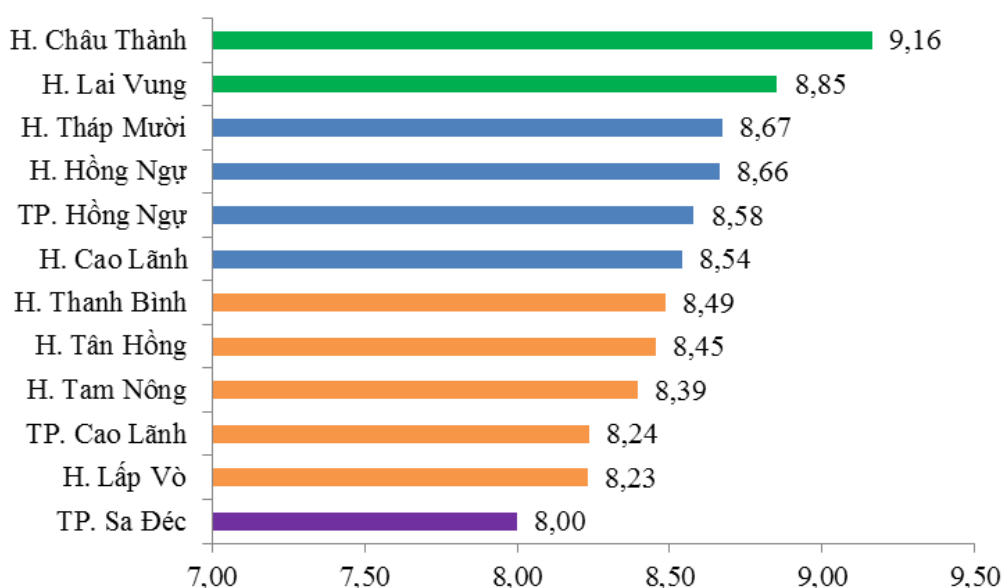
được cải thiện, một phần là do điểm xuất phát còn thấp và hầu hết các địa phương đều có những sự cải thiện nhất định. Dù vậy, kết quả chung là môi trường đầu tư kinh doanh của tất cả các huyện, thành phố đều được cải thiện, và điều này sẽ góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

3.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Kết quả khảo sát đánh giá DDCI Đồng Tháp năm 2021 cho thấy, chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” của khối chính quyền địa phương tiếp tục nhận được sự đánh giá tích cực từ phía cộng đồng doanh nghiệp, khi ghi nhận mức điểm trung vị đạt 8,51 điểm dẫn đầu trong các chỉ số thành phần, khi ghi nhận mức điểm trung vị tăng liên tục từ 6,51 điểm năm 2018 đã tăng lên 6,92 điểm năm 2019, và năm 2021 đã tiếp tục có sự cải thiện tăng 1,60 điểm so với năm 2019, theo đó đã tăng 2,0 điểm so với năm 2018.

Đồng thời, khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa phương xếp cuối đã có sự thu hẹp so với năm 2019, khoảng cách này năm 2019 là 1,86 điểm, năm 2021 được thu hẹp xuống còn 1,16 điểm.

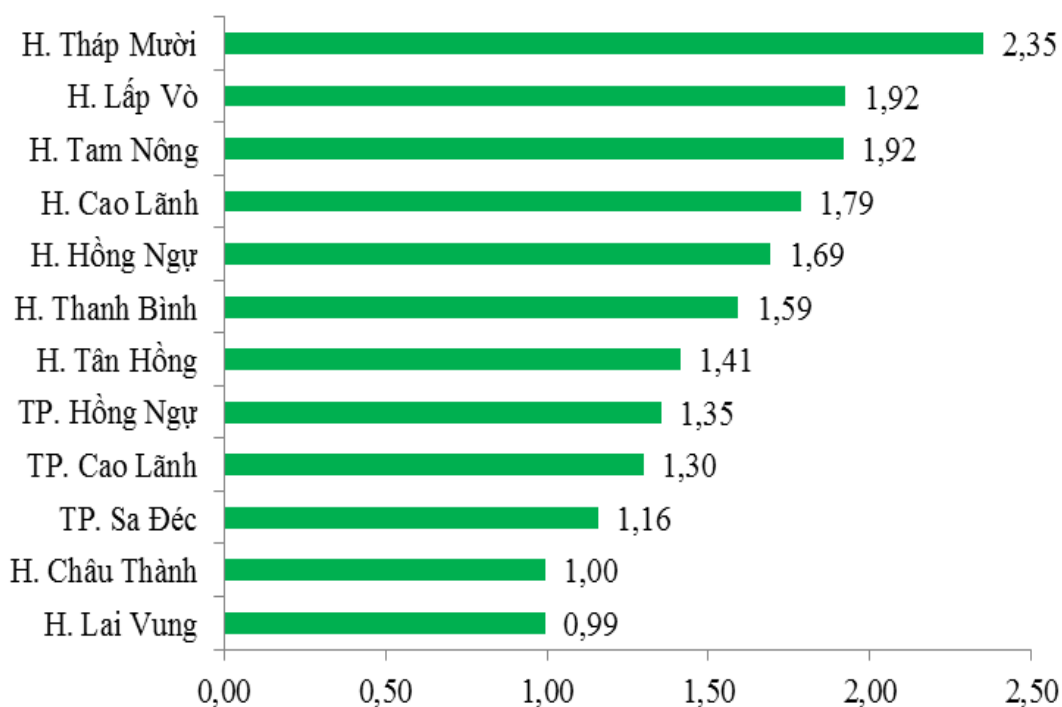
Biểu đồ 37. Điểm số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” khối chính quyền địa phương năm 2021



Kết quả khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 tiếp tục ghi nhận Châu Thành là quận dẫn đầu đối với chỉ số “Tinh minh bạch và tiếp cận thông tin” của khối chính quyền địa phương, và huyện Lai Vung là địa phương tiếp tục giữ vị trí thứ 2. Đồng thời, cũng ghi nhận toàn bộ các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019. Trong đó, huyện Tháp Mười là địa phương đã có sự cải thiện mạnh mẽ nhất và đã góp phần cải thiện vị trí đối với chỉ số này trong năm 2021.

Đối với các chỉ tiêu thành phần, hầu hết các chỉ tiêu thành phần đều tiếp tục có những sự cải thiện đáng kể so với các năm đánh giá trước đó. Trong đó, hầu hết các chỉ tiêu đều có tỷ lệ DN đánh giá “Đồng ý” với các nhận định đạt trên 85%. Đặc biệt các chỉ tiêu như “Doanh nghiệp có thể dự đoán được hoạt động thực thi pháp luật của UBND địa phương”; “Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phản biện các chính sách”; “Dễ dàng tìm được thông tin trên website”; hay “Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp” có tỷ lệ DN đánh giá “Đồng ý” đạt trên 90%.

Biểu đồ 38. Mức độ cải thiện điểm số “Tinh minh bạch và tiếp cận thông tin” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



Một tín hiệu khá tích cực đối với chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” là tỷ lệ DN đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử của địa phương để tìm kiếm thông tin đã tăng liên tục từ 65,42% (năm 2018) lên 73,61% (năm 2019) và đã đạt 86,18% năm 2021, cùng với việc tăng lên về số lượng thì chất lượng thông tin cũng ngày càng cải thiện rõ rệt. Theo đó, tỷ lệ DN đánh giá “Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp” đã tăng từ 45% (năm 2018) lên 66,70% (năm 2019) và đạt đến 93,12% năm 2021. Bên cạnh đó, mặc dù chỉ sử dụng để tham khảo và chưa đưa vào để tính toán kết quả nhưng kết quả khảo sát cũng đã nhận được sự đánh giá khá tích cực từ cộng đồng DN trên địa bàn tỉnh về việc tiếp cận thông tin, khi chỉ tiêu “Dễ dàng tìm được thông tin trên website” và “Thông tin được cập nhật thường xuyên” đã nhận được 94,98% và 93,62% đánh giá “Đồng ý” từ phía cộng đồng DN.

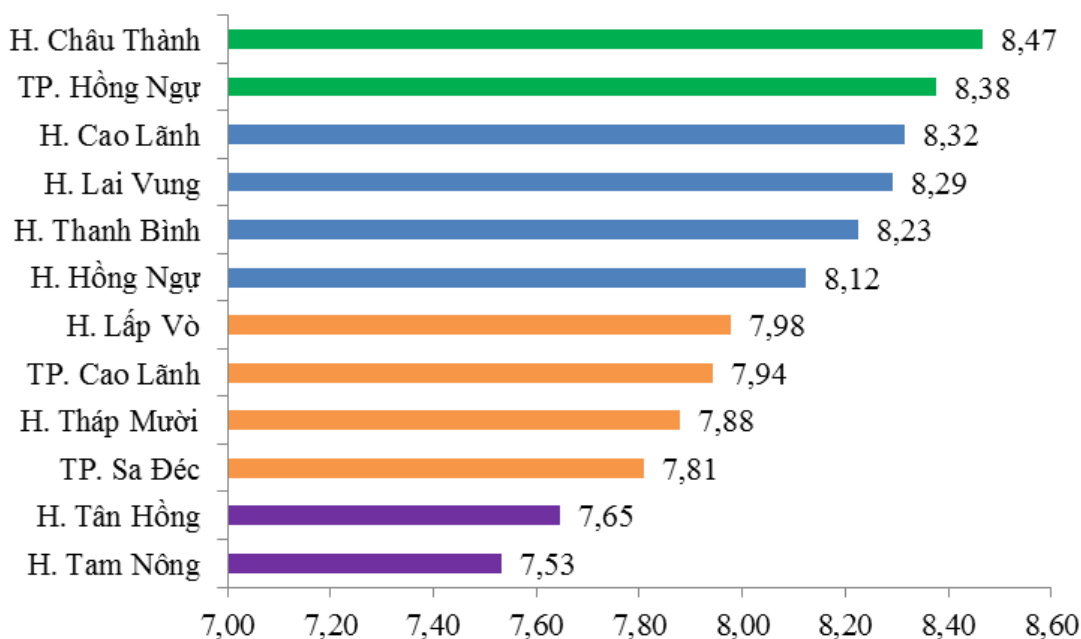
Ngoài ra, tỷ lệ DN đánh giá “Đồng ý” đối với chỉ tiêu “Cần có mối quan hệ với cơ quan Nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu” giảm còn 1,16%. Đây là một tín hiệu rất tích cực, khi tỷ lệ này đã liên tục giảm từ năm 2018, từ 29,34% (2018) xuống còn 11,15% (2019) và chỉ còn 1,16% năm 2021.

3.2. Tính năng động của lãnh đạo

Chỉ số thành phần “Tính năng động của lãnh đạo” của khối chính quyền địa phương năm 2021 có điểm trung vị đạt 8,05 điểm, xếp thứ 3/9 chỉ số thành phần. Mức điểm trung vị của chỉ số thành phần “Tính năng động của lãnh đạo”, tăng liên tục qua các năm, từ 6,23 điểm năm 2018 đã tăng lên 6,73 điểm năm 2019, và năm 2021 đã tiếp tục có sự cải thiện tăng 1,32 điểm so với năm 2019, theo đó đã tăng 1,82 điểm so với năm 2018. Bên cạnh đó, khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa phương xếp cuối tiếp tục được thu hẹp, khoảng cách này chỉ là 0,93 điểm năm 2021, trong khi năm 2019 khoảng cách này là 1,35 điểm⁷.

⁷ Khoảng cách này năm 2018 là 2,04 điểm

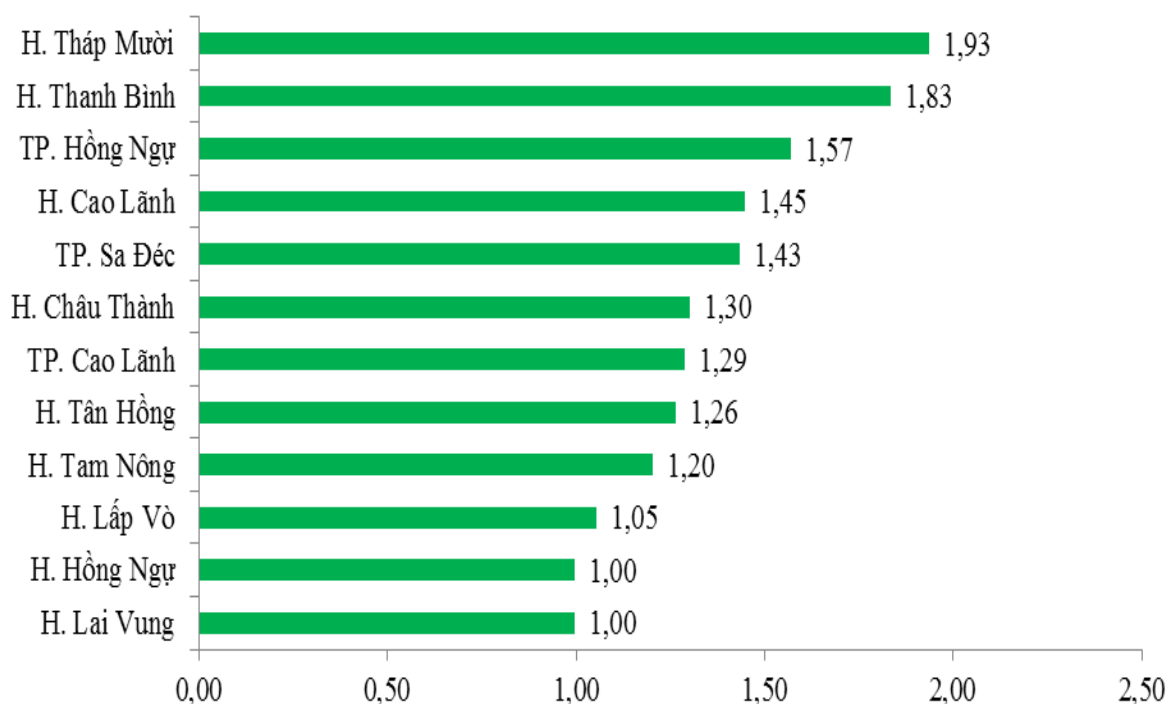
Biểu đồ 39. Điểm số “Tính năng động của lãnh đạo” khối chính quyền địa phương năm 2021



Kết quả khảo sát DDCI năm 2021 ghi nhận huyện Châu Thành đã vươn lên dẫn đầu đối với chỉ số thành phần “Tính năng động của lãnh đạo”. Các địa phương tiếp theo là TP. Hồng Ngự, huyện Cao Lãnh, huyện Lai Vung và huyện Thanh Bình. Tất cả các địa phương đều có sự cải thiện điểm số so với năm 2019. Đặc biệt, huyện Tháp Mười là địa phương có sự cải thiện điểm số tốt nhất đối với chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo”, điều này đã giúp cải thiện thứ hạng của huyện Tháp Mười trong năm 2021. Bên cạnh đó, huyện Thanh Bình là địa phương cũng có sự cải thiện tốt về điểm số đối với chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo”, điều này đã giúp huyện Thanh Bình cải thiện được 3 bậc trong bảng xếp hạng chỉ số thành phần này.

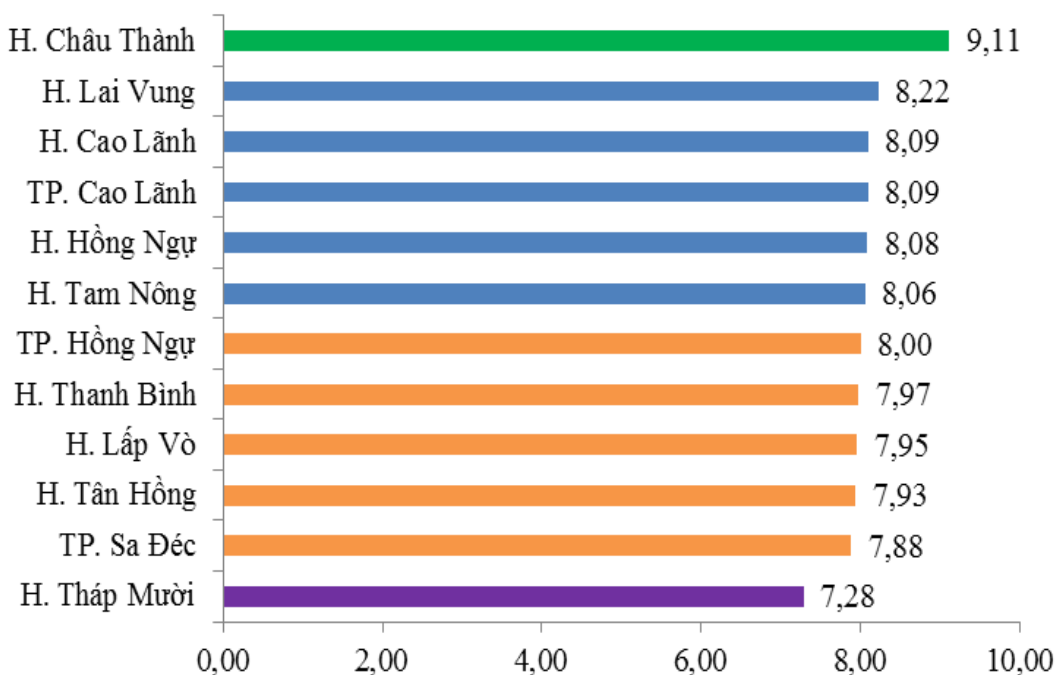
Đối với các chỉ tiêu thành phần, kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy, tất cả các chỉ tiêu đều được cải thiện, và tất cả các chỉ tiêu đều nhận được tỷ lệ đồng ý của DN ở mức xấp xỉ 90%. Trong đó, tỷ lệ DN đồng ý cho rằng “Lãnh đạo địa phương có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp” và “Lãnh đạo địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến, góp ý của doanh nghiệp” đạt trên 90%.

Biểu đồ 40. Mức độ cải thiện điểm số “Tính năng động của lãnh đạo” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



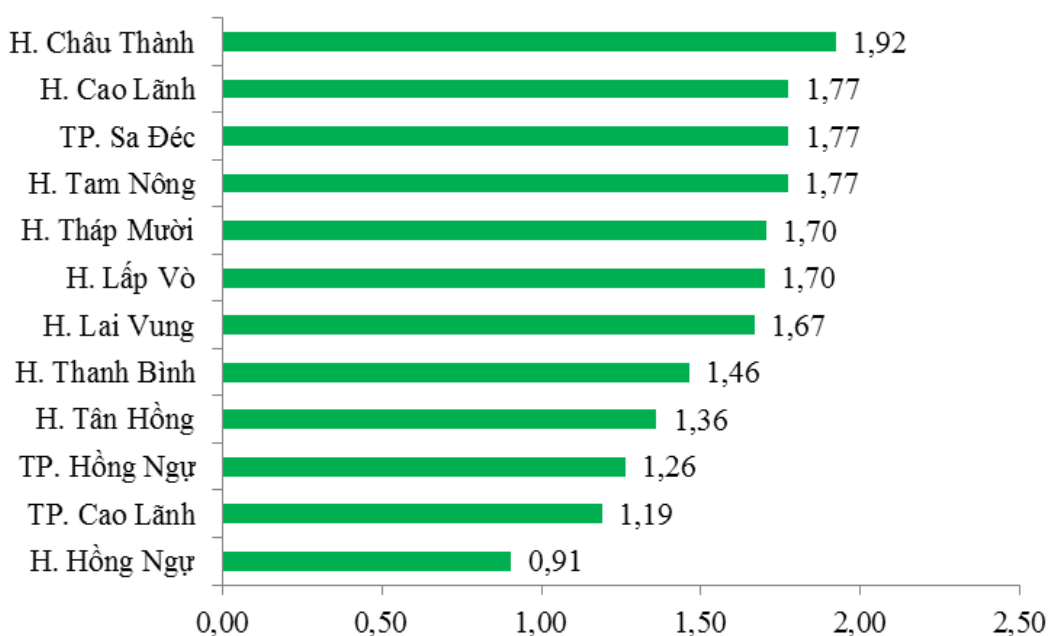
3.3. Chi phí thời gian

Biểu đồ 41. Điểm số “Chi phí thời gian” khối chính quyền địa phương năm 2021



Kết quả khảo sát năm 2021, ghi nhận mức điểm trung vị của chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” đạt 8,03 điểm, xếp vị trí thứ 4/9 chỉ số thành phần. Chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” của khối chính quyền địa phương năm 2021 ghi nhận mức điểm trung vị tăng 1,57 điểm so với năm 2019, đây là kết quả ghi nhận sự đánh giá khá tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa phương xếp cuối vẫn chưa được thu hẹp trở lại, khi khoảng cách này vẫn là 1,82 điểm năm 2021.

Biểu đồ 42. Mức độ cải thiện điểm số “Chi phí thời gian” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



Kết quả khảo sát tiếp tục ghi nhận vị trí dẫn đầu của huyện Châu Thành, khi Châu Thành là huyện đã dẫn đầu năm 2019 và đã tiếp tục là địa phương có sự cải thiện điểm số tốt nhất trong năm 2021. Tất cả các địa phương còn lại đều cũng đã có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019.

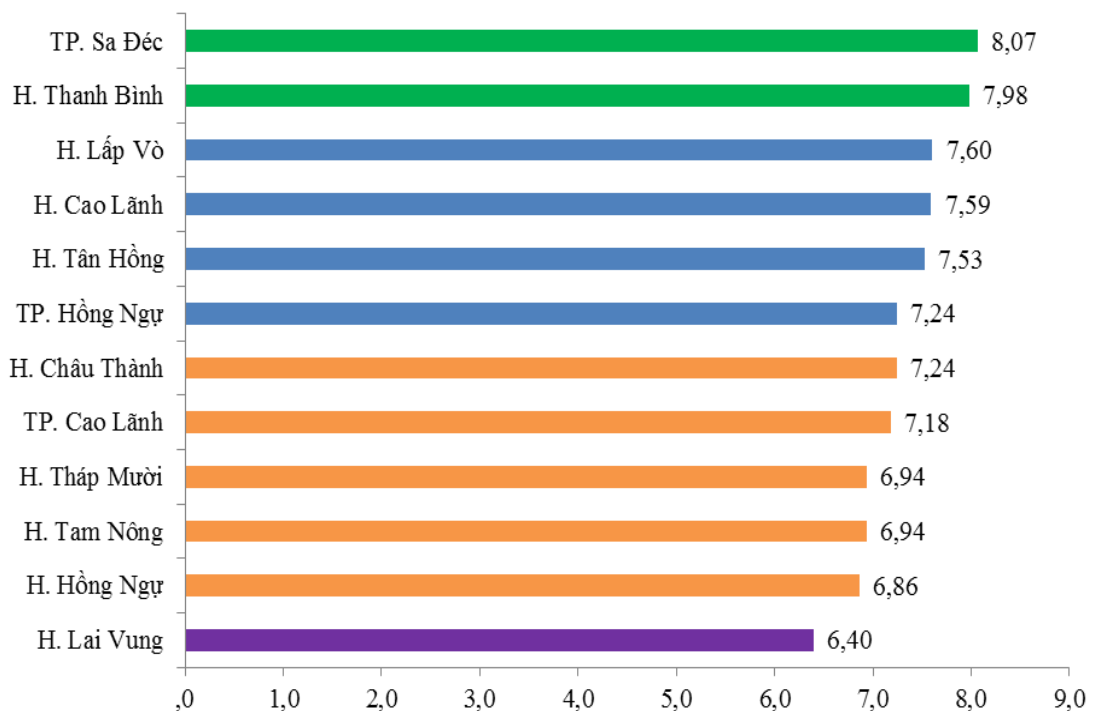
Kết quả điểm số của các chỉ tiêu thành phần của chỉ số “Chi phí thời gian” cho thấy, tỷ lệ DN đánh giá đồng ý đối với tất cả các chỉ tiêu thuộc nhóm “Hoạt động thanh, kiểm tra” đều đã có sự cải thiện đáng kể so với năm 2019. Đồng thời, tỷ lệ DN đánh giá đồng ý với các chỉ tiêu thành phần thuộc nhóm “Bộ phận một cửa” như “Cán bộ, công chức am hiểu về chuyên môn”; “Cán bộ, công chức

có thái độ thân thiện, nhiệt tình”; “Cán bộ, công chức hướng dẫn doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ” và “Doanh nghiệp KHÔNG phải đi lại nhiều lần để hoàn thành một thủ tục hành chính” cũng đều cải thiện so với năm 2019.

Tuy nhiên, có một số chỉ tiêu thành phần thuộc nhóm “Bộ phận một cửa” nhận tỷ lệ đánh giá “Đồng ý” của DN có sự sụt giảm so với năm 2019. Cụ thể: tỷ lệ đánh giá “Đồng ý” của DN đối với chỉ tiêu “Quy trình và thủ tục tại bộ phận một cửa dễ hiểu, dễ thực hiện” đạt 87,82% (giảm 3,27% so với 91,09% năm 2019); “Thời gian giải quyết TTHC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành” đạt 86,58% (giảm 1,88% so với 88,46% năm 2019); “Thủ tục giấy tờ có giảm so với trước” đạt 81,42% (giảm 0,65% so với 82,07% năm 2019).

3.4. Chi phí không chính thức

Biểu đồ 43. Điểm số “Chi phí không chính thức” khối chính quyền địa phương năm 2021



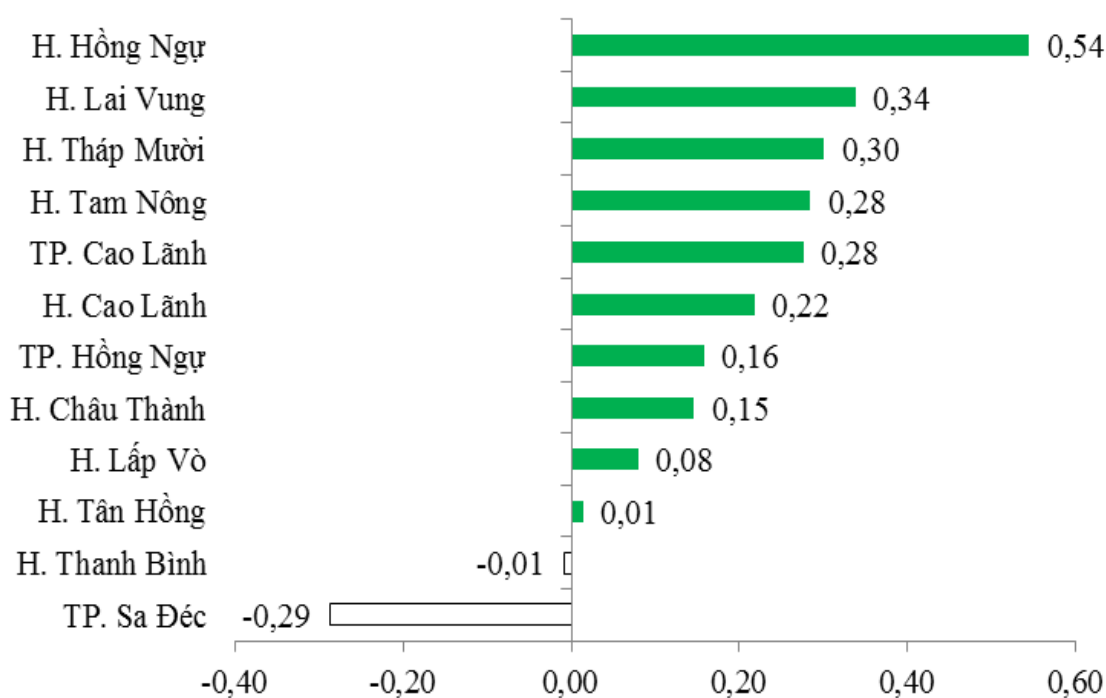
Kết quả đánh giá DDCI Đồng Tháp năm 2021 cho thấy, chỉ số “Chi phí không chính thức” của khối chính quyền địa phương ghi nhận mức điểm trung vị tăng nhẹ so với năm 2019 (từ 7,09 điểm năm 2019 lên 7,24 điểm năm 2021) và xếp thứ 7/9 chỉ số thành phần. Khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa

phương xếp cuối đã thu hẹp hơn so với năm 2019, từ 2,3 điểm năm 2019 thu hẹp xuống còn 1,67 điểm năm 2021.

Kết quả khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 tiếp tục ghi nhận TP. Sa Đéc, huyện Thanh Bình và huyện Lấp Vò là 03 địa phương lần lượt dẫn đầu, xếp thứ 2 và thứ 3 đối với chỉ số “Chi phí không chính thức” của khối chính quyền địa phương.

Mặc dù, 02 trong 03 địa phương này có sự giảm điểm so với năm 2019, tuy nhiên mức giảm khá thấp. Trong khi các địa phương, mặc dù có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019, tuy nhiên vị trí xếp hạng là không thay đổi. Điều này cho thấy mức độ cải thiện của các địa phương này chưa đủ để có những bứt phá trong kết quả xếp hạng chung của chỉ số thành phần này. Đồng thời, mức độ cải thiện của chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” trong năm 2021 nhìn chung còn khá thấp so với mức độ cải thiện của các chỉ số thành phần còn lại của khối chính quyền địa phương.

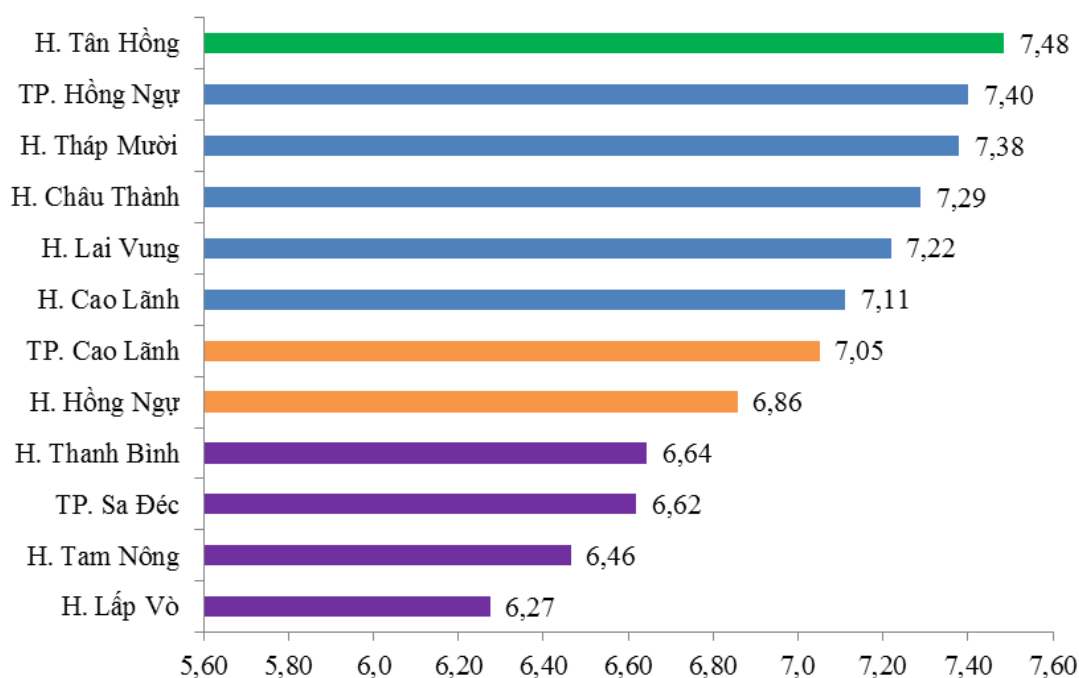
Biểu đồ 44. Mức độ cải thiện điểm số “Chi phí không chính thức” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



Kết quả khảo sát cho thấy, các chỉ tiêu thành phần của chỉ số “Chi phí không chính thức” ghi nhận kết quả đánh giá có phần ít tích cực hơn từ cộng đồng DN so với năm 2019. Cụ thể, tỷ lệ DN “không đồng ý” cho rằng “Khi thực hiện TTHC hoặc địa phương thanh, kiểm tra, doanh nghiệp thường phải trả thêm những khoản khác ngoài quy định của Nhà nước” đạt 87,2% (tỷ lệ này năm 2019 là 98,77%). Tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được” chỉ đạt 26,09%, thấp hơn so với tỷ lệ 51,89% năm 2019. Bên cạnh đó, tỷ lệ DN đồng ý cho rằng “Tình trạng những nhiều khi giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp tại địa phương là phổ biến” và “Cần có chi phí không chính thức để công việc được giải quyết như mong muốn” mặc dù chỉ xấp xỉ 12% nhưng xu hướng tăng trở lại so với năm 2019.

3.5. Cạnh tranh bình đẳng

Biểu đồ 45. Điểm số “Cạnh tranh bình đẳng” khối chính quyền địa phương năm 2021



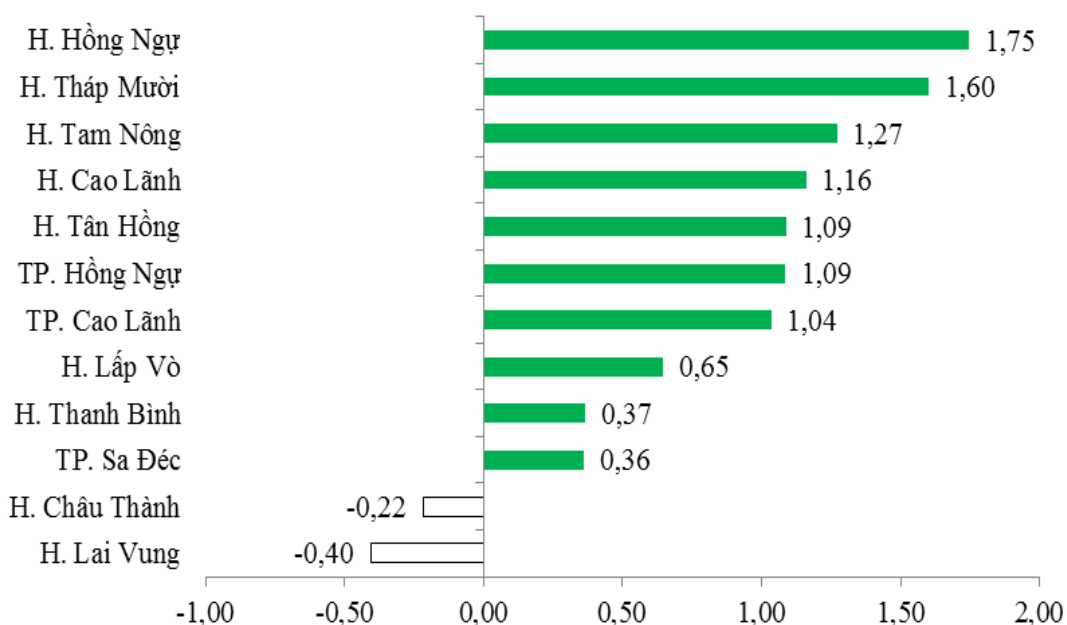
Kết quả khảo sát năm 2021, cho thấy chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” tiếp tục là chỉ số có điểm số trung vị được cải thiện so những năm đánh giá trước đó, tuy nhiên mức cải thiện vẫn khá thấp so với mức cải thiện của các chỉ số thành phần còn lại. Năm 2021, chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của khối chính quyền

địa phương ghi nhận mức điểm trung vị tăng 0,95 điểm, xếp vị trí thứ 8/9 chỉ số thành phần, với mức tăng từ 4,97 điểm năm 2018 tăng lên 6,14 điểm năm 2019 và lên 7,08 điểm năm 2021.

Năm 2021 ghi nhận huyện Tân Hồng là địa phương dẫn đầu đối với chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”. Một số địa phương có sự bứt phá mạnh về điểm số như huyện Hồng Ngự, huyện Tháp Mười đã giúp cải thiện đáng kể vị trí xếp hạng của các địa phương này đối với chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng”. Cũng có một số địa phương mặc dù cũng có sự cải thiện về điểm số nhưng kết quả là chưa đủ để có những sự bứt phá trên bảng xếp hạng.

Kết quả năm 2021, ghi nhận hầu hết các địa phương đều có sự cải thiện về điểm số, ngoại trừ huyện Châu Thành và Lai Vung, là 02 địa phương có điểm số giảm so với năm 2019.

Biểu đồ 46. Mức độ cải thiện điểm số “Cạnh tranh bình đẳng” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



Kết quả năm 2021 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát “Đồng ý” cho rằng các doanh nghiệp trên địa bàn bình đẳng ở các khía cạnh như tiếp cận thông tin; chính sách ưu đãi, giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên giải quyết

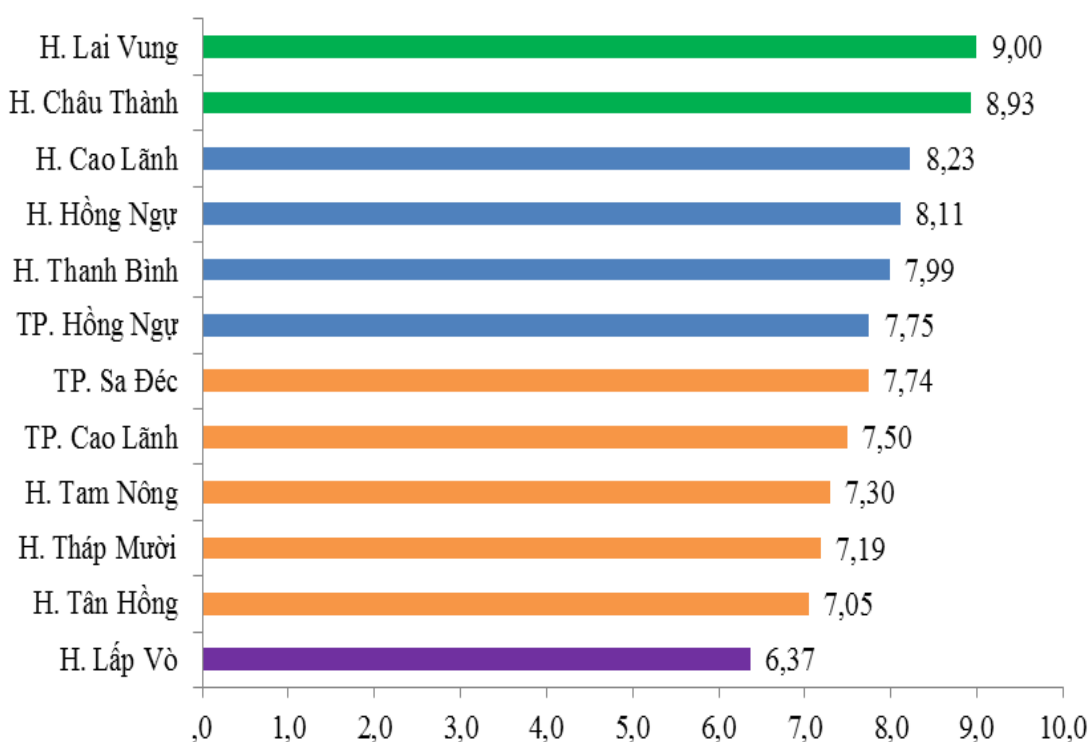
khó khăn; ưu tiên trong tiếp cận các nguồn lực của nhà nước (đấu thầu, khoáng sản...) đều đạt xấp xỉ khoảng 60%.

Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự ưu ái với các doanh nghiệp khác không gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đã giảm từ 98,96% (năm 2019) xuống 88,59% (năm 2021).

3.6. Hỗ trợ doanh nghiệp

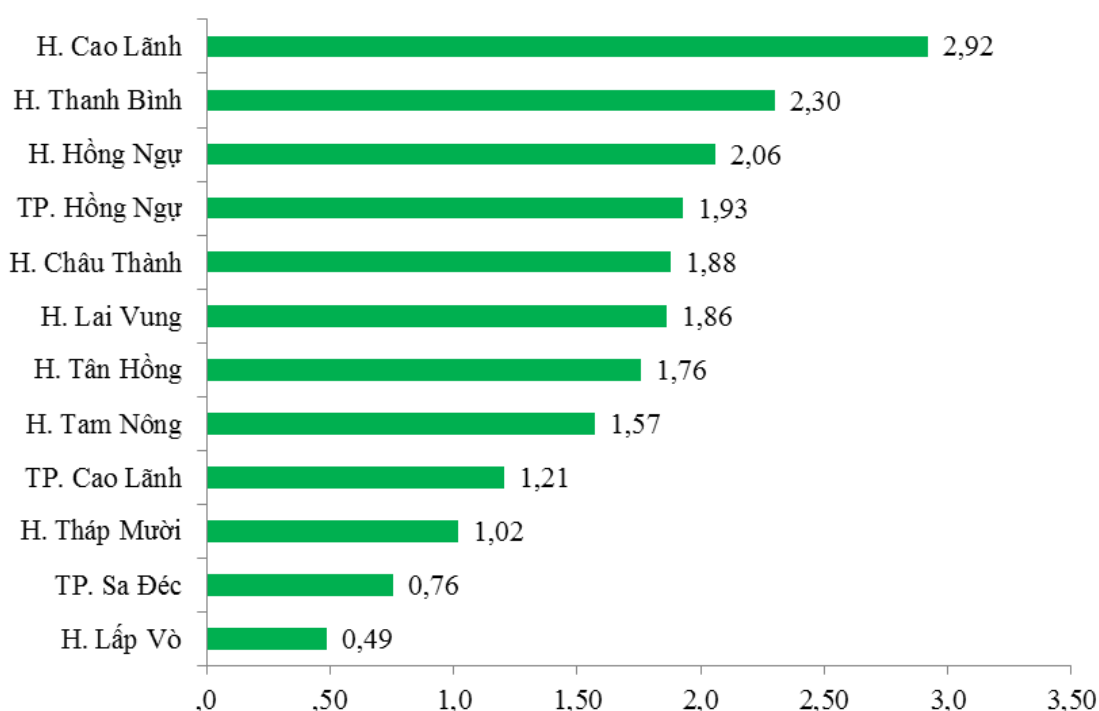
Kết quả khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 ghi nhận mức điểm trung vị của chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của khối chính quyền địa phương tăng mạnh trở lại so với năm 2019, và là chỉ số tăng điểm mạnh nhất. Điểm chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” đã tăng 1,78 điểm từ 5,96 điểm năm 2019 lên 7,74 điểm năm 2021 và xếp vị trí thứ 6/9 chỉ số thành phần. Tuy nhiên, khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa phương xếp cuối tiếp tục có sự gia tăng, khi khoảng cách này năm 2021 lên đến 2,63 điểm (khoảng cách này 1,04 điểm năm 2018, và 1,85 điểm năm 2019).

Biểu đồ 47. Điểm số “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối chính quyền địa phương năm 2021



Theo đó, tất cả các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều tăng điểm so với năm 2019. Huyện Lai Vung và huyện Châu Thành tiếp tục là 02 địa phương lần lượt dẫn đầu và về nhì. Bên cạnh đó, với mức điểm tăng khá cao (2,92 điểm), huyện Cao Lãnh đã cải thiện đáng kể vị trí của mình trên bảng xếp hạng đối với chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của khối chính quyền địa phương năm 2021.

Biểu đồ 48. Mức độ cải thiện điểm số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



Đối với các chỉ tiêu thành phần, kết quả khảo sát ghi nhận đánh giá của doanh nghiệp về sự thiết thực của các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật tăng mạnh so với năm 2019, từ 53,53% năm 2019 lên 80,45% năm 2021. Bên cạnh đó, tỷ lệ DN đánh giá về các buổi đối thoại do địa phương tổ chức và về hỗ trợ tư vấn pháp lý là thiết thực cũng tăng lên so với năm 2019, và đạt 80,45% năm 2021.

Tuy nhiên, tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Cán bộ, công chức nhiệt tình giúp doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc” giảm từ 83,68% năm 2019 xuống 76,25% năm 2021.

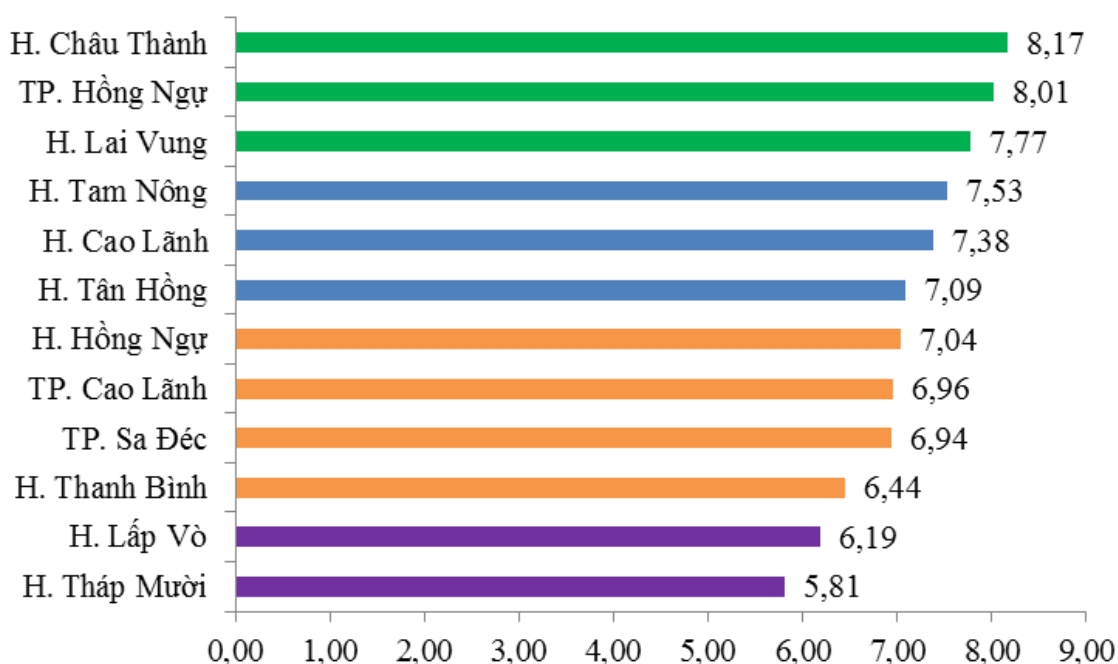
3.7. Thiết chế pháp lý

Kết quả khảo sát DDCI năm 2021 ghi nhận mức điểm trung vị chỉ số “Thiết chế pháp lý” của khối chính quyền địa phương tăng 0,55 điểm, đạt 7,06 điểm năm 2021 xếp vị trí cuối cùng trong 9 chỉ số thành phần. Bên cạnh đó, khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa phương xếp cuối tiếp tục có sự gia tăng, khoảng cách này năm 2021 lên đến 2,36 điểm (khoảng cách này 1,26 điểm năm 2018, và 1,95 điểm năm 2019).

Kết quả năm 2021 tiếp tục ghi nhận huyện Châu Thành là địa phương dẫn đầu. Vị trí tiếp theo là TP. Hồng Ngự đây cũng là địa có mức cải thiện tốt nhất đối với chỉ số “Thiết chế pháp lý” của khối chính quyền địa phương, điều này đã cải thiện đáng kể vị trí của TP. Hồng Ngự từ vị trí thứ 6 năm 2019 lên vị trí thứ 2 năm 2021.

Bên cạnh đó, huyện Tam Nông có mức cải thiện khá cao về điểm số, đã góp phần cải thiện đáng kể vị trí của huyện Tam Nông trong năm 2021.

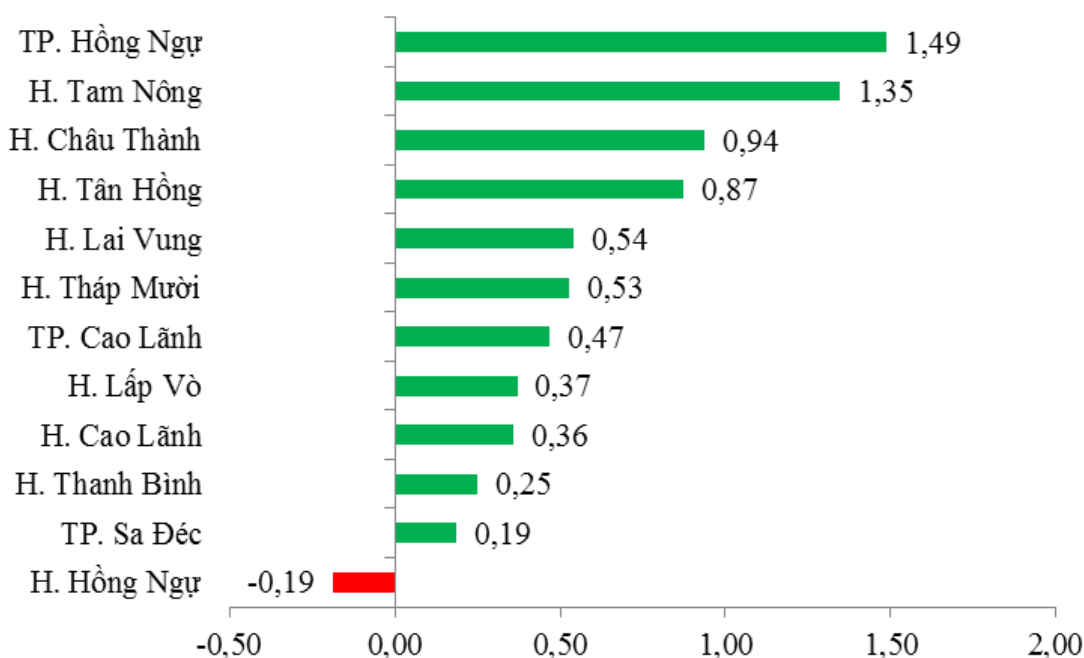
Biểu đồ 49. Điểm số “Thiết chế pháp lý” khối chính quyền địa phương năm 2021



Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các chỉ tiêu thành phần đều được cải thiện so với năm 2019. Theo đó, tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Văn bản pháp

luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp” cải thiện đáng kể từ 63,10% năm 2019 lên 81,31% năm 2021. Bên cạnh đó, tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Cán bộ địa phương thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các đối tượng”; “Cán bộ địa phương thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định” và “Phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng” cũng được cải thiện, và lần lượt đạt 86,68%; 86,39% và 85,98%.

Biểu đồ 50. Mức độ cải thiện điểm số “Thiết chế pháp lý” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



Có một điểm được xem là tín hiệu tích cực đối với chỉ số “Thiết chế pháp lý” của khối chính quyền địa phương là tỷ lệ DN đánh giá “Đồng ý” đối với chỉ tiêu “Thương lượng với cán bộ là cần thiết khi làm việc với địa phương” đã liên tục giảm có sự sụt giảm qua các năm, từ 33,83% năm 2018 xuống còn 1,60% năm 2019 và chỉ còn 0,19% năm 2021, điều này thực sự là một tín hiệu rất tích cực đối với môi trường đầu tư của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

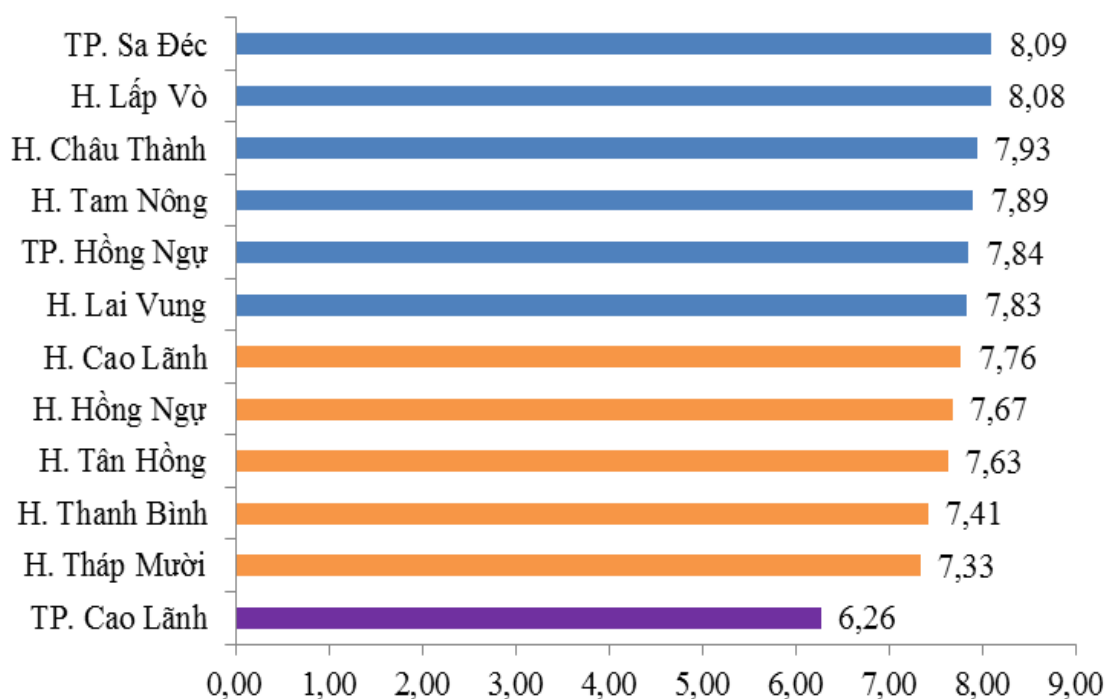
3.8. Tính ứng dụng công nghệ thông tin

Kết quả năm 2021, ghi nhận chỉ số “Tính ứng dụng CNTT” của khối chính quyền địa phương đạt mức điểm trung vị tăng 0,64 điểm và đạt 7,79 điểm

xếp vị trí thứ 5/9 chỉ số thành phần. Theo đó, hầu hết các địa phương đều có sự cải thiện về điểm số.

Khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa phương xếp cuối mặc dù có sự thu hẹp so với năm 2019, nhưng khoảng cách này vẫn còn là 1,83 điểm.

Biểu đồ 51. Điểm số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” khối chính quyền địa phương năm 2021

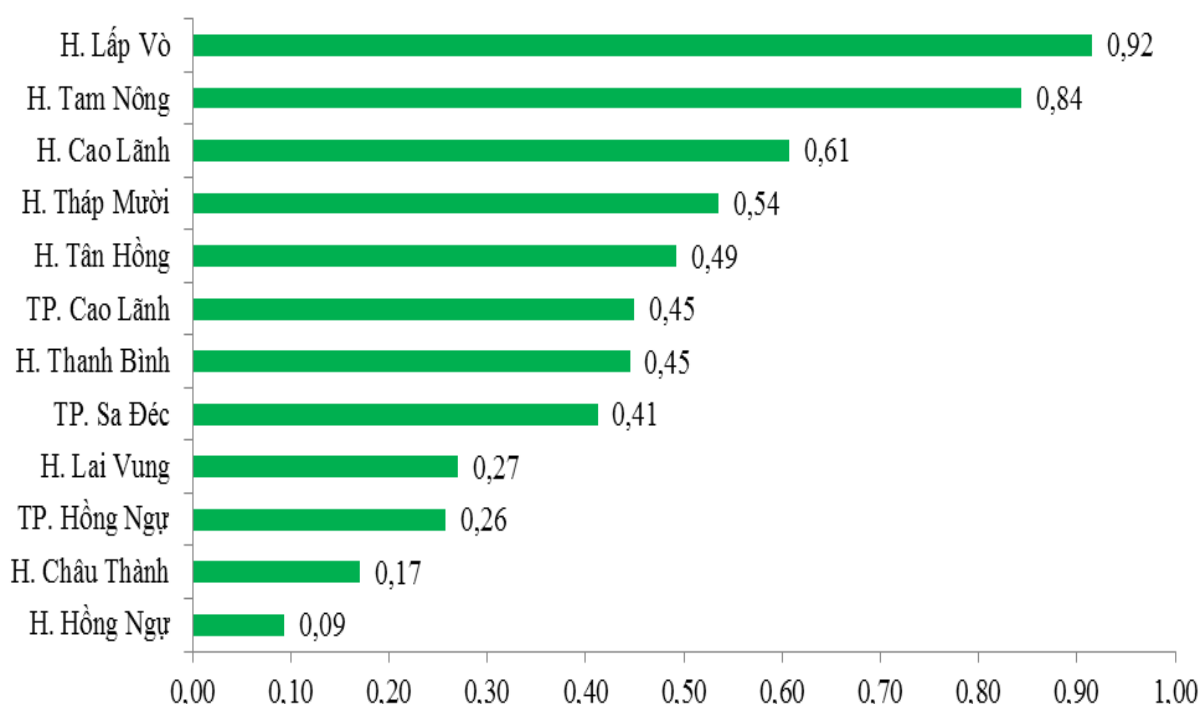


Kết quả khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 ghi nhận TP. Sa Đéc là địa phương vươn lên dẫn đầu đối với chỉ số “Tính ứng dụng CNTT” của khối chính quyền địa phương. Đồng thời, cũng ghi nhận sự cải thiện về điểm số của huyện Lấp Vò, đã giúp cải thiện vị trí của huyện Lấp Vò từ vị trí thứ 6 lên vị trí thứ 2. Tất cả các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều có sự cải thiện về điểm số đối với chỉ số “Tính ứng dụng CNTT”, tuy nhiên đối với một số địa phương mức cải thiện này là chưa đủ để có những cải thiện vị trí xếp hạng của địa phương năm 2021.

Đối với các chỉ tiêu thành phần, kết quả khảo sát ghi nhận sự duy trì khá tốt của các địa phương đối với “Dịch vụ hỏi đáp trực tuyến trên website” và “Hệ thống cơ sở dữ liệu mở về các VBQPPL, quy định, chính sách chuyên ngành

dành cho doanh nghiệp”. Bên cạnh đó, tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Dịch vụ công trực tuyến do địa phương cung cấp có chất lượng tốt” và “Doanh nghiệp có thường xuyên được thông báo, tuyên truyền văn bản pháp luật từ chính quyền địa phương thông qua website, email hoặc tin nhắn điện thoại không” cũng đã có sự cải thiện đáng kể, theo đó tỷ lệ DN đánh giá “Đồng ý” đối với các chỉ tiêu lần lượt đạt 92,44% và 92,73%.

Biểu đồ 52. Mức độ cải thiện điểm số “Tính ứng dụng công nghệ thông tin” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019

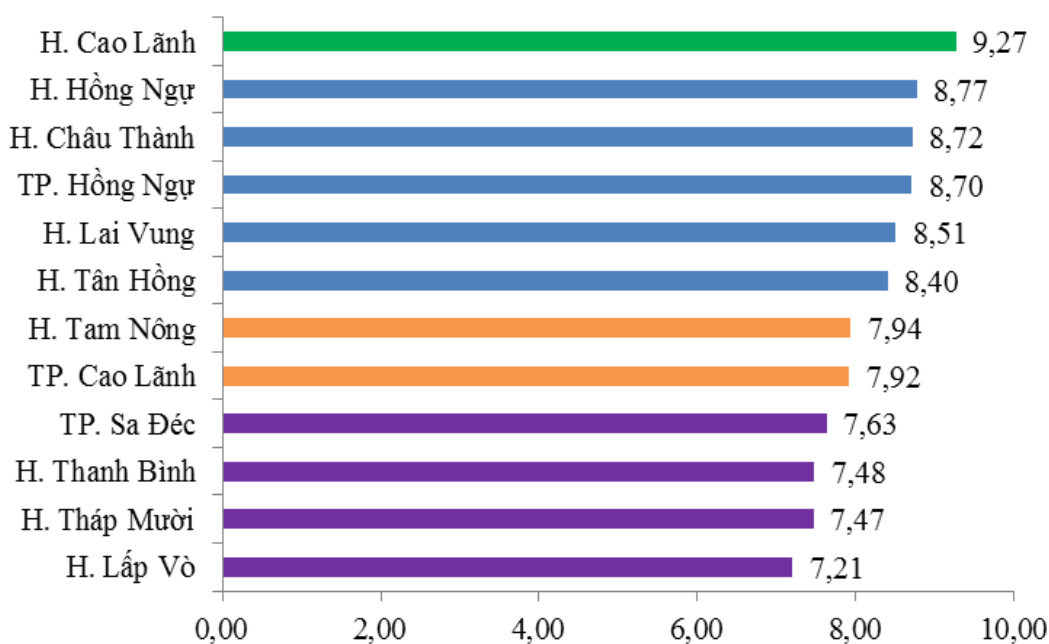


3.9. Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất

Kết quả DDCI năm 2021 ghi nhận chỉ số “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” của khối chính quyền địa phương đã tiếp tục có sự cải thiện, với mức điểm trung vị tăng 0,99 điểm từ 7,18 điểm năm 2019 lên 8,17 điểm năm 2021, xếp vị trí thứ 2/9 chỉ số thành phần. Tuy nhiên, khoảng cách giữa địa phương dẫn đầu và địa phương xếp cuối tiếp tục có sự gia tăng so với những năm trước đó (từ 1,08 điểm năm 2018 đã tăng lên 1,76 điểm năm 2019 và tăng lên 2,06 điểm năm 2021).

Kết quả năm 2021 ghi nhận huyện Cao Lãnh là địa phương vươn lên vị trí dẫn đầu với số điểm rất cao 9,27 điểm. Đây cũng là địa phương có sự cải thiện điểm số tốt nhất so với năm 2019. Tất cả các địa phương còn lại cũng đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019.

Biểu đồ 53. Điểm số “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” khối chính quyền địa phương năm 2021



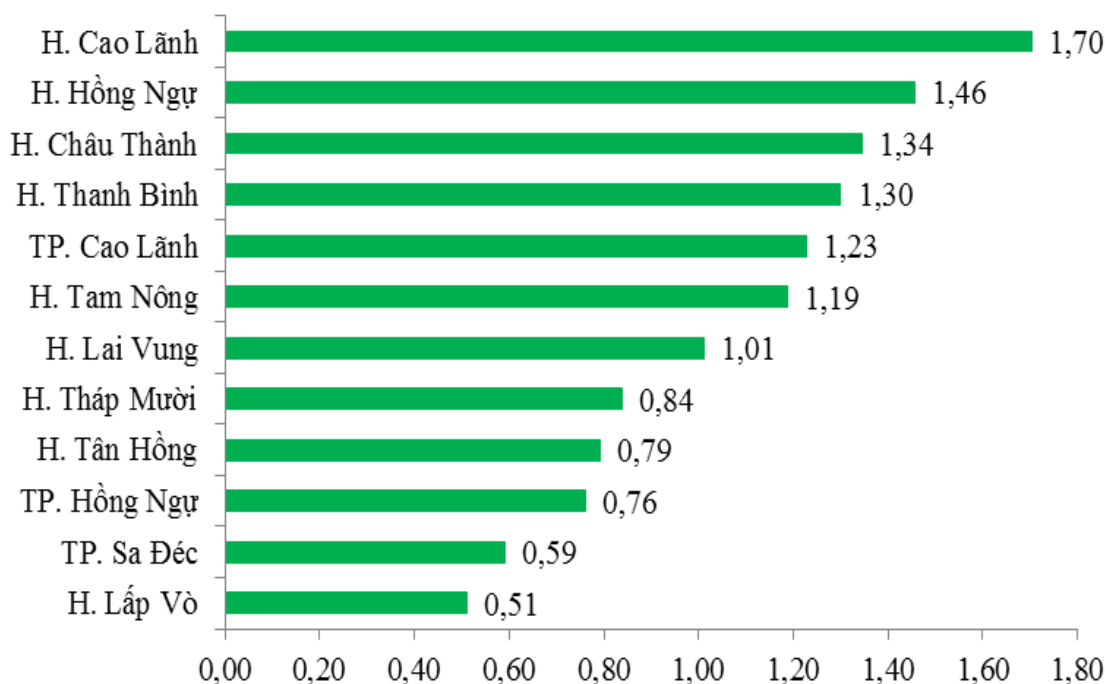
Đối với các chỉ tiêu thành phần, kết quả khảo sát cho thấy, những tín hiệu rất tích cực khi tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương” tăng từ 59,70% lên 78,62% và tỷ lệ DN đánh giá “Mức độ rủi ro khi sử dụng đất của doanh nghiệp (như rủi ro bị chính quyền thu hồi cho mục đích sử dụng khác, thay đổi quy hoạch...)” ở mức thấp⁸ đạt đến 99,30%. Bên cạnh đó, mặc dù chưa đưa vào tính điểm nhưng tỷ lệ DN đồng ý cho rằng “Khi có tranh chấp, khiếu nại về đất đai, chính quyền giải quyết nhanh chóng, triệt để cho doanh nghiệp” đạt 81,73%.

Tuy nhiên, tỷ lệ DN đồng ý cho rằng “Doanh nghiệp không gặp bất cứ cản trở nào về mặt bằng kinh doanh” và “Doanh nghiệp không gặp khó khăn khi

⁸ Tỷ lệ DN đánh giá mức từ “Rất thấp” đến “Thấp”

thực hiện các TTHC về đất đai tại địa phương (như mua, chuyển nhượng, thuê đất từ nhà nước...)” giảm nhẹ và đạt tỷ lệ lần lượt là 81,14% và 80,12%.

Biểu đồ 54. Mức độ cải thiện điểm số “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” của khối chính quyền địa phương năm 2021 so với năm 2019



4. Thực trạng chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

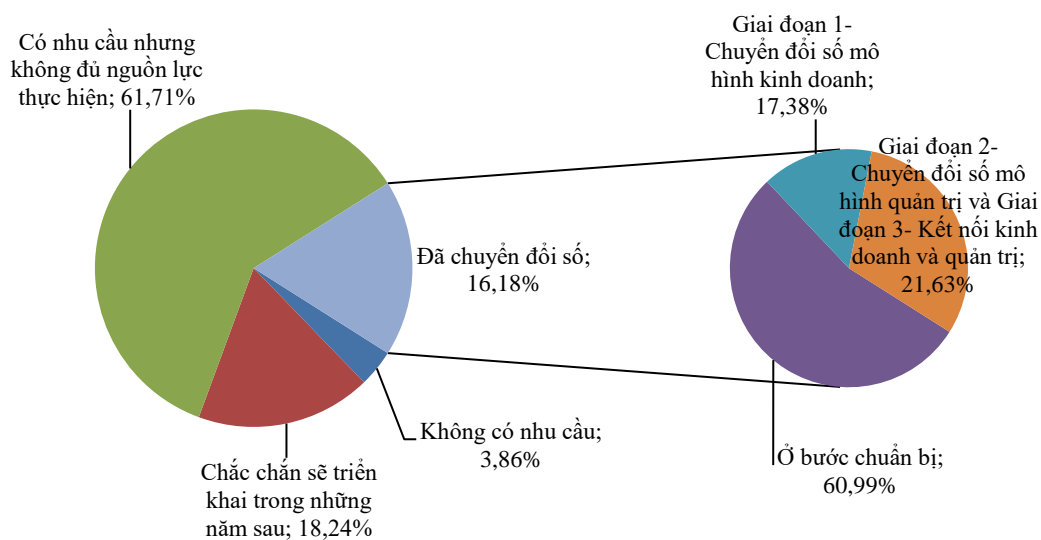
Chuyển đổi số trong doanh nghiệp được định nghĩa là việc tích hợp, áp dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả kinh doanh, hiệu quả quản lý, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và tạo ra các giá trị mới⁹. Các hoạt động chuyển đổi số có thể bao gồm từ việc số hóa dữ liệu quản lý, kinh doanh của doanh nghiệp, áp dụng công nghệ số để tự động hóa, tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý, sản xuất kinh doanh, quy trình báo cáo, phối hợp công việc trong doanh nghiệp cho đến việc chuyển đổi toàn bộ mô hình kinh doanh, tạo thêm giá trị mới cho doanh nghiệp. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp không chỉ đơn giản là đưa công nghệ số vào, mà cần kết hợp với chuẩn hóa quy trình kinh doanh, quy trình quản trị doanh nghiệp.

Trên thực tế, hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp đã diễn ra mạnh mẽ trong những năm gần đây như một nhu cầu tự nhiên của rất nhiều doanh nghiệp nhằm đáp ứng sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng của khách hàng cũng như nhu cầu quản lý. Nhiều doanh nghiệp đã ứng dụng các giải pháp phần mềm

⁹ Theo Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp 2021: Rào cản và nhu cầu chuyển đổi số (2021), Văn phòng chuyển đổi số - Cục phát triển doanh nghiệp.

vào hoạt động quản lý bán hàng, tiếp thị trực tuyến, quản lý kênh phân phối, quản trị kinh doanh hoặc tạo ra những sản phẩm, dịch vụ mới. Tuy nhiên, dịch bệnh COVID-19 diễn ra đã khiến các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề. Các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Đồng Tháp nói riêng với sức cạnh tranh còn thấp càng trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Nhu cầu chuyển đổi số trở nên cấp thiết để các doanh nghiệp đổi mới mô hình, chuyển dần các hoạt động kinh doanh trên các nền tảng số, tìm kiếm thêm thị trường, cắt giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động, khả năng cạnh tranh, thích ứng với bối cảnh mới. Kết quả khảo sát DDCI Đồng Tháp 2021 cho thấy có đến 61,71% doanh nghiệp cho biết “Có nhu cầu triển khai chuyển đổi số nhưng không đủ nguồn lực thực hiện”. Trong khi đó chỉ có 16,18% doanh nghiệp “đã thực hiện chuyển đổi số”. Tuy nhiên, có đến 60,99% trong số đó chỉ mới “ở bước chuẩn bị”, 17,38% ở “Giai đoạn 1 - Chuyển đổi số mô hình kinh doanh”; 8,51% ở “Giai đoạn 2 - Chuyển đổi số mô hình quản trị” và 13,12% ở “Giai đoạn 3 - Kết nối kinh doanh và quản trị”.

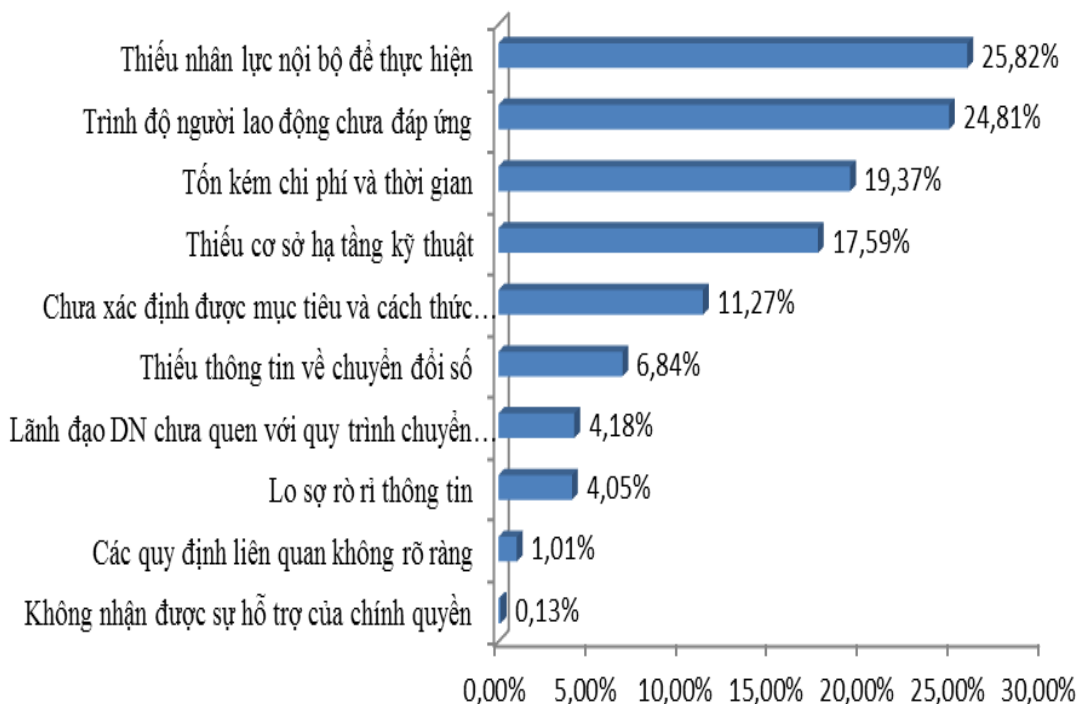
Biểu đồ 55. Thực trạng chuyển đổi số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp



Về rào cản chuyển đổi số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết quả khảo sát chỉ ra rằng “Thiếu nhân lực nội bộ để thực hiện” và “Trình độ người lao động chưa đáp ứng” là 02 rào cản chính khiến các doanh nghiệp chưa thể thực

hiện chuyển đổi số. Bên cạnh đó, “Tốn kém chi phí và thời gian”, “Thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật” và “Chưa xác định được mục tiêu và cách thức chuyển đổi số” cũng là những rào cản được đa số doanh nghiệp lựa chọn

Biểu đồ 56. Rào cản chuyển đổi số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh



Nhìn chung, qua kết quả khảo sát có thể nhận diện một số hạn chế, khó khăn của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong quá trình chuyển đổi số như sau:

- **Hạn chế về nguồn nhân lực cũng như năng lực triển khai:** đa số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa có nhiều kinh nghiệm về ứng dụng, khai thác công nghệ thì việc quyết định thực hiện chuyển đổi số như thế nào, lựa chọn các giải pháp nào là một rào cản rất lớn. Chuyển đổi số nếu chỉ trong kế hoạch mà không có nhân lực phù hợp triển khai thì cũng thành vô nghĩa. Để dẫn dắt, triển khai được chuyển đổi số, nhân sự thường phải có kiến thức và kinh nghiệm về cả kinh doanh và công nghệ, được sự tin tưởng của cả bộ máy lãnh đạo.

- **Hạn chế về nguồn tài chính để triển khai:** các dự án chuyển đổi số có thể tốn nhiều chi phí đầu tư, trong khi năng lực tài chính của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khá hạn chế. Chi phí triển khai chuyển đổi số không chỉ bao gồm chi phí đầu tư thêm các công nghệ số, mà có thể phát sinh thêm các chi phí như:

+ Chi phí thay đổi quy trình, đào tạo nhân sự để thích ứng với quy trình mới;

+ Chi phí đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin: Việc phải triển khai một số hệ thống công nghệ thông tin sẽ dẫn tới việc tăng đầu tư và các chi phí vận hành hệ thống công nghệ thông tin; trong nhiều trường hợp, thách thức sẽ lớn hơn nếu phải thay đổi, xóa bỏ các hệ thống truyền thống.

+ Chi phí trong việc xây dựng hệ thống, đảm bảo an ninh, an toàn và phòng chống rủi ro: So với các mô hình kinh doanh truyền thống thì việc chuyển đổi số, áp dụng nhiều công nghệ, lưu trữ và phân tích dữ liệu sẽ dẫn tới việc cần thiết phải bảo vệ an ninh, an toàn dữ liệu của các hệ thống.

Việc phải trang bị, đầu tư mà chưa nhìn rõ kết quả, lợi ích của chuyển đổi số trong tương lai là một thách thức rất lớn để các chủ doanh nghiệp quyết định đầu tư ngân sách cho chuyển đổi số.

- **Hạn chế trong xác định mục tiêu, cách thức chuyển đổi số:** Hiện nay, các giải pháp số trên thị trường của các nhà cung cấp trong nước và quốc tế rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, để xác định được đâu là giải pháp phù hợp với điều kiện, nhu cầu của cơ sở sản xuất kinh doanh không phải là đơn giản, nhất là các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn, cần các giải pháp công nghệ phức tạp và tốn kém chi phí.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

DDCI Đồng Tháp năm 2021 vẫn được duy trì triển khai đúng kế hoạch trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo tỉnh trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nhưng cộng đồng doanh nghiệp của tỉnh vẫn tích cực tham gia, với hơn 1.100 doanh nghiệp tham gia, trong đó có đến 67,10% người trả lời phiếu khảo sát DDCI 2021 nằm trong ban lãnh đạo doanh nghiệp (tăng gấp 1,5 lần so với DDCI 2019). Điều này minh chứng cho sự tin tưởng vào bộ chỉ số DDCI như một công cụ giúp truyền tải tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp, phản ánh bức tranh trung thực về năng lực điều hành kinh tế của các SBN và chính quyền địa phương.

Kết quả DDCI Đồng Tháp 2021 cho thấy mặc dù đại dịch COVID-19 tác động, ảnh hưởng lớn tới sản xuất kinh doanh, cộng đồng doanh nghiệp vẫn ghi nhận và đánh giá cao những cải cách quyết liệt, mạnh mẽ và nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của các sở, ban, ngành và cấp huyện thuộc tỉnh. Theo đó, điểm trung vị của cả hai khối đánh giá đều tăng mạnh so với năm 2019 (tăng 4,25 điểm ở khối SBN và tăng 5,62 điểm ở khối huyện, thành phố). Bên cạnh đó, đối với mỗi khối đánh giá có một số điểm cần quan tâm, cụ thể như sau:

*** Đối với khối SBN**

- Có 05/8 chỉ số thành phần thể hiện xu hướng tích cực so với năm 2019, trong đó, “Chi phí không chính thức” và “Cạnh tranh bình đẳng” là những chỉ số tiếp tục có sự cải thiện mạnh mẽ, với mức trung vị tăng khá cao (lần lượt là 1,25 điểm và 1,64 điểm). Đây cũng là hai chỉ số có xu hướng hội tụ điểm số giữa các đơn vị (chênh lệch giữa đơn vị tốt nhất với đơn vị thấp nhất và độ lệch chuẩn có xu hướng giảm).

- Có 03 chỉ số có mức trung vị giảm so với năm 2019, đó là “Chi phí thời gian”, “Hỗ trợ doanh nghiệp” và “Tính ứng dụng CNTT” với mức giảm lần lượt là 0,30 điểm, 0,37 điểm và 0,21 điểm. Trong đó, “Hỗ trợ doanh nghiệp” là chỉ số có mức trung vị liên tục giảm kể từ năm đầu tiên đánh giá DDCI Đồng Tháp đến nay. Điều này phần nào cho thấy, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của các SBN (tập huấn chính sách, các buổi đối thoại, hỗ trợ tư vấn pháp lý) chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

*** Đối với khối chính quyền cấp huyện**

- Các chỉ số thành phần của khối huyện, thị đều thể hiện xu hướng tích cực so với năm 2019, trong đó, “Hỗ trợ doanh nghiệp” là chỉ số có sự cải thiện mạnh, với mức trung vị tăng đến 1,78 điểm. Điều này phần nào cho thấy, trong năm 2021, dưới sự tác động của dịch bệnh COVID-19, các chương trình, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ở cấp huyện, thị đã cơ bản đáp ứng được kỳ vọng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả DDCI Đồng Tháp 2021 cũng cho thấy có sự gia tăng khoảng cách về điểm số giữa các địa phương được đánh giá (chênh lệch giữa đơn vị tốt nhất với đơn vị thấp nhất và độ lệch chuẩn có xu hướng tăng). Điều này phần nào cho thấy, bên cạnh những địa phương tiếp tục có sự bứt phá mạnh mẽ trong công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thì vẫn có những địa phương có dấu hiệu chững lại trong công tác này.

- Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu của khối chính quyền cấp huyện có xu hướng kém tích cực hơn so với năm 2019, cần được quan tâm cải thiện như:

+ Đối với chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp”, tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Cán bộ, công chức nhiệt tình giúp doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc” giảm 7,43%¹⁰.

+ Đối với chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự ưu ái với các doanh nghiệp khác không gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đã giảm 10,37%¹¹.

+ Đối với chỉ số “Chi phí không chính thức”, tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được” giảm 25,8%. Bên cạnh đó, tỷ lệ DN “Đồng ý” cho rằng “Tình trạng những nhiều khi giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp tại địa phương là phổ biến” và “Cần có chi phí không chính thức để công việc được giải quyết như mong muốn” mặc dù chỉ xấp xỉ 12% nhưng xu hướng tăng trở lại so với năm 2019.

Từ những kết luận trên đây, nhóm nghiên cứu đưa ra những khuyến nghị chính sách như sau nhằm cải thiện mạnh mẽ và thực chất hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh; duy trì vị trí top đầu cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI của tỉnh:

¹⁰ từ 83,68% năm 2019 xuống 76,25% năm 2021

¹¹ từ 98,96% năm 2019 xuống 88,59% năm 2021

Thứ nhất, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường, chính quyền các cấp của tỉnh Đồng Tháp cần tiếp tục đồng hành chia sẻ và hỗ trợ doanh nghiệp vượt khó khăn. Chính quyền các cấp nên lắng nghe và chủ động hơn nữa trong việc tìm ra các biện pháp và thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vượt qua những khó khăn một cách hiệu quả. Về các hình thức hỗ trợ, chính quyền các cấp cần tập trung nhiều hơn vào công tác hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác kinh doanh, hỗ trợ tiếp cận vốn, và hỗ trợ giảm lãi suất hoặc giãn trả các khoản tín dụng.

Với các địa phương có nhiều các hoạt động kinh tế liên quan đến du lịch, cần phối hợp chặt chẽ với Sở VH TT & DL tăng cường các biện pháp kích cầu du lịch cũng như hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn, khoan nợ, giãn nợ.

Với các cơ quan Thuế, BHXH tỉnh, cần linh động vận dụng chủ trương, các văn bản của TW trong công tác giảm và/hoặc giãn thuế, BHXH cho doanh nghiệp; đơn giản hóa các thủ tục để doanh nghiệp được giảm và/hoặc giãn nộp thuế, BHXH; cân nhắc, hạn chế các chế tài xử lý việc chậm nộp thuế, bảo hiểm.

Thứ hai, các đơn vị thuộc khối SBN cần chú trọng nhiều hơn hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Như báo cáo chỉ ra, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của khối bị cộng đồng doanh nghiệp đánh giá thấp hơn nhiều so với năm 2019. Các đơn vị cần chủ động rà soát, bám sát doanh nghiệp hơn để hỗ trợ đúng và trúng những thứ doanh nghiệp thực sự cần, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường.

Thứ ba, cần đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng CNTT trong cung cấp dịch vụ công, cải cách hành chính. Quản lý, sử dụng hiệu quả các phương tiện điện tử (website, tổng đài 1022, mạng xã hội...) để tuyên truyền, cung cấp thông tin, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 như hiện nay.

Thứ tư, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tác động của đại dịch COVID-19 đã và đang thay đổi cuộc sống, thói quen của con người, gây ra những khó khăn, thách thức chưa từng có, buộc các nhà sản xuất và người tiêu dùng phải thay đổi và thích ứng, chuyển đổi số trong doanh nghiệp đã được xác định là giải pháp quan trọng, là xu hướng tất yếu để các doanh nghiệp nâng cao năng lực, lợi thế cạnh tranh, tồn tại, tăng tốc và phát triển. Trước thực trạng nhu cầu chuyển đổi số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là rất lớn nhưng gặp rất nhiều rào cản để triển khai thì các SBN (trong đó, Sở Thông tin và truyền thông và Sở KH-CN là những đơn vị liên quan chủ yếu) cần đóng

vai trò như một kênh độc lập để đánh giá khách quan ưu, nhược điểm của các giải pháp công nghệ để các cơ sở sản xuất kinh doanh có đủ thông tin về các giải pháp công nghệ số để quyết định lựa chọn. Đồng thời, đây cũng là những thông tin hữu ích để hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp giải pháp hoàn thiện các giải pháp của mình.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Tổng hợp điểm số chỉ số thành phần DDCI 2021 khối SBN

| STT | Sở, ban, ngành | Tính minh bạch và tiếp cận thông tin | Tính năng động của lãnh đạo | Chi phí thời gian | Chi phí không chính thức | Cạnh tranh bình đẳng | Hỗ trợ doanh nghiệp | Thiết chế pháp lý | Tính ứng dụng CNTT | DDCI 2021 |
|-----------------|-------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-------------------|--------------------------|----------------------|---------------------|-------------------|--------------------|--------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 8,12 | 8,06 | 7,34 | 8,85 | 7,58 | 5,82 | 7,28 | 7,89 | 77,78 |
| 2 | Sở TNMT | 7,50 | 7,58 | 7,38 | 8,76 | 7,86 | 6,63 | 7,71 | 8,44 | 77,72 |
| 3 | Sở Xây dựng | 7,91 | 7,64 | 7,09 | 8,59 | 7,55 | 5,85 | 7,25 | 8,33 | 76,72 |
| 4 | Sở Công Thương | 8,09 | 7,89 | 7,34 | 8,74 | 7,60 | 6,81 | 7,65 | 8,18 | 78,68 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 7,42 | 7,29 | 6,47 | 8,65 | 7,70 | 5,13 | 6,91 | 7,42 | 72,44 |
| 6 | Sở GTVT | 7,67 | 7,63 | 6,85 | 8,81 | 7,43 | 5,50 | 7,12 | 7,12 | 73,85 |
| 7 | Sở KHCN | 8,20 | 8,24 | 7,46 | 8,88 | 7,84 | 6,96 | 7,56 | 7,93 | 79,62 |
| 8 | Sở NN&PTNT | 8,11 | 8,19 | 7,46 | 8,51 | 7,87 | 7,00 | 7,80 | 7,38 | 78,45 |
| 9 | Sở VH&DL | 8,00 | 7,79 | 7,31 | 8,56 | 7,63 | 6,79 | 7,45 | 7,94 | 77,61 |
| 10 | Công an tỉnh | 6,96 | 7,80 | 7,18 | 8,83 | 7,95 | 5,61 | 7,71 | 7,83 | 75,44 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 7,72 | 7,36 | 6,71 | 8,80 | 7,75 | 5,42 | 6,89 | 7,86 | 74,48 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 8,05 | 7,79 | 7,17 | 8,69 | 7,76 | 6,76 | 7,59 | 8,58 | 78,83 |
| 13 | Cục Hải quan tỉnh | 7,78 | 7,79 | 7,04 | 8,88 | 7,69 | 5,69 | 7,37 | 8,48 | 77,32 |
| 14 | BHXH tỉnh | 7,92 | 8,15 | 7,70 | 8,76 | 7,91 | 5,84 | 7,67 | 8,60 | 79,80 |
| Trung vị | | 7,92 | 7,79 | 7,25 | 8,76 | 7,73 | 5,85 | 7,50 | 7,94 | 77,67 |

Phụ lục 2. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” khối SBN năm 2021

| STT | Sở, ban, ngành | Các kế hoạch, quy hoạch phát triển của ngành được công khai phổ biến | Dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật của ngành | Dễ dàng tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi của ngành | Dễ dàng tiếp cận các biểu mẫu thủ tục hành chính | Phí, lệ phí được công khai tại hệ thống một cửa | Thông tin về chính sách, quy định mới được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho doanh nghiệp | Cần có mối quan hệ với cơ quan Nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu | Doanh nghiệp có thể dự đoán được của hoạt động thực thi pháp luật của tỉnh | Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phản biện các chính sách | Doanh nghiệp đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử của SBN để tìm kiếm thông tin | Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp | Độ mở và chất lượng website của đơn vị | SUB 1 |
|-----|----------------|--|---|---|--|---|---|---|--|--|--|---|--|-------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 8,54 | 7,28 | 7,91 | 8,65 | 8,93 | 8,54 | 8,33 | 7,27 | 7,44 | 9,05 | 5,81 | 10,0 | 8,12 |
| 2 | Sở TNMT | 7,08 | 5,61 | 5,73 | 7,53 | 8,09 | 7,23 | 8,71 | 7,38 | 8,13 | 7,98 | 6,08 | 9,70 | 7,50 |
| 3 | Sở Xây dựng | 7,99 | 6,82 | 6,78 | 7,99 | 8,53 | 7,69 | 8,43 | 7,28 | 7,63 | 9,26 | 6,11 | 10,0 | 7,91 |
| 4 | Sở Công Thương | 8,29 | 6,99 | 7,11 | 8,30 | 8,60 | 7,97 | 8,88 | 7,45 | 7,92 | 9,29 | 6,08 | 10,0 | 8,09 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 7,38 | 6,34 | 7,19 | 8,31 | 8,17 | 7,75 | 8,17 | 6,63 | 6,81 | 7,19 | 5,13 | 10,0 | 7,42 |
| 6 | Sở GTVT | 7,52 | 6,59 | 6,28 | 7,83 | 8,37 | 7,41 | 8,06 | 7,21 | 7,31 | 9,07 | 6,02 | 10,0 | 7,67 |
| 7 | Sở KHCN | 8,45 | 7,41 | 7,68 | 8,36 | 8,84 | 8,36 | 9,45 | 7,45 | 7,91 | 7,55 | 7,19 | 10,0 | 8,20 |

| STT | Sở, ban, ngành | Các kế hoạch, quy hoạch phát triển của ngành được công khai phổ biến | Dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật của ngành | Dễ dàng tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi của ngành | Dễ dàng tiếp cận các biểu mẫu thủ tục hành chính | Phí, lệ phí được công khai tại hệ thống một cửa | Thông tin về chính sách, quy định mới được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho doanh nghiệp | Cần có mối quan hệ với cơ quan Nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu | Doanh nghiệp có thể dự đoán được của hoạt động thực thi pháp luật của tỉnh | Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phản biện các chính sách | Doanh nghiệp đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử của SBN để tìm kiếm thông tin | Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp | Độ mở và chất lượng website của đơn vị | SUB 1 |
|-----|-------------------|--|---|---|--|---|---|---|--|--|--|---|--|-------------|
| 8 | Sở NN&PTNT | 8,00 | 7,00 | 7,33 | 8,44 | 8,83 | 8,33 | 8,92 | 7,44 | 7,78 | 8,67 | 6,48 | 10,0 | 8,11 |
| 9 | Sở VHTT&DL | 8,15 | 6,19 | 7,92 | 8,62 | 8,62 | 8,62 | 8,96 | 7,23 | 7,92 | 8,62 | 5,09 | 10,0 | 8,00 |
| 10 | Công an tỉnh | N/A | 6,52 | N/A | 8,09 | 8,41 | 7,75 | 8,62 | N/A | N/A | 4,07 | 4,30 | 9,70 | 6,96 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 7,58 | 5,15 | 7,40 | 7,92 | 8,36 | 7,69 | 9,13 | 6,42 | 7,81 | 8,96 | 5,30 | 10,0 | 7,72 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 8,04 | 7,00 | 7,06 | 8,13 | 8,54 | 7,99 | 8,55 | 7,55 | 7,65 | 9,57 | 6,41 | 9,70 | 8,05 |
| 13 | Cục Hải quan tỉnh | 7,65 | 6,35 | 7,08 | 7,97 | 8,42 | 7,89 | 8,30 | 7,08 | 7,65 | 9,27 | 5,76 | 9,40 | 7,78 |
| 14 | BHXH tỉnh | 8,09 | 7,28 | 7,13 | 8,38 | 8,74 | 8,09 | 8,76 | 7,16 | 7,96 | 7,70 | 6,03 | 10,0 | 7,92 |

Phụ lục 3. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Tính năng động của lãnh đạo” khối SBN năm 2021

| STT | Sở, ban, ngành | Chính sách, chủ trương của tỉnh/Trung ương được triển khai tốt ở cấp Sở, Ban, Ngành | Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những vấn đề mới phát sinh của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình | Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có ảnh hưởng lớn đến công tác cải cách TTHC của đơn vị | Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp | Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến, góp ý của doanh nghiệp | SUB2 |
|-----|-------------------|---|--|--|---|--|-------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 7,72 | 7,72 | 8,55 | 8,54 | 8,59 | 8,06 |
| 2 | Sở TNMT | 7,14 | 7,25 | 8,08 | 8,15 | 8,23 | 7,58 |
| 3 | Sở Xây dựng | 7,39 | 7,14 | 8,34 | 8,14 | 8,14 | 7,64 |
| 4 | Sở Công Thương | 7,96 | 7,21 | 8,44 | 8,27 | 8,37 | 7,89 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 6,74 | 7,03 | 7,96 | 7,78 | 7,96 | 7,29 |
| 6 | Sở GTVT | 7,30 | 7,30 | 8,43 | 8,12 | 7,81 | 7,63 |
| 7 | Sở KHCN | 8,08 | 7,67 | 8,67 | 8,95 | 8,76 | 8,24 |
| 8 | Sở NN&PTNT | 8,23 | 7,73 | 8,51 | 8,51 | 8,51 | 8,19 |
| 9 | Sở VHTT&DL | 7,28 | 7,28 | 8,55 | 8,32 | 8,78 | 7,79 |
| 10 | Công an tỉnh | 7,64 | 7,23 | 8,35 | 8,22 | 8,49 | 7,80 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 6,94 | 7,11 | 7,75 | 7,63 | 8,21 | 7,36 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 7,71 | 7,25 | 8,30 | 8,24 | 8,24 | 7,79 |
| 13 | Cục Hải quan tỉnh | 7,36 | 7,48 | 8,37 | 8,37 | 8,29 | 7,79 |
| 14 | BHXXH tỉnh | 7,88 | 7,93 | 8,62 | 8,52 | 8,45 | 8,15 |

Phụ lục 4. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” khối SBN năm 2021

| STT | Sở, ban, ngành | Quy trình và thủ tục tại bộ phận một cửa để hiểu, để thực hiện | Thời gian giải quyết TTHC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành | Thủ tục giấy tờ có giảm so với trước | Cán bộ am hiểu về chuyên môn | Cán bộ có thái độ thân thiện, nhiệt tình | Cán bộ hướng dẫn doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ | Doanh nghiệp Phải đi lại nhiều lần để hoàn thành một thủ tục hành chính | Bộ phận một cửa tại Sở, Ban, Ngành có cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến không | Hoạt động thanh kiểm tra gây cản trở đáng kể đến SXKD của doanh nghiệp | Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp giữa Sở, Ban, Ngành hoặc chính quyền địa phương | Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành | SUB3 |
|-----|----------------|--|--|--------------------------------------|------------------------------|--|--|---|--|--|--|--|-------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 7,85 | 8,87 | 7,97 | 7,66 | 7,78 | 7,74 | 8,18 | 9,73 | 5,88 | 6,02 | 6,12 | 7,34 |
| 2 | Sở TNMT | 7,41 | 8,76 | 8,13 | 6,96 | 7,53 | 6,85 | 7,75 | 9,55 | 6,29 | 6,56 | 7,09 | 7,38 |
| 3 | Sở Xây dựng | 6,90 | 8,53 | 7,66 | 7,07 | 6,99 | 6,70 | 7,74 | 9,88 | 5,96 | 6,19 | 6,42 | 7,09 |
| 4 | Sở Công Thương | 7,17 | 8,60 | 7,69 | 7,17 | 6,85 | 6,78 | 7,73 | 9,61 | 6,74 | 6,56 | 7,09 | 7,34 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 6,63 | 8,03 | 7,38 | 5,78 | 6,34 | 5,78 | 7,00 | 10,00 | 5,50 | 5,50 | 5,50 | 6,47 |
| 6 | Sở GTVT | 6,90 | 8,53 | 7,93 | 6,90 | 6,59 | 6,59 | 7,62 | 9,84 | 5,80 | 5,50 | 5,80 | 6,85 |
| 7 | Sở KHCN | 5,91 | 7,89 | 7,00 | 5,50 | 5,77 | 5,64 | 7,09 | 7,27 | 8,82 | 8,82 | 9,05 | 7,46 |
| 8 | Sở NN&PTNT | 7,50 | 8,75 | 8,00 | 7,17 | 7,33 | 7,33 | 7,89 | 9,00 | 6,85 | 6,85 | 6,85 | 7,46 |

| STT | Sở, ban, ngành | Quy trình và thủ tục tại bộ phận một cửa để hiểu, để thực hiện | Thời gian giải quyết TTHC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành | Thủ tục giấy tờ có giảm so với trước | Cán bộ am hiểu về chuyên môn | Cán bộ có thái độ thân thiện, nhiệt tình | Cán bộ hướng dẫn doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ | Doanh nghiệp Phải đi lại nhiều lần để hoàn thành một thủ tục hành chính | Bộ phận một cửa tại Sở, Ban, Ngành có cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến không | Hoạt động thanh kiểm tra gây cản trở đáng kể đến SXKD của doanh nghiệp | Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp giữa Sở, Ban, Ngành hoặc chính quyền địa phương | Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành | SUB3 |
|-----|-------------------|--|--|--------------------------------------|------------------------------|--|--|---|--|--|--|--|-------------|
| 9 | Sở VH TT&DL | 6,88 | 7,92 | 7,69 | 7,58 | 7,92 | 7,23 | 7,92 | 9,65 | 5,50 | 7,00 | 7,00 | 7,31 |
| 10 | Công an tỉnh | 7,24 | 8,72 | 7,82 | 7,24 | 7,03 | 7,14 | 8,02 | 8,16 | 6,53 | 6,40 | 6,40 | 7,18 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 7,40 | 8,27 | 6,88 | 6,19 | 6,71 | 5,85 | 6,65 | 10,00 | 5,97 | 5,97 | 5,74 | 6,71 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 7,12 | 8,60 | 7,91 | 7,16 | 7,12 | 6,97 | 7,90 | 9,90 | 6,19 | 6,10 | 6,26 | 7,17 |
| 13 | Cục Hải quan tỉnh | 6,84 | 8,24 | 7,16 | 6,47 | 6,59 | 6,23 | 7,41 | 9,88 | 6,25 | 6,50 | 7,00 | 7,04 |
| 14 | BHXH tỉnh | 7,73 | 8,91 | 8,15 | 7,58 | 7,43 | 7,43 | 7,96 | 9,95 | 6,79 | 6,66 | 7,69 | 7,70 |

Phụ lục 4. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” khối SBN năm 2021

| ST T | Sở, ban, ngành | Doanh nghiệp của Ông/bà có phải trả thêm các khoản Chi phí không chính thức hay không | Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được | Tình trạng những nhiều khi giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp tại Sở, Ban, Ngành là phổ biến | Cần có Chi phí không chính thức để công việc được giải quyết như mong muốn | SUB 4 |
|-------------|-----------------------|--|--|--|---|--------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 9,54 | 6,78 | 9,57 | 9,52 | 8,85 |
| 2 | Sở TNMT | 9,78 | 5,68 | 9,76 | 9,84 | 8,76 |
| 3 | Sở Xây dựng | 9,83 | 5,93 | 9,27 | 9,33 | 8,59 |
| 4 | Sở Công Thương | 10,00 | 5,58 | 9,72 | 9,67 | 8,74 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 10,00 | 6,52 | 8,91 | 9,18 | 8,65 |
| 6 | Sở GTVT | 10,00 | 5,82 | 9,57 | 9,86 | 8,81 |
| 7 | Sở KHCN | 10,00 | 5,50 | 10,00 | 10,00 | 8,88 |
| 8 | Sở NN&PTNT | 10,00 | 5,60 | 9,22 | 9,22 | 8,51 |
| 9 | Sở VH TT&DL | 10,00 | 6,25 | 9,00 | 9,00 | 8,56 |
| 10 | Công an tỉnh | 10,00 | 5,62 | 9,84 | 9,84 | 8,83 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 10,00 | 5,68 | 9,76 | 9,76 | 8,80 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 9,78 | 5,87 | 9,54 | 9,57 | 8,69 |
| 13 | Cục Hải quan tỉnh | 10,00 | 5,71 | 9,91 | 9,91 | 8,88 |
| 14 | BHXH tỉnh | 10,00 | 6,16 | 9,36 | 9,52 | 8,76 |

Phụ lục 5. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng” khối SBN năm 2021

| STT | Sở, ban, ngành | TCT, TĐL, DNNN, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh thuận lợi hơn so với DNNVV trong tiếp cận thông tin | TCT, TĐL, DNNN, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh nhận được các chính sách ưu đãi hơn so với DNNVV (vốn vay, mặt bằng kinh doanh...) | TCT, TĐL, DNNN, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh được ưu tiên giải quyết TTHC | TCT, TĐL, DNNN, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh được ưu tiên giải quyết khó khăn | TCT, TĐL, DNNN, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh được ưu tiên trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đấu thầu, khoáng sản...) | Lãnh đạo địa phương thường xuyên quan tâm đến các DNNVV | Sự ưu ái với các doanh nghiệp khác có gây khó khăn cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp không | SUB5 |
|-----|----------------|---|--|--|--|--|---|--|-------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 7,46 | 7,37 | 7,46 | 7,42 | 7,98 | 8,07 | 7,30 | 7,58 |
| 2 | Sở TNMT | 7,83 | 7,83 | 7,90 | 7,75 | 8,26 | 8,37 | 7,08 | 7,86 |
| 3 | Sở Xây dựng | 7,52 | 7,50 | 7,50 | 7,47 | 8,02 | 8,02 | 6,84 | 7,55 |
| 4 | Sở Công Thương | 7,54 | 7,43 | 7,59 | 7,47 | 7,93 | 8,32 | 6,90 | 7,60 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 7,38 | 7,56 | 8,13 | 7,75 | 7,89 | 8,03 | 7,19 | 7,70 |
| 6 | Sở GTVT | 7,31 | 7,52 | 7,52 | 7,10 | 7,91 | 7,91 | 6,74 | 7,43 |
| 7 | Sở KHCN | 7,64 | 7,73 | 7,82 | 7,73 | 8,23 | 8,50 | 7,27 | 7,84 |
| 8 | Sở NN&PTNT | 7,78 | 7,56 | 7,89 | 7,78 | 8,25 | 8,25 | 7,58 | 7,87 |
| 9 | Sở VH TT & DL | 7,50 | 7,50 | 7,50 | 7,50 | 8,13 | 8,13 | 7,19 | 7,63 |
| 10 | Công an tỉnh | 7,95 | 7,89 | 7,82 | 7,89 | 8,36 | 8,41 | 7,34 | 7,95 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 7,69 | 7,58 | 7,92 | 7,81 | 8,18 | 8,10 | 6,97 | 7,75 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 7,68 | 7,72 | 7,76 | 7,63 | 8,21 | 8,20 | 7,10 | 7,76 |
| 13 | Cục Hải quan | 7,81 | 7,65 | 7,73 | 7,73 | 8,11 | 8,30 | 6,53 | 7,69 |
| 14 | BHXH tỉnh | 7,96 | 7,92 | 8,02 | 7,79 | 8,32 | 8,39 | 6,98 | 7,91 |

Phụ lục 6. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối SBN năm 2021

| STT | Sở, ban, ngành | Đánh giá của doanh nghiệp về các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật | Đánh giá của doanh nghiệp về các buổi đối thoại do Sở, Ban, Ngành tổ chức | Đánh giá của doanh nghiệp về hỗ trợ tư vấn pháp lý | Cán bộ, công chức nhiệt tình giúp doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc | SUB6 |
|------------|-----------------------|--|--|---|---|-------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 5,90 | 5,81 | 5,68 | 5,90 | 5,82 |
| 2 | Sở TNMT | 6,73 | 6,73 | 6,73 | 6,32 | 6,63 |
| 3 | Sở Xây dựng | 5,66 | 5,81 | 5,97 | 5,98 | 5,85 |
| 4 | Sở Công Thương | 6,85 | 6,76 | 6,76 | 6,85 | 6,81 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 4,75 | 4,75 | 5,50 | 5,50 | 5,13 |
| 6 | Sở GTVT | 5,50 | 5,50 | 5,50 | 5,50 | 5,50 |
| 7 | Sở KHCN | 6,82 | 6,82 | 7,09 | 7,09 | 6,96 |
| 8 | Sở NN&PTNT | 6,70 | 6,70 | 7,30 | 7,30 | 7,00 |
| 9 | Sở VH TT&DL | 6,79 | 6,79 | 6,79 | 6,79 | 6,79 |
| 10 | Công an tỉnh | 5,50 | 5,50 | 5,50 | 5,95 | 5,61 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 5,18 | 5,50 | 5,50 | 5,50 | 5,42 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 6,68 | 6,74 | 6,79 | 6,85 | 6,76 |
| 13 | Cục Hải quan tỉnh | 5,50 | 5,88 | 5,50 | 5,88 | 5,69 |
| 14 | BHXH tỉnh | 5,63 | 5,75 | 6,00 | 6,00 | 5,84 |

Phụ lục 7. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý” khối SBN năm 2021

| STT | Sở được đánh giá | Cán bộ Sở, Ban, Ngành thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các đối tượng | Cán bộ Sở, Ban, Ngành thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định | Thương lượng với cán bộ là cần thiết khi làm việc với Sở, Ban, Ngành | Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | Phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng | SUB7 |
|-----|-------------------|---|---|--|--|--|-------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 6,54 | 6,62 | 7,92 | 7,39 | 7,53 | 7,28 |
| 2 | Sở TNMT | 7,08 | 7,19 | 8,43 | 7,75 | 7,90 | 7,71 |
| 3 | Sở Xây dựng | 6,61 | 6,78 | 8,21 | 7,19 | 7,47 | 7,25 |
| 4 | Sở Công Thương | 7,13 | 7,13 | 8,25 | 7,64 | 7,94 | 7,65 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 6,34 | 6,34 | 7,38 | 7,00 | 7,19 | 6,91 |
| 6 | Sở GTVT | 6,12 | 6,12 | 8,14 | 7,31 | 7,41 | 7,12 |
| 7 | Sở KHCN | 6,86 | 6,86 | 9,45 | 7,27 | 7,82 | 7,56 |
| 8 | Sở NN&PTNT | 7,33 | 7,50 | 8,67 | 7,78 | 7,78 | 7,80 |
| 9 | Sở VH TT&DL | 6,88 | 6,88 | 8,15 | 7,46 | 7,69 | 7,45 |
| 10 | Công an tỉnh | 7,03 | 6,93 | 8,98 | 7,75 | 7,75 | 7,71 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 6,54 | 6,37 | 8,85 | 6,42 | 7,12 | 6,89 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 7,05 | 7,22 | 8,26 | 7,60 | 7,76 | 7,59 |
| 13 | Cục Hải quan tỉnh | 6,84 | 6,84 | 8,05 | 7,49 | 7,41 | 7,37 |
| 14 | BHXH tỉnh | 7,03 | 7,13 | 8,38 | 7,76 | 7,79 | 7,67 |

Phụ lục 8. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Tính ứng dụng CNTT” khối SBN năm 2021

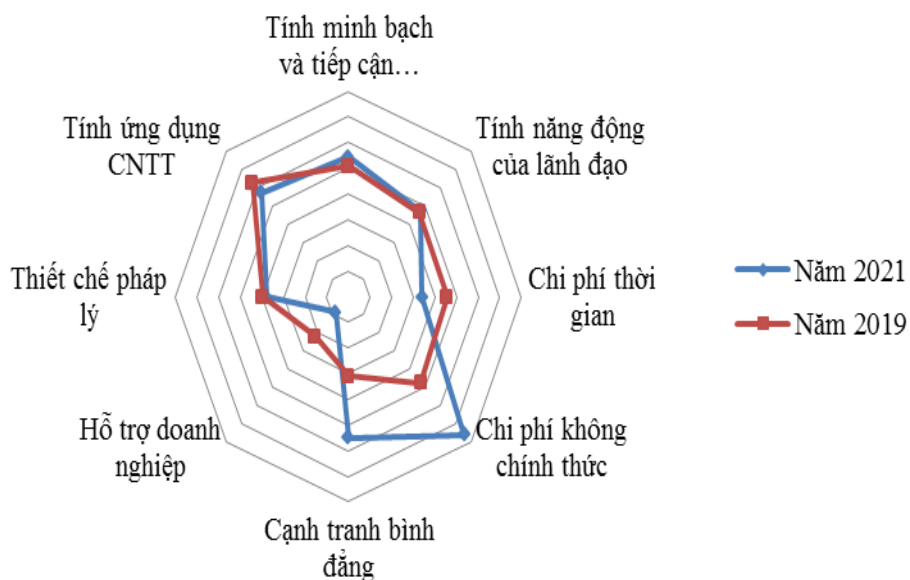
| STT | Sở, ban, ngành | Dịch vụ hỏi đáp trực tuyến trên website | Đánh giá về chất lượng dịch vụ công trực tuyến | Có hệ thống cơ sở dữ liệu mở về các VBPL, quy định, chính sách chuyên ngành dành cho doanh nghiệp | Doanh nghiệp có được thông báo, tuyên truyền văn bản pháp luật thông qua website, email hoặc tin nhắn điện thoại không | SUB8 |
|-----|-------------------|---|--|---|--|-------------|
| 1 | Sở KH-ĐT | 10,00 | 7,87 | 10,00 | 5,67 | 7,89 |
| 2 | Sở TNMT | 10,00 | 8,03 | 10,00 | 5,73 | 8,44 |
| 3 | Sở Xây dựng | 10,00 | 7,85 | 10,00 | 5,46 | 8,33 |
| 4 | Sở Công Thương | 8,00 | 8,25 | 10,00 | 6,46 | 8,18 |
| 5 | Sở LĐ-TBXH | 7,00 | 7,75 | 10,00 | 4,94 | 7,42 |
| 6 | Sở GTVT | 6,00 | 7,44 | 10,00 | 5,03 | 7,12 |
| 7 | Sở KHCN | 5,00 | 8,77 | 10,00 | 7,95 | 7,93 |
| 8 | Sở NN&PTNT | 5,00 | 8,17 | 10,00 | 6,33 | 7,38 |
| 9 | Sở VH TT&DL | 8,00 | 7,92 | 10,00 | 5,85 | 7,94 |
| 10 | Công an tỉnh | 8,00 | 8,11 | 9,10 | 6,11 | 7,83 |
| 11 | BQL KKT tỉnh | 9,00 | 8,01 | 9,10 | 5,33 | 7,86 |
| 12 | Cục Thuế tỉnh | 10,00 | 8,31 | 9,55 | 6,45 | 8,58 |
| 13 | Cục Hải quan tỉnh | 10,00 | 8,05 | 9,78 | 6,11 | 8,48 |
| 14 | BHXH tỉnh | 10,00 | 8,32 | 10,00 | 6,09 | 8,60 |

Phụ lục 9. Hồ sơ DDCI Đồng Tháp 2021 khối SBN

1. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh

Năm 2021, điểm số DDCI của BQL KKT tỉnh đạt 74,48 điểm (tăng 1,34 điểm so với năm 2019); từ nhóm “Khá”, đơn vị đã vươn lên vào nhóm “Khá tốt”.

So với năm 2019, BQL KKT tỉnh có 04 chỉ số thành phần giảm điểm, đó là “Chi phí thời gian”, “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Thiết chế pháp lý” và “Tính ứng dụng CNTT” với mức giảm dao động từ 0,10 đến 0,68 điểm.

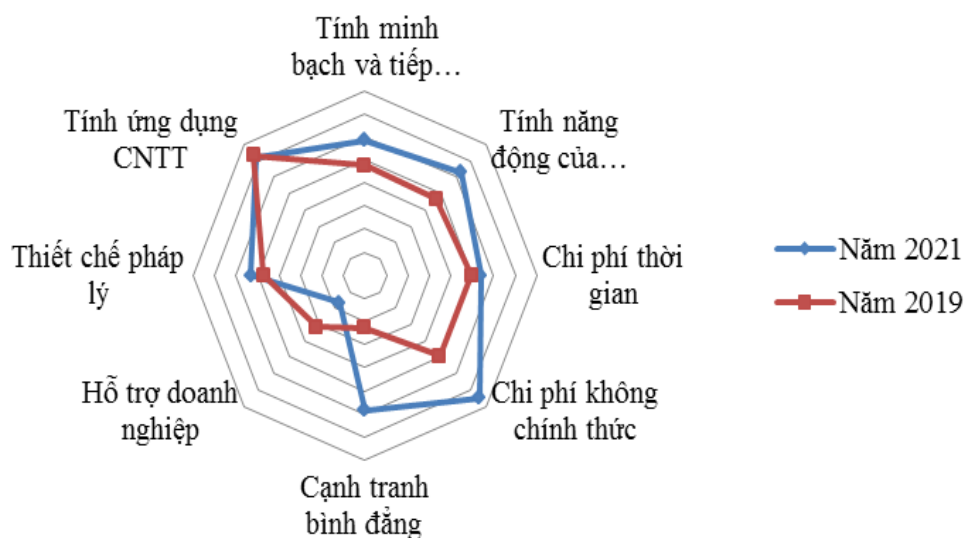


2. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Năm 2021, điểm số DDCI của BHXH tỉnh đạt 79,80 điểm, tăng 5,57 điểm so với năm 2019, dẫn đầu DDCI khối SBN năm 2021, thuộc nhóm “Rất tốt”.

So với năm 2019, BHXH tỉnh có 02 chỉ số thành phần giảm điểm, đó là “Hỗ trợ doanh nghiệp” (giảm 0,75 điểm) và “Tính ứng dụng CNTT” (giảm 0,06 điểm).

So với khối SBN năm 2021, BHXH tỉnh nằm trong nhóm 03 đơn vị đứng đầu ở các chỉ số “Chi phí thời gian”, “Tính ứng dụng CNTT”, “Cạnh tranh bình đẳng” và “Tính năng động của lãnh đạo”.

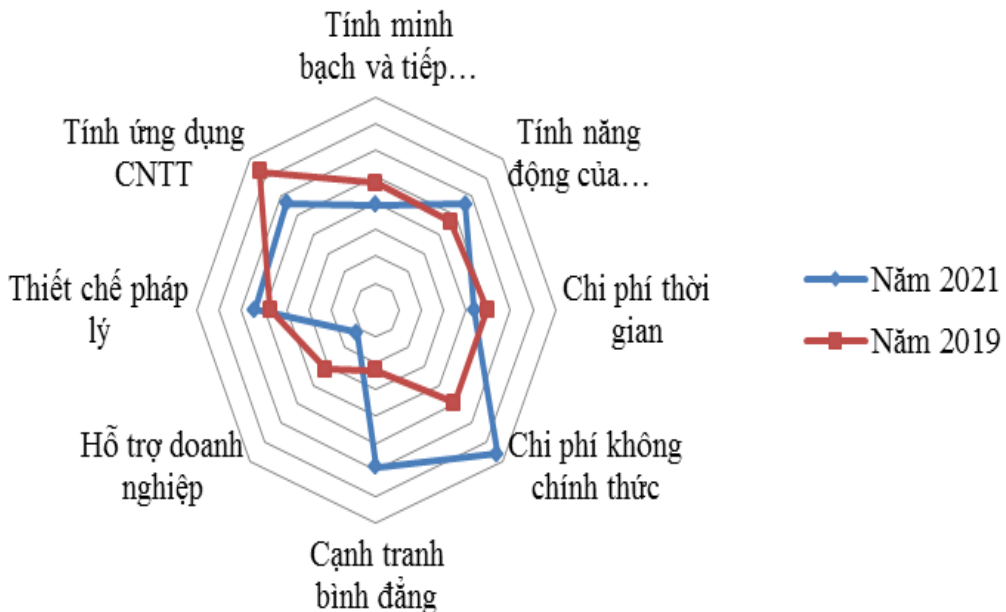


3. Công an tỉnh

Năm 2021, điểm số DDCI của Công an tỉnh đạt 75,44 điểm, tăng 1,24 điểm so với năm 2019 và được xếp vào nhóm “Khá tốt”.

So với năm 2019, Công an tỉnh có 04 chỉ số thành phần giảm điểm: “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Chi phí thời gian”, “Hỗ trợ doanh nghiệp” và “Tính ứng dụng CNTT”, với mức giảm dao động từ 0,22 đến 0,80 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Công an tỉnh nằm trong nhóm dẫn đầu ở các chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” và “Thiết chế pháp lý”. Bên cạnh đó, “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Hỗ trợ doanh nghiệp” và “Tính ứng dụng CNTT” là những chỉ số cần được quan tâm cải thiện.

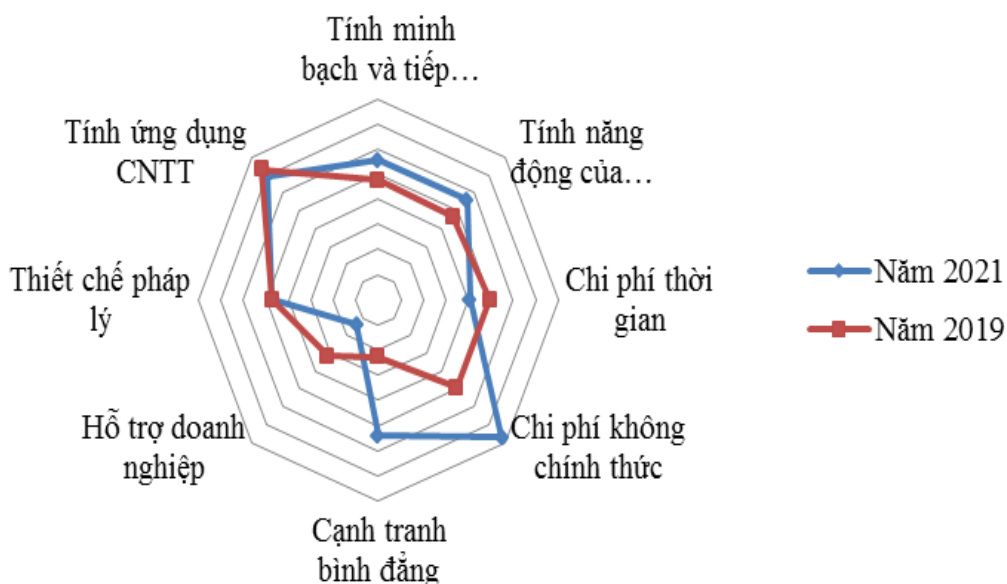


4. Cục Hải quan tỉnh

Năm 2021, điểm số DDCI của Cục Hải quan tỉnh đạt 77,32 điểm, tăng 2,50 điểm so với năm 2019; thuộc nhóm “Tốt”.

So với năm 2019, Cục Hải quan tỉnh có 03 chỉ số thành phần giảm điểm: “Chi phí thời gian”, “Hỗ trợ doanh nghiệp” và “Tính ứng dụng CNTT”, với mức giảm dao động từ 0,20 điểm đến 1,21 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Cục Hải quan tỉnh nằm trong nhóm dẫn đầu ở các chỉ số “Chi phí không chính thức” và “Tính ứng dụng CNTT”. Trong khi đó, “Chi phí thời gian” và “Hỗ trợ doanh nghiệp” là những chỉ số cần được quan tâm cải thiện.



5. Cục Thuế tỉnh

Năm 2021, điểm số DDCI của Cục Thuế tỉnh đạt 78,83 điểm (tăng 5,24 điểm so với năm 2019), vươn lên nhóm “Rất tốt”.

So với năm 2019, Cục Thuế tỉnh giảm điểm ở một chỉ số thành phần là “Chi phí thời gian” (giảm 0,32 điểm).

So với khối SBN năm 2021, Cục Thuế tỉnh được đánh giá cao ở chỉ số “Tính ứng dụng CNTT”, đứng vị trí thứ 2/14.

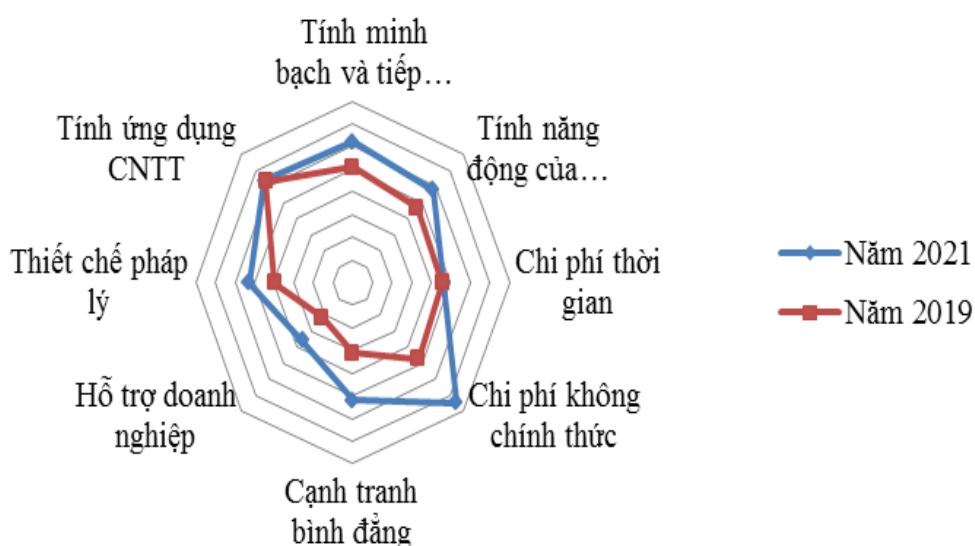


6. Sở Công Thương

Năm 2021, điểm số DDCI của Sở Công Thương đạt 78,68 điểm (tăng 5,49 điểm so với năm 2019), vươn lên nhóm “Rất tốt”.

So với năm 2019, Sở Công Thương có 01 chỉ số thành phần giảm điểm, đó là “Chi phí thời gian” với mức giảm 0,17 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Sở Công Thương được đánh giá cao ở chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp”, xếp hạng 3/14.

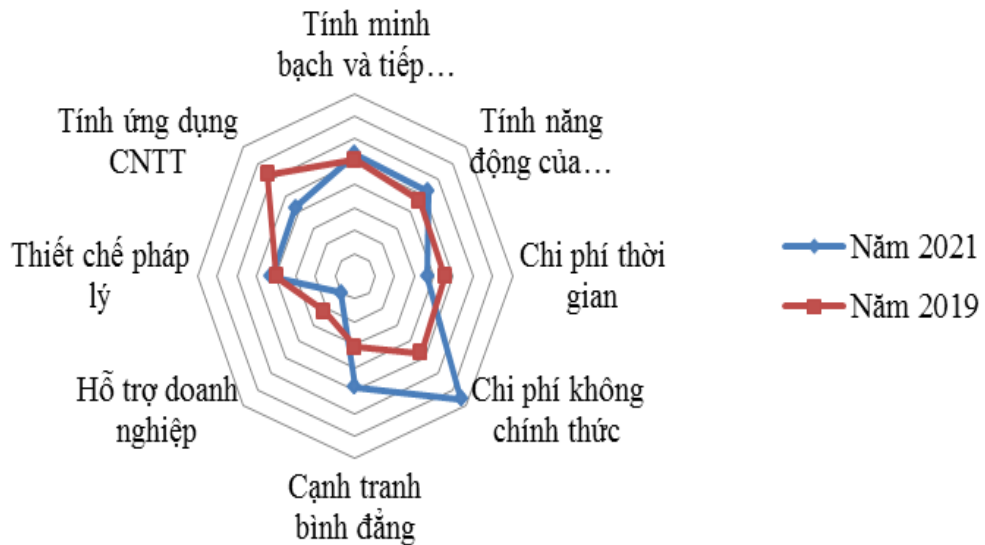


7. Sở Giao thông vận tải

Năm 2021, điểm số DDCI của Sở GTVT đạt 73,85 điểm (tăng 0,88 điểm so với năm 2019), từ nhóm “Khá” vươn lên nhóm “Khá tốt”.

So với năm 2019, Sở GTVT có 04 chỉ số thành phần giảm điểm: “Chi phí thời gian”, “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Thiết chế pháp lý” và “Tính ứng dụng CNTT”, với mức giảm dao động từ 0,26 điểm đến 0,83 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Sở GTVT cần quan tâm cải thiện ở các chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” và “Tính ứng dụng CNTT”.

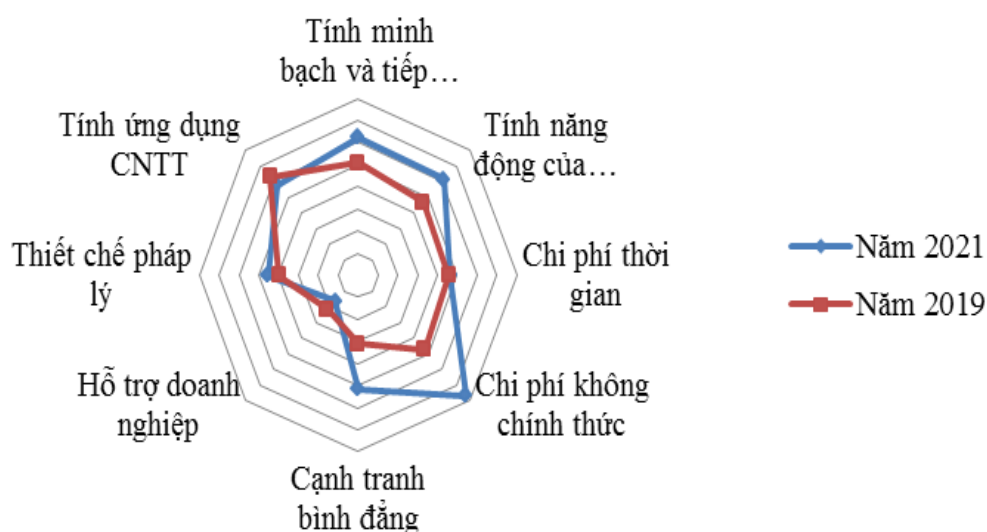


8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Năm 2021, Sở KHĐT có điểm số DDCI đạt 77,78 điểm (tăng 3,59 điểm so với năm 2019), vươn từ nhóm “Tốt” lên nhóm “Rất tốt”.

So với năm 2019, Sở KHĐT có 03 chỉ số thành phần giảm điểm: “Chi phí thời gian”, “Hỗ trợ doanh nghiệp” và “Tính ứng dụng CNTT”, với mức giảm dao động từ 0,14 điểm đến 0,80 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Sở KHĐT nằm trong nhóm dẫn đầu ở các chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” và “Chi phí không chính thức”.

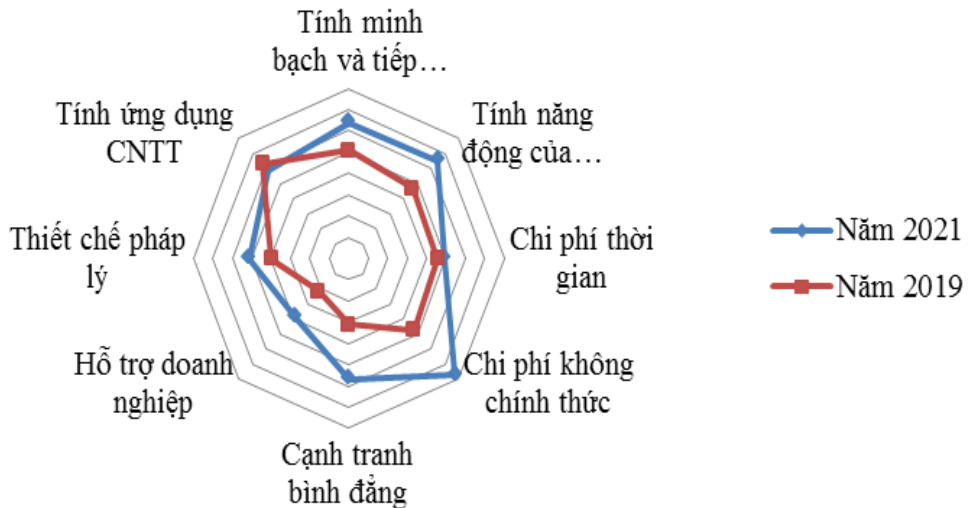


9. Sở Khoa học và Công nghệ

Năm 2021, điểm số DDCI của Sở KHCN đạt 79,62 điểm (tăng 5,61 điểm so với năm 2019), thuộc nhóm “Rất tốt”.

So với năm 2019, Sở KHCN giảm điểm ở chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”, với mức giảm là 0,08 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Sở KHCN nằm trong nhóm dẫn đầu ở các chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Tính năng động của lãnh đạo”, “Chi phí thời gian”, “Chi phí không chính thức” và “Hỗ trợ doanh nghiệp”.

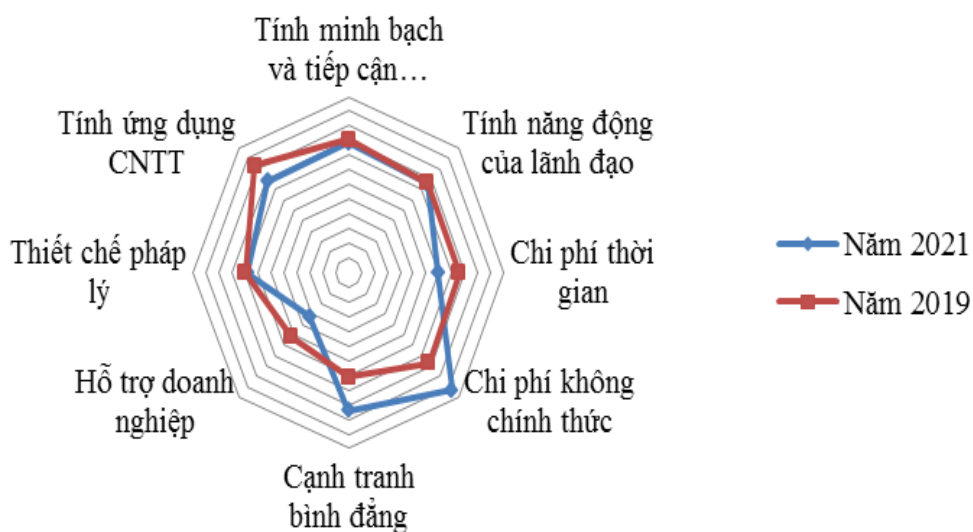


10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Năm 2021, điểm số DDCI của Sở LĐ-TBXH đạt 72,44 điểm (giảm 0,77 điểm so với năm 2019), thuộc nhóm “Khá”.

So với năm 2019, Sở LĐ-TBXH có 06 chỉ số thành phần giảm điểm: “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Tính năng động của lãnh đạo”, “Chi phí thời gian”, “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Thiết chế pháp lý” và “Tính ứng dụng CNTT”.

So với khối SBN năm 2021, Sở LĐ-TBXH cần quan tâm cải thiện ở các chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo”, “Chi phí thời gian” và “Hỗ trợ doanh nghiệp”

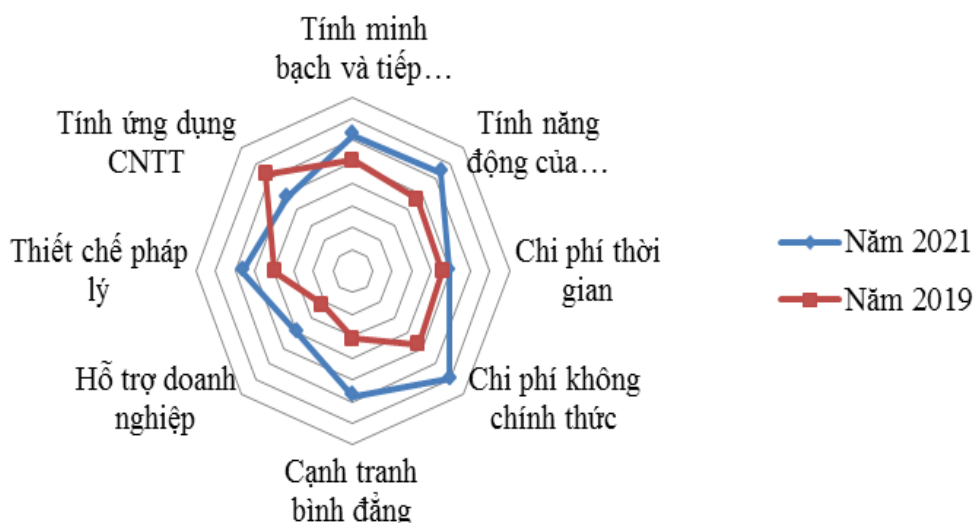


11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Năm 2021, điểm số DDCI của Sở NN&PTNT đạt 78,45 điểm, (tăng 5,85 điểm so với năm 2019), thuộc nhóm “Rất tốt”.

So với năm 2019, Sở NN&PTNT có 02 chỉ số thành phần giảm điểm là “Chi phí thời gian” và “Tính ứng dụng CNTT, với mức giảm lần lượt là 0,04 điểm và 0,08 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Sở NN&PTNT nằm trong nhóm dẫn đầu ở phần lớn các chỉ số thành phần. Tuy nhiên, “Chi phí không chính thức” và “Tính ứng dụng CNTT” là 02 chỉ số thành phần cần được quan tâm cải thiện.

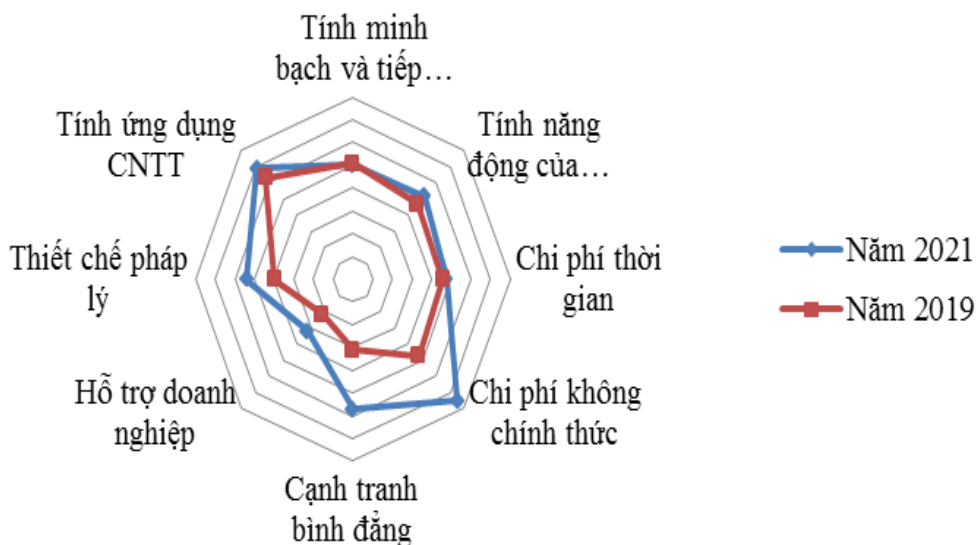


12. Sở Tài nguyên và Môi trường

Năm 2021, điểm số DDCI của Sở TNMT đạt 77,72 điểm (tăng 4,34 điểm so với năm 2019), thuộc nhóm “Rất tốt”.

So với năm 2019, Sở TNMT giảm điểm ở chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” với mức giảm là 0,05 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Sở TNMT được đánh giá cao ở chỉ số “Thiết chế pháp lý”. Tuy nhiên, “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” và “Tính năng động của lãnh đạo” là 02 chỉ số thành phần cần được quan tâm cải thiện.

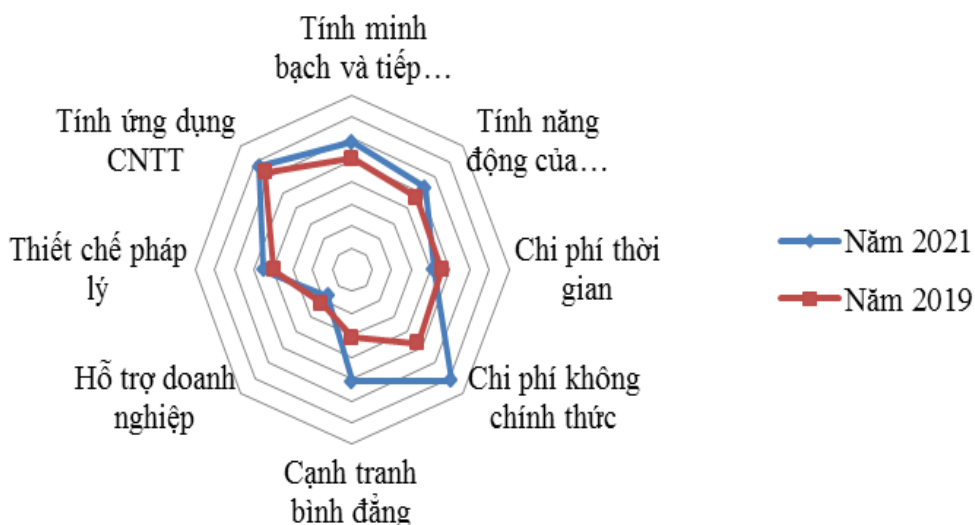


13. Sở Xây dựng

Năm 2021, Sở Xây dựng có điểm số DDCI đạt 76,72 điểm (tăng 3,30 điểm so với năm 2019), thuộc nhóm “Tốt”.

So với năm 2019, Sở Xây dựng có 02 chỉ số thành phần giảm điểm: “Chi phí thời gian” và “Tính ứng dụng CNTT”, với mức giảm lần lượt là 0,47 điểm và 0,29 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Sở Xây dựng cần quan tâm cải thiện các chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” và “Chi phí không chính thức”.

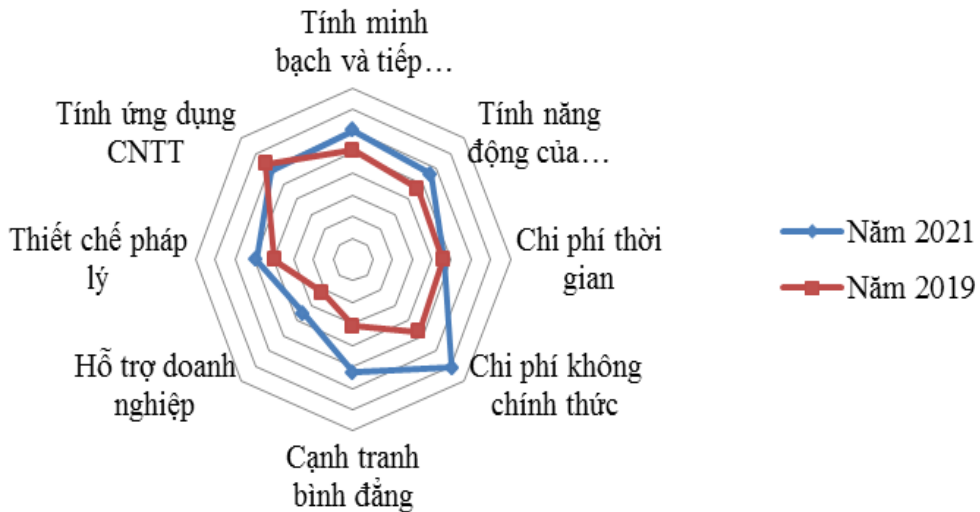


14. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Năm 2021, Sở VH TT&DL có điểm số DDCI đạt 77,61 điểm (tăng 3,59 điểm so với năm 2019), thuộc nhóm “Tốt”.

So với năm 2019, Sở VH TT&DL giảm điểm ở 02 chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” và “Tính ứng dụng CNTT” với mức giảm lần lượt là 0,40 điểm và 0,33 điểm.

So với khối SBN năm 2021, Sở VH TT&DL cần quan tâm cải thiện ở chỉ số “Chi phí không chính thức” và “Cạnh tranh bình đẳng”.



Phụ lục 10. Tổng hợp điểm số chỉ số thành phần DDCI 2021 khối chính quyền địa phương

| STT | Địa phương | Tính minh bạch và tiếp cận thông tin | Tính năng động của lãnh đạo | Chi phí thời gian | Chi phí không chính thức | Cạnh tranh bình đẳng | Hỗ trợ doanh nghiệp | Thiết chế pháp lý | Tính ứng dụng CNTT | Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất | DDCI 2021 |
|-----------------|---------------|--------------------------------------|-----------------------------|-------------------|--------------------------|----------------------|---------------------|-------------------|--------------------|---|--------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 8,24 | 7,94 | 8,09 | 7,18 | 7,05 | 7,50 | 6,96 | 6,26 | 7,92 | 76,05 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 8,00 | 7,81 | 7,88 | 8,07 | 6,62 | 7,74 | 6,94 | 8,09 | 7,63 | 76,80 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 8,58 | 8,38 | 8,00 | 7,24 | 7,40 | 7,75 | 8,01 | 7,84 | 8,70 | 80,50 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 8,54 | 8,32 | 8,09 | 7,59 | 7,11 | 8,23 | 7,38 | 7,76 | 9,27 | 80,78 |
| 5 | H. Châu Thành | 9,16 | 8,47 | 9,11 | 7,24 | 7,29 | 8,93 | 8,17 | 7,93 | 8,72 | 83,60 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 8,66 | 8,12 | 8,08 | 6,86 | 6,86 | 8,11 | 7,04 | 7,67 | 8,77 | 78,44 |
| 7 | H. Lai Vung | 8,85 | 8,29 | 8,22 | 6,40 | 7,22 | 9,00 | 7,77 | 7,83 | 8,51 | 79,87 |
| 8 | H. Lấp Vò | 8,23 | 7,98 | 7,95 | 7,60 | 6,27 | 6,37 | 6,19 | 8,08 | 7,21 | 74,68 |
| 9 | H. Tam Nông | 8,39 | 7,53 | 8,06 | 6,94 | 6,46 | 7,30 | 7,53 | 7,89 | 7,94 | 76,07 |
| 10 | H. Tân Hồng | 8,45 | 7,65 | 7,93 | 7,53 | 7,48 | 7,05 | 7,09 | 7,63 | 8,40 | 77,92 |
| 11 | H. Thanh Bình | 8,49 | 8,23 | 7,97 | 7,98 | 6,64 | 7,99 | 6,44 | 7,41 | 7,48 | 77,51 |
| 12 | H. Tháp Mười | 8,67 | 7,88 | 7,28 | 6,94 | 7,38 | 7,19 | 5,81 | 7,33 | 7,47 | 74,77 |
| Trung vị | | 8,51 | 8,05 | 8,03 | 7,24 | 7,08 | 7,74 | 7,06 | 7,79 | 8,17 | 77,71 |

Phụ lục 11. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” khối chính quyền địa phương năm 2021

| STT | Địa phương | Các kế hoạch, quy hoạch phát triển của địa phương được công khai phổ biến | Dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương | Dễ dàng tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi của địa phương | Dễ dàng tiếp cận các biểu mẫu thủ tục hành chính | Phí, lệ phí được công khai tại hệ thống một cửa | Thông tin về chính sách, quy định mới được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho DN | Cần có mối quan hệ với CQNN để tiếp cận các thông tin, tài liệu | Doanh nghiệp có thể dự đoán được của hoạt động thực thi pháp luật của địa phương | Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phân biện các chính sách | DN đã từng truy cập vào CTTĐT của địa phương để tìm kiếm thông tin | Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của DN | Độ mở và chất lượng website | SUB 1 |
|-----|---------------|---|--|--|--|---|---|---|--|--|--|---|-----------------------------|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 8,15 | 8,30 | 8,50 | 8,72 | 8,60 | 8,50 | 7,60 | 7,85 | 7,13 | 10,00 | 6,87 | 8,80 | 8,24 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 7,55 | 6,95 | 8,55 | 8,20 | 8,20 | 8,20 | 9,30 | 6,75 | 7,87 | 10,00 | 6,00 | 8,20 | 8,00 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 8,78 | 8,78 | 8,78 | 8,69 | 8,78 | 8,59 | 8,59 | 8,59 | 8,25 | 9,63 | 7,00 | 8,80 | 8,58 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 8,56 | 8,74 | 8,56 | 8,74 | 8,74 | 8,38 | 8,29 | 8,11 | 7,48 | 10,00 | 7,00 | 10,0 | 8,54 |
| 5 | H. Châu Thành | 9,53 | 9,53 | 9,53 | 9,53 | 9,53 | 9,53 | 8,99 | 8,99 | 9,17 | 8,86 | 7,33 | 10,0 | 9,16 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 8,97 | 8,78 | 9,06 | 9,16 | 9,16 | 9,16 | 8,50 | 7,75 | 7,00 | 10,00 | 7,00 | 10,0 | 8,66 |
| 7 | H. Lai Vung | 8,92 | 9,19 | 9,10 | 8,92 | 9,10 | 8,92 | 9,01 | 8,02 | 8,44 | 9,52 | 7,43 | 10,0 | 8,85 |
| 8 | H. Lấp Vò | 7,39 | 7,24 | 7,24 | 7,10 | 7,10 | 7,02 | 9,49 | 8,84 | 8,84 | 9,90 | 7,20 | 10,0 | 8,23 |

| STT | Địa phương | Các kế hoạch, quy hoạch phát triển của địa phương được công khai phổ biến | Dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương | Dễ dàng tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi của địa phương | Dễ dàng tiếp cận các biểu mẫu thủ tục hành chính | Phí, lệ phí được công khai tại hệ thống một cửa | Thông tin về chính sách, quy định mới được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho DN | Cần có mối quan hệ với CQNN để tiếp cận các thông tin, tài liệu | Doanh nghiệp có thể dự đoán được của hoạt động thực thi pháp luật của địa phương | Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phản biện các chính sách | DN đã từng truy cập vào CTTĐT của địa phương để tìm kiếm thông tin | Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của DN | Độ mở và chất lượng website | SUB 1 |
|-----|---------------|---|--|--|--|---|---|---|--|--|--|---|-----------------------------|-------------|
| 9 | H. Tam Nông | 8,03 | 8,03 | 8,03 | 8,03 | 8,03 | 8,03 | 9,91 | 8,69 | 8,50 | 9,63 | 7,43 | 8,20 | 8,39 |
| 10 | H. Tân Hồng | 8,53 | 8,53 | 8,34 | 8,53 | 8,43 | 8,34 | 7,95 | 7,85 | 8,04 | 9,48 | 7,32 | 10,0 | 8,45 |
| 11 | H. Thanh Bình | 8,88 | 8,50 | 8,31 | 8,97 | 9,25 | 8,59 | 8,13 | 7,75 | 7,38 | 9,63 | 7,43 | 9,40 | 8,49 |
| 12 | H. Tháp Mười | 7,75 | 7,75 | 7,75 | 7,75 | 7,75 | 7,83 | 9,40 | 9,55 | 9,50 | 8,50 | 9,20 | 10,0 | 8,67 |

Phụ lục 12. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Tính năng động của lãnh đạo” khối chính quyền địa phương năm 2021

| STT | Địa phương | Chính sách, chủ trương của tỉnh/Trung ương được triển khai tốt ở cấp huyện, thị | Lãnh đạo địa phương kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những vấn đề mới phát sinh của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình | Lãnh đạo địa phương có ảnh hưởng lớn đến công tác cải cách TTHC của đơn vị | Lãnh đạo địa phương có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp | Lãnh đạo địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến, góp ý của doanh nghiệp | SUB2 |
|-----|---------------|---|--|--|---|--|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 8,40 | 8,00 | 8,07 | 7,33 | 7,27 | 7,94 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 7,73 | 7,60 | 7,53 | 7,60 | 8,93 | 7,81 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 8,38 | 8,38 | 8,50 | 8,38 | 8,25 | 8,38 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 9,16 | 8,32 | 8,08 | 7,36 | 7,60 | 8,32 |
| 5 | H. Châu Thành | 8,55 | 8,45 | 8,55 | 8,45 | 8,24 | 8,47 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 8,88 | 8,25 | 8,00 | 7,13 | 7,26 | 8,12 |
| 7 | H. Lai Vung | 8,56 | 8,20 | 8,32 | 7,96 | 8,20 | 8,29 |
| 8 | H. Lấp Vò | 7,97 | 7,87 | 7,87 | 8,06 | 8,26 | 7,98 |
| 9 | H. Tam Nông | 7,50 | 7,50 | 7,50 | 7,63 | 7,63 | 7,53 |
| 10 | H. Tân Hồng | 7,91 | 7,65 | 7,55 | 7,39 | 7,39 | 7,65 |
| 11 | H. Thanh Bình | 8,38 | 8,38 | 8,50 | 8,00 | 7,50 | 8,23 |
| 12 | H. Tháp Mười | 7,80 | 7,80 | 7,80 | 8,10 | 8,10 | 7,88 |

Phụ lục 13. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” khối chính quyền địa phương 2021

| STT | Địa phương | Quy trình và thủ tục tại bộ phận một cửa để hiểu, dễ thực hiện | Thời gian giải quyết TTHC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành | Thủ tục giấy tờ có giám so với trước | Cán bộ am hiểu về chuyên môn | Cán bộ có thái độ thân thiện, nhiệt tình | Cán bộ hướng dẫn doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ | Doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để hoàn thành một thủ tục hành chính | Hoạt động thanh kiểm tra gây cản trở đáng kể đến SXKD của doanh nghiệp | Nội dung thanh kiểm tra chéo/trùng lặp giữa Sở, Ban, Ngành hoặc chính quyền địa phương | Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành | SUB3 |
|-----|---------------|--|--|--------------------------------------|------------------------------|--|--|---|--|--|--|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 7,33 | 8,00 | 7,13 | 7,07 | 7,90 | 7,95 | 7,33 | 8,43 | 8,54 | 8,65 | 8,09 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 7,47 | 7,95 | 5,73 | 7,13 | 8,40 | 8,35 | 6,59 | 8,60 | 8,14 | 8,45 | 7,88 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 8,38 | 8,78 | 8,25 | 8,38 | 8,78 | 8,78 | 8,38 | 8,62 | 8,62 | 8,62 | 8,00 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 7,84 | 8,38 | 6,64 | 7,72 | 8,20 | 7,75 | 7,00 | 10,00 | 10,00 | 10,00 | 8,09 |
| 5 | H. Châu Thành | 9,38 | 9,53 | 9,38 | 9,38 | 9,53 | 9,53 | 9,46 | 9,86 | 9,86 | 9,86 | 9,11 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 8,13 | 8,59 | 7,00 | 7,13 | 7,84 | 7,75 | 7,00 | 10,00 | 10,00 | 10,00 | 8,08 |
| 7 | H. Lai Vung | 8,08 | 8,65 | 8,44 | 9,04 | 8,74 | 8,56 | 7,72 | 9,36 | 9,20 | 9,20 | 8,22 |
| 8 | H. Lấp Vò | 7,10 | 7,68 | 7,10 | 7,00 | 7,68 | 7,82 | 7,00 | 10,00 | 10,00 | 10,00 | 7,95 |

| STT | Địa phương | Quy trình và thủ tục tại bộ phận một cửa để hiểu, để thực hiện | Thời gian giải quyết TTHC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành | Thủ tục giấy tờ có giảm so với trước | Cán bộ am hiểu về chuyên môn | Cán bộ có thái độ thân thiện, nhiệt tình | Cán bộ hướng dẫn doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ | Doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để hoàn thành một thủ tục hành chính | Hoạt động thanh kiểm tra gây cản trở đáng kể đến SXKD của doanh nghiệp | Nội dung thanh kiểm tra chéo/trùng lặp giữa Sở, Ban, Ngành hoặc chính quyền địa phương | Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành | SUB3 |
|-----|---------------|--|--|--------------------------------------|------------------------------|--|--|---|--|--|--|-------------|
| 9 | H. Tam Nông | 7,25 | 7,94 | 7,25 | 7,25 | 7,84 | 7,94 | 7,25 | 10,00 | 10,00 | 10,00 | 8,06 |
| 10 | H. Tân Hồng | 8,04 | 8,53 | 7,65 | 7,65 | 7,85 | 8,04 | 7,65 | 9,25 | 9,25 | 9,25 | 7,93 |
| 11 | H. Thanh Bình | 8,25 | 8,59 | 8,25 | 8,38 | 8,69 | 8,50 | 7,63 | 8,68 | 8,81 | 8,94 | 7,97 |
| 12 | H. Mười Thập | 5,50 | 6,63 | 5,50 | 5,50 | 6,63 | 6,63 | 5,50 | 10,00 | 10,00 | 10,00 | 7,28 |

Phụ lục 14. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” khối chính quyền địa phương năm 2021

| STT | Địa phương | Doanh nghiệp của Ông/bà có phải trả thêm các khoản Chi phí không chính thức hay không | Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được | Tình trạng những nhiều khi giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp tại địa phương là phổ biến | Cần có Chi phí không chính thức để công việc được giải quyết như mong muốn | SUB4 |
|------------|-------------------|--|--|--|---|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 9,27 | 5,70 | 7,05 | 6,70 | 7,18 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 9,33 | 6,72 | 8,11 | 8,11 | 8,07 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 9,00 | 6,25 | 6,91 | 6,81 | 7,24 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 10,00 | 6,13 | 7,12 | 7,12 | 7,59 |
| 5 | H. Châu Thành | 8,97 | 5,89 | 7,05 | 7,05 | 7,24 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 10,00 | 6,25 | 5,41 | 5,78 | 6,86 |
| 7 | H. Lai Vung | 8,56 | 6,40 | 5,77 | 4,87 | 6,40 |
| 8 | H. Lấp Vò | 9,42 | 5,50 | 7,60 | 7,90 | 7,60 |
| 9 | H. Tam Nông | 8,63 | 5,50 | 6,81 | 6,81 | 6,94 |
| 10 | H. Tân Hồng | 8,43 | 6,09 | 8,24 | 7,36 | 7,53 |
| 11 | H. Thanh Bình | 9,50 | 6,53 | 7,84 | 8,03 | 7,98 |
| 12 | H. Tháp Mười | 9,00 | 6,03 | 6,03 | 6,70 | 6,94 |

Phụ lục 15. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng” khối chính quyền địa phương năm 2021

| S T T | Địa phương | TCT, Tập đoàn lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn thuận lợi hơn so với DNNVV trong tiếp cận thông tin | TCT, Tập đoàn lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn nhận được các chính sách ưu đãi hơn so với DNNVV (vốn vay, mặt bằng kinh doanh...) | TCT, Tập đoàn lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn được ưu tiên giải quyết TTHC | TCT, Tập đoàn lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn được ưu tiên giải quyết khó khăn | TCT, Tập đoàn lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn được ưu tiên trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khoáng sản...) | Lãnh đạo địa phương thường xuyên quan tâm đến các DNNVV | Sự ưu ái với các doanh nghiệp khác có gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp không | SUB5 |
|----------------------|-------------------|---|--|--|--|--|--|---|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 6,33 | 6,33 | 6,20 | 7,15 | 7,20 | 6,27 | 9,87 | 7,05 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 5,73 | 5,80 | 5,80 | 6,90 | 6,70 | 5,40 | 10,00 | 6,62 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 7,38 | 7,50 | 7,50 | 8,03 | 8,03 | 7,50 | 5,88 | 7,40 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 6,40 | 6,16 | 6,76 | 7,30 | 7,12 | 6,04 | 10,00 | 7,11 |
| 5 | H. Châu Thành | 6,79 | 6,79 | 6,79 | 7,59 | 7,59 | 5,45 | 10,00 | 7,29 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 7,38 | 6,00 | 6,13 | 7,00 | 7,00 | 6,13 | 8,38 | 6,86 |
| 7 | H. Lai Vung | 6,28 | 6,04 | 7,00 | 7,39 | 6,94 | 7,48 | 9,40 | 7,22 |
| 8 | H. Lấp Vò | 5,26 | 5,26 | 5,26 | 6,44 | 6,44 | 5,26 | 10,00 | 6,27 |
| 9 | H. Tam Nông | 5,50 | 5,50 | 5,50 | 6,63 | 6,63 | 5,50 | 10,00 | 6,46 |
| 10 | H. Tân Hồng | 8,04 | 8,17 | 8,04 | 8,34 | 8,53 | 8,17 | 3,09 | 7,48 |
| 11 | H. Thanh Bình | 5,75 | 5,50 | 5,88 | 6,91 | 6,72 | 5,88 | 9,88 | 6,64 |
| 12 | H. Tháp Mười | 6,70 | 6,70 | 6,70 | 7,53 | 7,53 | 6,50 | 10,00 | 7,38 |

Phụ lục 16. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Hỗ trợ doanh nghiệp” khối chính quyền địa phương năm 2021

| STT | Địa phương | Đánh giá của doanh nghiệp về các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật | Đánh giá của doanh nghiệp về các buổi đối thoại do địa phương tổ chức | Đánh giá của doanh nghiệp về hỗ trợ tư vấn pháp lý | Cán bộ, công chức nhiệt tình giúp doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc | SUB6 |
|-----|---------------|---|---|--|--|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 7,31 | 7,31 | 7,31 | 8,04 | 7,50 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 7,81 | 7,81 | 7,86 | 7,47 | 7,74 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 7,75 | 7,75 | 7,75 | 7,75 | 7,75 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 8,23 | 8,20 | 8,20 | 8,28 | 8,23 |
| 5 | H. Châu Thành | 8,57 | 8,57 | 8,57 | 10,00 | 8,93 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 8,16 | 8,16 | 8,16 | 7,95 | 8,11 |
| 7 | H. Lai Vung | 9,00 | 9,00 | 9,00 | 9,00 | 9,00 |
| 8 | H. Lấp Vò | 6,37 | 6,37 | 6,37 | 6,37 | 6,37 |
| 9 | H. Tam Nông | 7,30 | 7,30 | 7,30 | 7,30 | 7,30 |
| 10 | H. Tân Hồng | 7,19 | 7,19 | 7,19 | 6,63 | 7,05 |
| 11 | H. Thanh Bình | 8,07 | 8,07 | 8,07 | 7,75 | 7,99 |
| 12 | H. Tháp Mười | 7,27 | 7,27 | 7,27 | 6,95 | 7,19 |

Phụ lục 17. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý” khối chính quyền địa phương năm 2021

| STT | Địa phương | Cán bộ địa phương thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các đối tượng | Cán bộ địa phương thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định | Thương lượng với cán bộ là cần thiết khi làm việc với địa phương | Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | Phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng | SUB7 |
|-----|---------------|---|---|--|--|--|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 6,40 | 6,50 | 7,30 | 7,07 | 7,20 | 6,96 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 6,50 | 6,40 | 9,50 | 6,18 | 7,41 | 6,94 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 7,38 | 7,38 | 8,59 | 8,13 | 8,25 | 8,01 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 6,76 | 6,76 | 8,20 | 7,48 | 7,48 | 7,38 |
| 5 | H. Châu Thành | 7,52 | 7,52 | 9,61 | 8,24 | 7,93 | 8,17 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 6,44 | 6,44 | 8,22 | 7,00 | 7,13 | 7,04 |
| 7 | H. Lai Vung | 7,30 | 7,30 | 8,92 | 7,72 | 7,72 | 7,77 |
| 8 | H. Lấp Vò | 4,48 | 3,90 | 9,85 | 6,23 | 6,32 | 6,19 |
| 9 | H. Tam Nông | 6,25 | 6,25 | 10,00 | 7,50 | 7,63 | 7,53 |
| 10 | H. Tân Hồng | 5,89 | 6,09 | 8,92 | 7,13 | 7,26 | 7,09 |
| 11 | H. Thanh Bình | 5,69 | 6,06 | 8,24 | 6,00 | 6,88 | 6,44 |
| 12 | H. Tháp Mười | 3,40 | 3,40 | 9,93 | 6,00 | 5,90 | 5,81 |

Phụ lục 18. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Tính ứng dụng CNTT” khối chính quyền địa phương năm 2020

| STT | Địa phương | Dịch vụ hỏi đáp trực tuyến trên website | Đánh giá về chất lượng dịch vụ công trực tuyến | Có hệ thống cơ sở dữ liệu mở về các VBPL, quy định, chính sách chuyên ngành dành cho doanh nghiệp | Doanh nghiệp có được thông báo, tuyên truyền văn bản pháp luật từ chính quyền địa phương thông qua website, email hoặc tin nhắn điện thoại không | SUB8 |
|-----|---------------|---|--|---|--|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 5,00 | 7,70 | 4,60 | 7,75 | 6,26 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 7,00 | 7,70 | 10,00 | 7,65 | 8,09 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 5,50 | 7,84 | 10,00 | 8,03 | 7,84 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 5,00 | 8,02 | 10,00 | 8,02 | 7,76 |
| 5 | H. Châu Thành | 6,00 | 7,83 | 10,00 | 7,91 | 7,93 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 5,00 | 7,84 | 10,00 | 7,84 | 7,67 |
| 7 | H. Lai Vung | 5,00 | 8,02 | 10,00 | 8,29 | 7,83 |
| 8 | H. Lấp Vò | 6,00 | 8,11 | 10,00 | 8,20 | 8,08 |
| 9 | H. Tam Nông | 5,50 | 8,03 | 10,00 | 8,03 | 7,89 |
| 10 | H. Tân Hồng | 5,00 | 7,75 | 10,00 | 7,75 | 7,63 |
| 11 | H. Thanh Bình | 5,00 | 7,56 | 10,00 | 7,09 | 7,41 |
| 12 | H. Tháp Mười | 5,00 | 7,15 | 10,00 | 7,15 | 7,33 |

Phụ lục 19. Chi tiết điểm số chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” khối chính quyền địa phương năm 2021

| STT | Địa phương | Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương | Doanh nghiệp không gặp bất cứ cản trở nào về mặt bằng kinh doanh | Doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC về đất đai tại địa phương | Doanh nghiệp hãy đánh giá mức độ rủi ro khi sử dụng đất của DN | SUB10 |
|-----|---------------|--|--|--|--|-------------|
| 1 | TP. Cao Lãnh | 8,00 | 7,53 | 7,53 | 8,60 | 7,92 |
| 2 | TP. Sa Đéc | 8,10 | 7,07 | 7,13 | 8,23 | 7,63 |
| 3 | TP. Hồng Ngự | 8,69 | 8,25 | 8,25 | 9,63 | 8,70 |
| 4 | H. Cao Lãnh | 9,10 | 9,16 | 9,28 | 9,52 | 9,27 |
| 5 | H. Châu Thành | 8,60 | 8,14 | 8,14 | 10,00 | 8,72 |
| 6 | H. Hồng Ngự | 7,84 | 9,00 | 9,25 | 9,00 | 8,77 |
| 7 | H. Lai Vung | 8,47 | 8,20 | 8,20 | 9,16 | 8,51 |
| 8 | H. Lấp Vò | 6,95 | 5,94 | 5,94 | 10,00 | 7,21 |
| 9 | H. Tam Nông | 7,75 | 7,00 | 7,00 | 10,00 | 7,94 |
| 10 | H. Tân Hồng | 8,43 | 7,91 | 7,52 | 9,74 | 8,40 |
| 11 | H. Thanh Bình | 6,53 | 7,63 | 7,63 | 8,13 | 7,48 |
| 12 | H. Tháp Mười | 7,38 | 6,60 | 6,30 | 9,60 | 7,47 |

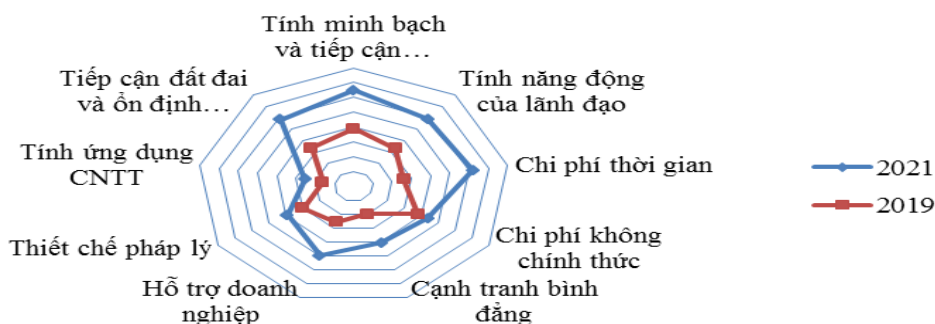
Phụ lục 20. Hồ sơ DDCI Đồng Tháp 2021 khối chính quyền địa phương

Điểm số DDCI tổng hợp của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được tính trên thang điểm 100, trong khi đó, địa phương đạt điểm số cao nhất năm 2021 đạt 83,60 điểm. Điều này có nghĩa là vẫn còn dư địa cho các địa phương để có các giải pháp nhằm cải thiện điểm số trong thời gian đến. Đồng thời, với việc đạt điểm số khá cao 83,60 điểm cũng là một thực tiễn tốt để các địa phương còn lại có thể học tập để cải thiện điểm số của địa phương mình góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chung của tỉnh.

1. Thành phố Cao Lãnh

Thành phố Cao Lãnh là địa phương thuộc nhóm “Khá tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 76,05 điểm. Tất cả các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019.

So với các huyện, thành phố khác, thì thành phố Cao Lãnh chưa có chỉ số nào vượt trội. Theo đó, để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương so với các huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh, thành phố cần tập trung cải thiện đối với các chỉ số thành phần, đặc biệt là chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” và “Tính ứng dụng CNTT” trong thời gian đến.

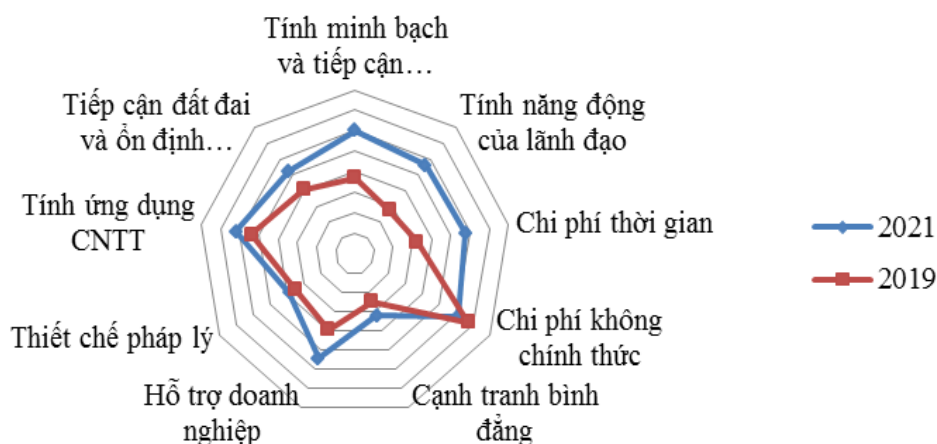


2. Thành phố Sa Đéc

Thành phố Sa Đéc là địa phương thuộc nhóm “Khá tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 76,80 điểm. Hầu hết các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019, ngoại trừ chỉ số “Chi phí không chính thức”.

Mặc dù giảm điểm nhưng thành phố Sa Đéc vẫn là địa phương dẫn đầu đối với chỉ số “Chi phí không chính thức” và cùng với đó thành phố cũng dẫn đầu đối với chỉ số “Tính ứng dụng CNTT”.

So với các huyện, thành phố khác, thì thành phố Sa Đéc cần phải tiếp tục cải thiện mạnh mẽ đối với các chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Tính năng động của lãnh đạo”, “Chi phí thời gian”, và “Cạnh tranh bình đẳng” để có thể góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương so với các huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh.

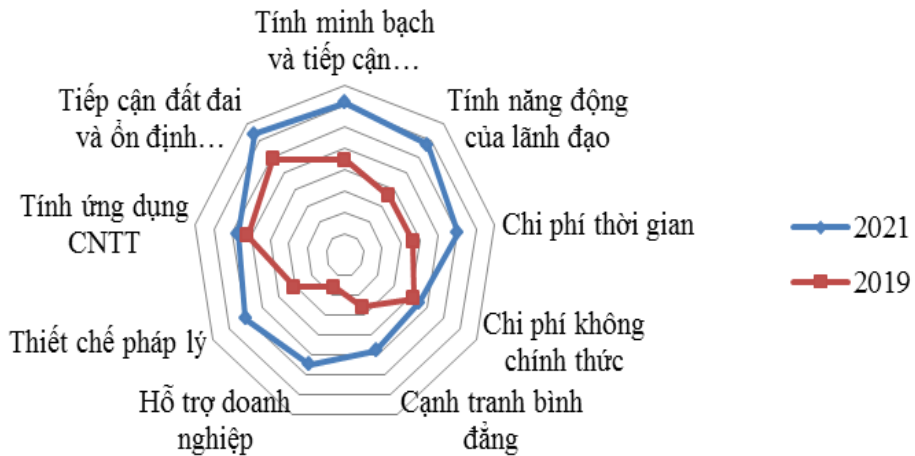


3. Thành phố Hồng Ngự

Thành phố Hồng Ngự là địa phương thuộc nhóm “Rất tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 80,50 điểm. Tất cả các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019.

Thành phố có ba chỉ số nằm trong 03 địa phương dẫn đầu gồm chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo”, “Cạnh tranh bình đẳng”, “Thiết chế pháp lý”.

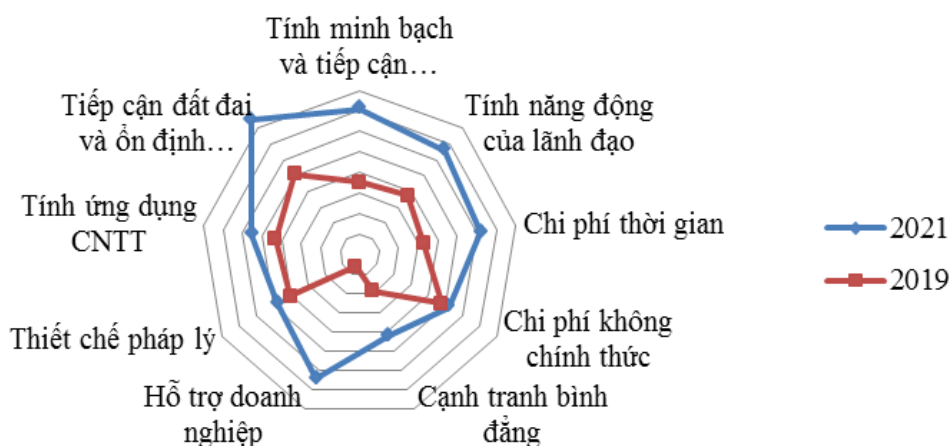
Để có thể tiếp tục duy trì và có sự cải thiện về điểm số thì thành phố cũng cần có những nỗ lực hơn trong thời gian đến, vì như đã đề cập ở trên, vẫn còn dư địa cho các địa phương để có các giải pháp nhằm cải thiện điểm số trong thời gian đến.



4. Huyện Cao Lãnh

Huyện Cao Lãnh là địa phương xếp vị trí thứ 2 của DDCI khối chính quyền địa phương và thuộc nhóm “Rất tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 80,78 điểm. Tất cả các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019.

Huyện có một chỉ số dẫn đầu đó là chỉ số “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” và có ba chỉ số nằm trong 03 địa phương dẫn đầu gồm chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo”, “Chi phí thời gian” và “Hỗ trợ doanh nghiệp”. Tuy nhiên, cũng tương tự TP. Hồng Ngự, huyện vẫn còn dư địa để có các giải pháp nhằm cải thiện điểm số trong thời gian đến.



5. Huyện Châu Thành

Huyện Châu Thành là địa phương dẫn đầu kết quả DDCI Đồng Tháp năm 2021 khối chính quyền địa phương, với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 83,60 điểm thuộc nhóm “Rất tốt”. Hầu hết các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019 ngoại trừ chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”.

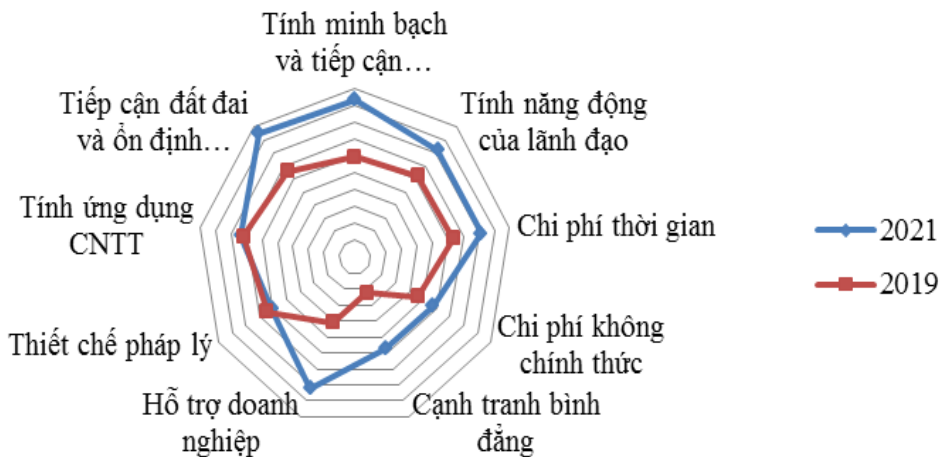
Huyện Châu Thành là địa phương dẫn đầu đối với bốn chỉ số thành phần là chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Tính năng động của lãnh đạo”, “Chi phí thời gian” và “Thiết chế pháp lý”. Đồng thời, có 03 chỉ số nằm trong 03 địa phương dẫn đầu gồm chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp”, “Tính ứng dụng CNTT” và “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất”. Tuy nhiên, vẫn còn dư địa để huyện có thể cải thiện hơn nữa điểm số nhằm tiếp tục nâng cao môi trường đầu tư kinh doanh địa phương trong thời gian đến.



6. Huyện Hồng Ngự

Huyện Hồng Ngự là địa phương thuộc nhóm “Tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 78,44 điểm. Hầu hết các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019, ngoại trừ chỉ số “Thiết chế pháp lý”.

Huyện có một chỉ số nằm trong 03 địa phương dẫn đầu gồm chỉ số “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất”. Tuy nhiên, so với các huyện, thành phố khác, thì huyện Hồng Ngự cần phải tiếp tục cải thiện mạnh mẽ đối với các chỉ số, đặc biệt là chỉ số “Chi phí không chính thức” để có thể góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của huyện so với các địa phương khác trên địa bàn tỉnh.

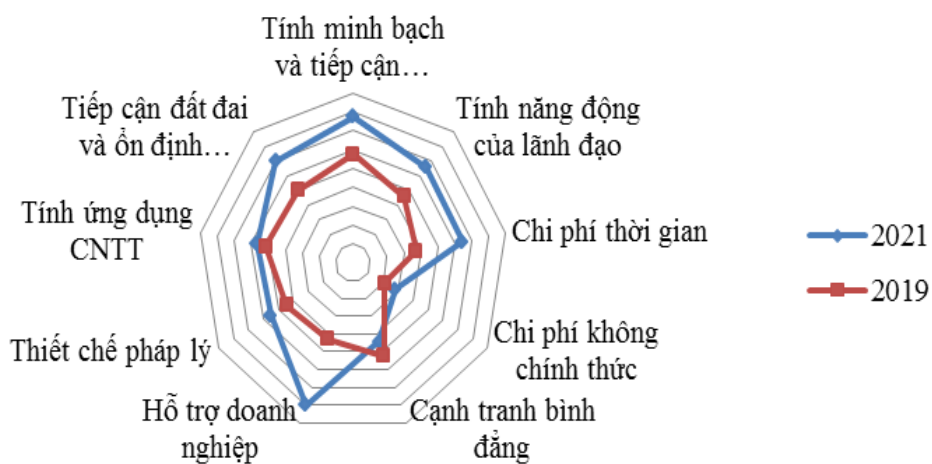


7. Huyện Lai Vung

Huyện Lai Vung là địa phương thuộc nhóm “Tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 79,87 điểm. Hầu hết các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019, ngoại trừ chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”.

Huyện Lai Vung là địa phương dẫn đầu đối với chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” và ba chỉ số nằm trong 03 địa phương dẫn đầu gồm chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”, “Chi phí thời gian”, và “Thiết chế pháp lý”.

Cùng với việc tập trung cải thiện đối với chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”, so với các huyện, thành phố khác, thì huyện Lai Vung cần phải tiếp tục cải thiện mạnh mẽ đối với các chỉ số “Chi phí không chính thức” để có thể góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của huyện so với các địa phương khác trên địa bàn tỉnh.



8. Huyện Lấp Vò

Huyện Lấp Vò là địa phương thuộc nhóm “Khá” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 74,68 điểm. Mặc dù tất cả các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019, tuy nhiên mức cải thiện cần phải cao hơn nữa trong tương quan với các huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh.

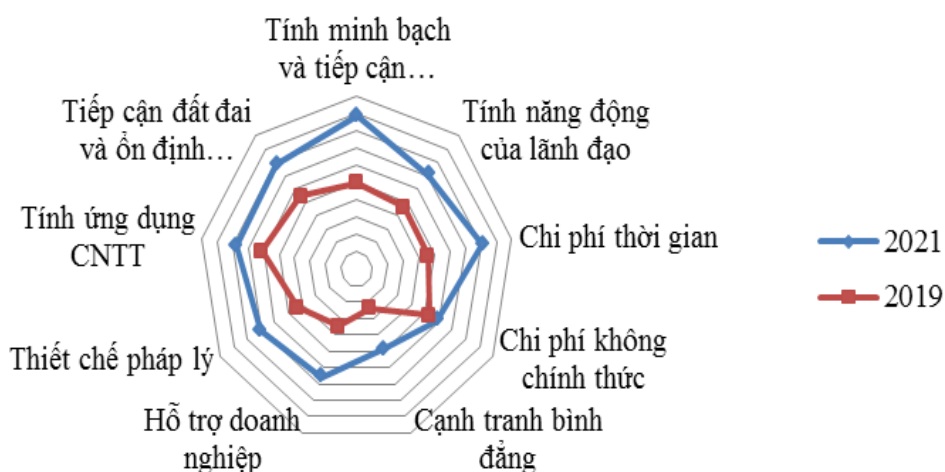
Huyện Lấp Vò là địa phương nằm trong 03 địa phương dẫn đầu ở chỉ số “Chi phí không chính thức” và “Tính ứng dụng CNTT”. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên và ngoài các chỉ số nằm trong nhóm dẫn đầu thì so với các huyện, thành phố khác, huyện Lấp Vò cần phải tiếp tục cải thiện rất mạnh mẽ đối với các chỉ số thành phần trong thời gian đến.



9. Huyện Tam Nông

Huyện Tam Nông là địa phương thuộc nhóm “Khá tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 76,07 điểm. Tất cả các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019.

So với các huyện, thành phố khác, thì huyện Tam Nông chưa có chỉ số nào vượt trội. Huyện Tam Nông cần tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hơn nữa đối với các chỉ số thành phần, đặc biệt là chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo” và “Cạnh tranh bình đẳng” để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương so với các huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh.



10. Huyện Tân Hồng

Huyện Tân Hồng là địa phương thuộc nhóm “Tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 77,92 điểm. Tất cả các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019.

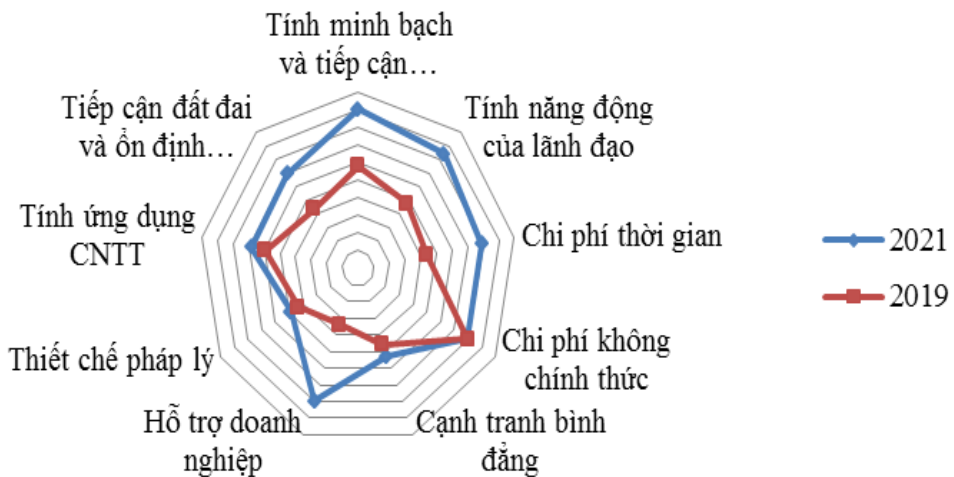
Huyện là địa phương dẫn đầu đối với chỉ số thành phần “Cạnh tranh bình đẳng”. Tuy nhiên, so với các huyện, thành phố khác, thì huyện Tân Hồng cần phải tiếp tục cải thiện mạnh mẽ đối với các chỉ số thành phần, đặc biệt là chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo”, “Chi phí thời gian” và “Hỗ trợ doanh nghiệp” để có thể góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương so với các huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh.



11. Huyện Thanh Bình

Huyện Thanh Bình là địa phương thuộc nhóm “Khá tốt” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 77,51 điểm. Hầu hết các chỉ số thành phần đều được duy trì và có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019.

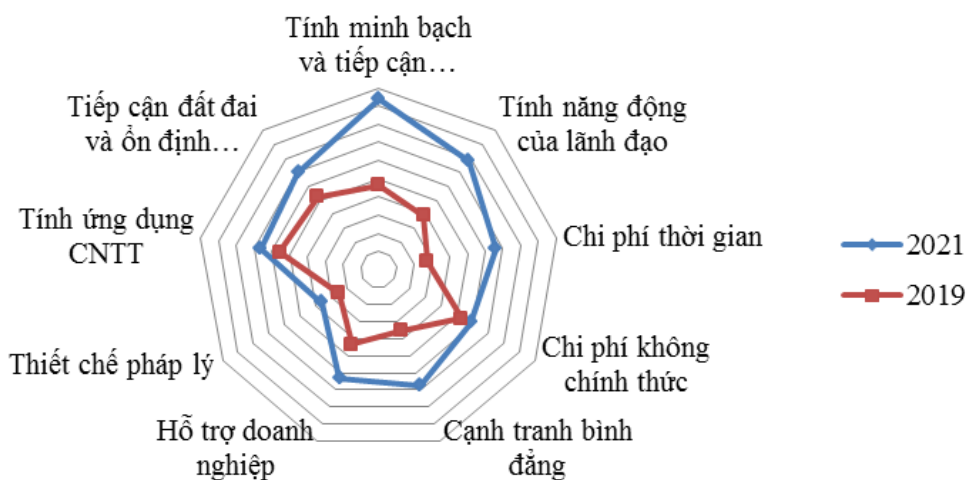
Huyện là địa phương có chỉ số “Chi phí không chính thức” nằm trong nhóm 03 địa phương dẫn đầu. Tuy nhiên, so với các huyện, thành phố khác, thì huyện Thanh Bình cần phải tiếp tục cải thiện mạnh mẽ đối với các chỉ số thành phần, đặc biệt là chỉ số “Thiết chế pháp lý”, “Tính ứng dụng CNTT” và “Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất” để có thể góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương trong thời gian đến.



12. Huyện Tháp Mười

Huyện Tháp Mười là địa phương thuộc nhóm “Khá” với điểm tổng hợp DDCI năm 2021 đạt 74,77 điểm. Mặc dù tất cả các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện về điểm số so với năm 2019, tuy nhiên mức cải thiện cần phải cao hơn nữa trong tương quan với các huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh.

Huyện là địa phương có chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” và “Cạnh tranh bình đẳng” nằm trong nhóm 03 địa phương dẫn đầu. Tuy nhiên, so với các huyện, thành phố khác, thì huyện Tháp Mười cần phải tiếp tục cải thiện mạnh mẽ đối với các chỉ số thành phần để có thể góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương so với các huyện, thành phố khác trên địa bàn tỉnh.





CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH & ĐỊA PHƯƠNG THUỘC TỈNH ĐỒNG THÁP

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP VỀ SỞ, BAN, NGÀNH (2021)

MẪU A

[Hướng dẫn điền phiếu] Để khảo sát đạt kết quả tốt nhất, Nhóm nghiên cứu khuyến nghị lãnh đạo doanh nghiệp và các thành viên chủ chốt (trưởng phòng, cán bộ quản lý của các bộ phận chuyên môn hoặc người có am hiểu về lịch sử hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) cùng tham gia vào quá trình trả lời các câu hỏi. Trong phiếu khảo sát, thuật ngữ **“doanh nghiệp”** bao gồm cả hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể.

A- THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (DN)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ đăng ký của doanh nghiệp:
3. Địa chỉ hoạt động chính:
4. Chức vụ/vị trí người trả lời:
 - Lãnh đạo doanh nghiệp (Ban Giám đốc, quản lý, Chủ tịch HĐQT/Ban Giám đốc hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh...)
 - Lãnh đạo cấp phòng ban hoặc tương đương (Trưởng, phó phòng...)
 - Nhân viên, chuyên viên
5. Số điện thoại:..... Email:.....
6. Năm bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh:.....
7. Loại hình doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
 - Doanh nghiệp tư nhân
 - Công ty TNHH
 - Công ty cổ phần
 - Hộ kinh doanh cá thể
 - Công ty hợp danh
 - Hợp tác xã
8. Lĩnh vực hoạt động chính (lĩnh vực tạo doanh thu lớn nhất) của doanh nghiệp
 - Nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản
 - Khai khoáng
 - Khác:
 - Dịch vụ
 - Xây dựng
 - Công nghiệp/chế tạo
 - Thương mại

9. Tổng số vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

| | Dưới 3 tỷ | Từ 3 đến dưới 10 tỷ | Từ 10 đến dưới 20 tỷ | Từ 20 đến dưới 50 tỷ | Từ 50 đến dưới 100 tỷ | Từ 100 đến dưới 200 tỷ | Từ 200 tỷ trở lên |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tại thời điểm hiện tại | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

10. Tổng số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại Từ 05 đến dưới 10 lao động Từ 10 đến dưới 50 lao động Từ 50 đến dưới 100 lao động Từ 100 đến dưới 200 lao động Từ 200 đến dưới 300 lao động Từ 300 lao động trở lên**11. Tình hình hoạt động trong năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020**

| Chỉ tiêu | Giảm | Giảm chút ít | Duy trì so với cùng kỳ | Tăng chút ít | Tăng |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lợi nhuận | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Số lượng lao động | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Số lượng khách hàng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Đầu tư/áp dụng công nghệ mới | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dự kiến quy mô kinh doanh năm 2022 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

12. Doanh nghiệp có muốn nhận được bản tóm tắt kết quả đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành & địa phương thuộc tỉnh Đồng Tháp năm 2021 không? Có (Vui lòng điền đúng địa chỉ email ở phần trên để chúng tôi có thể gửi đến doanh nghiệp) Không

Chúng tôi cam kết rằng thông tin ông/bà cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích nghiên cứu và xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo sẽ được đảm bảo tuyệt đối.

Vui lòng gửi Phiếu khảo sát đã hoàn thành cho người đi khảo sát hoặc gửi về địa chỉ: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, Tầng 28 Trung tâm Hành chính Đà Nẵng, số 24 Trần Phú, Đà Nẵng; Email: vktxhdn@danang.gov.vn; Điện thoại: 0236.3849140

B- KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp hãy đánh giá tính minh bạch và tiếp cận thông tin của các Sở, Ban, Ngành tỉnh Đồng Tháp:

| Sở, Ban, Ngành | Nội dung nhận định | | | |
|-------------------|---|--|---|--|
| | <p>a) Vui lòng đánh giá tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin, tài liệu của Sở, Ban, Ngành?</p> <p>Đề nghị ông/bà đọc từng nhận định từ a1 đến a11, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng</p> <p>1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</p> <p>a1- Các <u>kế hoạch, quy hoạch</u> phát triển của ngành được công khai phổ biến a2- Dễ dàng tiếp cận các <u>luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định</u> của Trung ương a3- Dễ dàng tiếp cận các <u>văn bản hướng dẫn</u> của các Bộ, ngành a4- Dễ dàng tiếp cận các <u>văn bản quy phạm pháp luật</u> của tỉnh a5- Dễ dàng tiếp cận các thông tin về <u>chính sách ưu đãi</u> của tỉnh a6- Dễ dàng tiếp cận các <u>biểu mẫu thủ tục hành chính</u> a7- <u>Phí, lệ phí</u> được công khai tại hệ thống một cửa a8- Thông tin về <u>chính sách, quy định mới</u> được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho doanh nghiệp a9- <u>Cần có mối quan hệ</u> với cơ quan Nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu a10- Doanh nghiệp có thể dự đoán được hoạt động thực thi pháp luật của Sở, Ban, Ngành a11- Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phản biện các chính sách</p> | <p>b) Doanh nghiệp đã từng truy cập vào trang thông tin điện tử của Sở, Ban, Ngành để tìm kiếm thông tin chưa?</p> <p>Đánh dấu X vào MỘT phương án lựa chọn ở mỗi dòng</p> <p>b1- Đã từng truy cập (Tiếp tục câu c) b2- Chưa từng truy cập (Chuyển sang câu d)</p> | <p>c) Nếu “Đã từng truy cập”, đề nghị đọc từng nhận định từ c1 đến c3, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng</p> <p>1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</p> <p>c1- Dễ dàng tìm được thông tin trên website c2- Thông tin được cập nhật thường xuyên c3- Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp</p> | <p>d) Nếu “Chưa từng truy cập”, lý do: (Có thể chọn NHIỀU ĐÁP ÁN)</p> <p>d1- Không có nhu cầu d2- Không biết Sở, Ban, Ngành có website d3- Thông tin trên website không đáp ứng được nhu cầu</p> |
| 1. Sở KH-ĐT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 2. Sở TNMT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 3. Sở Xây dựng |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 4. Sở Công Thương |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 5. Sở LĐ-TBXH |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 6. Sở GTVT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 7. Sở KHCN |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |

Ví dụ minh họa

| | | | | |
|------|---|--|-----------------------------------|---|
| Sở A | ...3...a1...4...a2...3...a3...5...a4...3...a5...4...a6...3...a7...4...a8...5...a9...4...a10...3...a11 | <input checked="" type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |4...c1.....4...c2.....3...c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
|------|---|--|-----------------------------------|---|

| Nội dung nhận định | | | | |
|-----------------------|--|---|--|--|
| Sở, Ban, Ngành | <p>a) Vui lòng đánh giá tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin, tài liệu của Sở, Ban, Ngành?</p> <p>Đề nghị ông/bà đọc từng nhận định từ a1 đến a11, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng</p> <p>1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</p> <p>a1- Các kế hoạch, quy hoạch phát triển của ngành được công khai phổ biến a2- Dễ dàng tiếp cận các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định của Trung ương a3- Dễ dàng tiếp cận các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành a4- Dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh a5- Dễ dàng tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi của tỉnh a6- Dễ dàng tiếp cận các biểu mẫu thủ tục hành chính a7- Phí, lệ phí được công khai tại hệ thống một cửa a8- Thông tin về chính sách, quy định mới được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho doanh nghiệp a9- Cần có mối quan hệ với cơ quan Nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu a10- Doanh nghiệp có thể dự đoán được hoạt động thực thi pháp luật của Sở, Ban, Ngành a11- Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phản biện các chính sách</p> | <p>b) Doanh nghiệp đã từng truy cập vào trang thông tin điện tử của Sở, Ban, Ngành để tìm kiếm thông tin chưa?</p> <p>Đánh dấu X vào MỘT phương án lựa chọn ở mỗi dòng</p> <p>b1- Đã từng truy cập (Tiếp tục câu c) b2- Chưa từng truy cập (Chuyển sang câu d)</p> | <p>c) Nếu “Đã từng truy cập”, đề nghị đọc từng nhận định từ c1 đến c3, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng</p> <p>1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</p> <p>c1- Dễ dàng tìm được thông tin trên website c2- Thông tin được cập nhật thường xuyên c3- Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp</p> | <p>d) Nếu “Chưa từng truy cập”, lý do: (Có thể chọn NHIỀU ĐÁP ÁN)</p> <p>d1- Không có nhu cầu d2- Không biết Sở, Ban, Ngành có website d3- Thông tin trên website không đáp ứng được nhu cầu</p> |
| 8. Sở NN&PTNT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 9. Sở VH&TT&DL |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 10. Sở TTTT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 11. Công an tỉnh | <input checked="" type="checkbox"/> a1.....a2.....a3.....a4 <input checked="" type="checkbox"/> a5.....a6.....a7.....a8.....a9 <input checked="" type="checkbox"/> a10 <input checked="" type="checkbox"/> a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 12. BQL KKT tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 13. Cục Thuế tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 14. Cục Hải quan tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |
| 15. BHXH tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7.....a8.....a9.....a10.....a11 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 | <input type="checkbox"/> d1 <input type="checkbox"/> d2 <input type="checkbox"/> d3 |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

2. Doanh nghiệp có đồng ý với những nhận định sau về tính năng động của lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành dưới đây?

| Sở, Ban, Ngành | Nội dung nhận định | | | | | | | | |
|-------------------|--|--|---|---|---|--|---|--|---|
| | Đề nghị ông/bà đọc từng nhận định được liệt kê dưới đây, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng 1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý | | | | | | | | |
| | <u>Chính sách, chủ trương của Trung ương, tỉnh được triển khai tốt ở cấp Sở, Ban, Ngành</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành sáng tạo, mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những vấn đề mới phát sinh của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có ảnh hưởng lớn đến công tác cải cách thủ tục hành chính của đơn vị</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến, góp ý của doanh nghiệp</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có những chủ trương tốt nhưng việc thực thi của các phòng, ban chuyên môn lại có vấn đề</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ cơ sở có hành vi những thiếu, gây khó khăn, tiêu cực được doanh nghiệp phản ánh</u> |
| 1. Sở KH-ĐT | | | | | | | | | |
| 2. Sở TNMT | | | | | | | | | |
| 3. Sở Xây dựng | | | | | | | | | |
| 4. Sở Công Thương | | | | | | | | | |
| 5. Sở LĐ-TBXH | | | | | | | | | |
| 6. Sở GTVT | | | | | | | | | |
| 7. Sở KHCN | | | | | | | | | |
| 8. Sở NN&PTNT | | | | | | | | | |
| 9. Sở VH TT&DL | | | | | | | | | |
| 10. Sở TTTT | | | | | | | | | |
| 11. Công an tỉnh | | | | | | | | | |

Ví dụ minh họa

| | | | | | | | |
|------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Sở A | ...3... | ...4... | ...5... | ...3... | ...4... | ...3... | ...3... |
|------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|

| Nội dung nhận định | | | | | | | | | |
|---|---|---|--|--|--|---|--|---|--|
| <i>Đề nghị ông/bà đọc từng nhận định được liệt kê dưới đây, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng</i> | | | | | | | | | |
| 1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý | | | | | | | | | |
| Sở, Ban, Ngành | <u>Chính sách, chủ trương của Trung ương, tỉnh</u> được triển khai tốt ở cấp Sở, Ban, Ngành | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành sáng tạo, mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh</u> theo hướng có lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những vấn đề mới phát sinh</u> của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư</u> trên địa bàn | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có ảnh hưởng lớn đến công tác cải cách thủ tục hành chính</u> của đơn vị | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến, góp ý của doanh nghiệp</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có những chủ trương tốt nhưng việc thực thi của các phòng, ban chuyên môn lại có vấn đề</u> | <u>Lãnh đạo Sở, Ban, Ngành đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ cơ sở có hành vi những nhiều, gây khó khăn, tiêu cực</u> được doanh nghiệp phản ánh |
| | 12. BQL KKT tỉnh | | | | | | | | |
| | 13. Cục Thuế tỉnh | | | | | | | | |
| | 14. Cục Hải quan tỉnh | | | | | | | | |
| | 15. BHXH tỉnh | | | | | | | | |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

.....

.....

.....

.....

3. Doanh nghiệp hãy đánh giá về chi phí thời gian khi làm việc với Sở, Ban, Ngành tỉnh Đồng Tháp:

| Sở, Ban, Ngành | Nội dung nhận định | | | |
|-----------------------|---|--|---|--|
| | <p>a) Đề nghị đọc từng nhận định từ a1 đến a7, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng</p> <p>1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</p> <p>a1- Quy trình và thủ tục tại bộ phận một cửa <u>đễ hiểu, dễ thực hiện</u></p> <p>a2- <u>Thời gian giải quyết TTHC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành</u></p> <p>a3- Thủ tục giấy tờ <u>có giảm so với trước</u></p> <p>a4- Cán bộ, công chức <u>am hiểu về chuyên môn</u></p> <p>a5- Cán bộ, công chức có <u>thái độ thân thiện, nhiệt tình</u></p> <p>a6- Cán bộ, công chức <u>hướng dẫn doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ</u></p> <p>a7- Doanh nghiệp <u>KHÔNG phải đi lại nhiều lần để hoàn thành một thủ tục hành chính</u></p> | <p>b) Bộ phận một cửa tại Sở, Ban, Ngành có cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến không?</p> <p>Đánh dấu X vào MỘT phương án lựa chọn ở mỗi dòng</p> <p>b1- Không cho phép</p> <p>b2- Cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua bưu điện</p> <p>b3- Cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến</p> | <p>c) Sở, Ban, Ngành dưới đây có tiến hành thanh, kiểm tra doanh nghiệp trong năm vừa qua?</p> <p>Đánh dấu X vào MỘT phương án lựa chọn ở mỗi dòng</p> <p>c1- Có (Tiếp tục câu c3)</p> <p>c2- Không (Chuyển sang câu d)</p> <p>- Điền số thích hợp vào chỗ trống:</p> <p>c3- Số giờ làm việc bình quân cho mỗi lần thanh, kiểm tra (giờ)</p> | <p>d) Đánh giá về hoạt động thanh, kiểm tra của Sở, Ban, Ngành?</p> <p>Đề nghị đọc từng nhận định từ d1 đến d3, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng</p> <p>1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</p> <p>d1- Hoạt động thanh kiểm tra <u>KHÔNG gây cản trở đáng kể đến SXKD của doanh nghiệp</u></p> <p>d2- Nội dung thanh kiểm tra <u>KHÔNG chồng chéo/trùng lặp giữa các Sở, Ban, Ngành hoặc chính quyền địa phương</u></p> <p>d3- Nội dung thanh, kiểm tra <u>đúng như trong phạm vi của Quyết định</u> thanh, kiểm tra đã ban hành</p> |
| 1. Sở KH-ĐT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 2. Sở TNMT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 3. Sở Xây dựng |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 4. Sở Công Thương |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 5. Sở LĐ-TBXH |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 6. Sở GTVT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 7. Sở KHCN |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 8. Sở NN&PTNT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 9. Sở VH&TT&DL |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 10. Sở TTTT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 11. Công an tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 12. BQL KKT tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 13. Cục Thuế tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 14. Cục Hải quan tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |
| 15. BHXH tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6.....a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input type="checkbox"/> b3 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2c3 |d1d2.....d3 |

Ví dụ minh họa

| | | | | |
|------|---|--|--|---------------------------------|
| Sở A | 3...a1...4...a2...3...a3...4...a4...5...a5...3...a6...4a7 | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 <input checked="" type="checkbox"/> b3 | <input checked="" type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 ...2...c3 | ...3...d1.....4...d2.....5...d3 |
|------|---|--|--|---------------------------------|

4. Doanh nghiệp vui lòng nhận xét về chi phí không chính thức khi làm việc với Sở, Ban, Ngành tỉnh Đồng Tháp:

| Sở, Ban, Ngành | Nội dung nhận định | | |
|-----------------------|---|--|--|
| | a) Khi thực hiện TTHC hoặc Sở, Ban, Ngành thanh, kiểm tra, doanh nghiệp có phải trả thêm những khoản khác ngoài quy định của Nhà nước? Chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng 1 – Không bao giờ 2 – Hiếm khi 3 – Thỉnh thoảng 4 – Trong phần lớn các trường hợp 5 – Luôn luôn | b) Nếu “Có” trả chi phí không chính thức, ông/bà cho biết lý do: Đánh dấu X vào MỘT phương án lựa chọn ở mỗi dòng b1- Chủ động chi mặc dù cán bộ không đòi hỏi b2- Buộc phải chi vì cán bộ “gợi ý” | c) Đề nghị đọc từng nhận định từ c1 đến c3, với mỗi nhận định chỉ chọn MỘT trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng 1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý c1- Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được c2- Tình trạng những nhiễu khi giải quyết các thủ tục (TTHC, hoạt động thanh, kiểm tra) cho doanh nghiệp tại Sở, Ban, Ngành là phổ biến c3- Cần có chi phí không chính thức để công việc được giải quyết như mong muốn |
| 1. Sở KH-ĐT | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 2. Sở TNMT | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 3. Sở Xây dựng | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 4. Sở Công Thương | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 5. Sở LĐ-TBXH | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 6. Sở GTVT | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 7. Sở KHCN | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 8. Sở NN&PTNT | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 9. Sở VHTT&DL | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 10. Sở TTTT | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 11. Công an tỉnh | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 12. BQL KKT tỉnh | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 13. Cục Thuế tỉnh | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 14. Cục Hải quan tỉnh | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |
| 15. BHXH tỉnh | | <input type="checkbox"/> b1 <input type="checkbox"/> b2 |c1.....c2.....c3 |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

5. Doanh nghiệp vui lòng đánh giá về sự cạnh tranh bình đẳng của Sở, Ban, Ngành tỉnh Đồng Tháp:

| Sở, Ban, Ngành | Nội dung nhận định | | c) Trong trường hợp có một số doanh nghiệp được ưu ái hơn thì sự ưu ái đó có gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ông/bà không? Chọn MỘT trong bốn phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng |
|-----------------------|---|--|--|
| | a) Theo ông/bà, lãnh đạo, cán bộ các Sở, Ban, Ngành tỉnh có doanh nghiệp sâu, doanh nghiệp thân hữu không? Đánh dấu X vào MỘT phương án lựa chọn ở mỗi dòng a1 – Không biết a2 – Có a3 – Không có | b) Đề nghị đọc từng nhận định từ b1 đến b6, với mỗi nhận định chỉ chọn một trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng 1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý b1- Các doanh nghiệp trên địa bàn <u>bình đẳng trong tiếp cận thông tin</u> b2- Các doanh nghiệp trên địa bàn <u>bình đẳng trong nhận được các chính sách ưu đãi (vốn vay, mặt bằng kinh doanh...)</u> b3- Các doanh nghiệp trên địa bàn <u>bình đẳng giải quyết TTHC</u> b4 - Các doanh nghiệp trên địa bàn <u>bình đẳng trong giải quyết khó khăn</u> b5- Các doanh nghiệp trên địa bàn <u>bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đấu thầu, khoáng sản...)</u> b6- Lãnh đạo địa phương <u>thường xuyên quan tâm đến các DNNVV</u> | |
| 1. Sở KH-ĐT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 2. Sở TNMT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 3. Sở Xây dựng | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 4. Sở Công Thương | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 5. Sở LĐ-TBXH | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 6. Sở GTVT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 7. Sở KHCN | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 8. Sở NN&PTNT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 9. Sở VH TT&DL | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 10. Sở TTTT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 11. Công an tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 12. BQL KKT tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 13. Cục Thuế tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 14. Cục Hải quan tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |
| 15. BHXH tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4.....b5.....b6 | |

Ví dụ minh họa

| | | | |
|------|--|---|---------|
| Sở A | <input checked="" type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 | ...3.....b1...4....b2...3....b3...5.....b4...4....b5...3...b6 | ...3... |
|------|--|---|---------|

6. Doanh nghiệp đã từng tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nào dưới đây do Sở, Ban, Ngành tổ chức trong năm 2021:

| Sở, Ban, Ngành | Nội dung nhận định | | |
|-----------------------|---|---|---|
| | a) Doanh nghiệp có được mời tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do Sở, Ban, Ngành tổ chức không? Đánh dấu X vào MỘT phương án lựa chọn ở mỗi dòng a1- Không được mời, thông báo (Chuyển sang câu 7) a2- Được mời, thông báo và có tham gia (Tiếp tục câu b) a3- Được mời, thông báo nhưng không tham gia (Chuyển sang câu c) | b) Đề nghị đọc từng nhận định từ b1 đến b4, với mỗi nhận định chỉ chọn một trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng 1 – Hoàn toàn không thiết thực 2 – Phần lớn là không thiết thực 3 – Bình thường 4 – Phần lớn là thiết thực 5 – Hoàn toàn thiết thực b1- Đánh giá của doanh nghiệp về các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật b2- Đánh giá của doanh nghiệp về các buổi đối thoại do Sở, Ban, Ngành tổ chức b3- Đánh giá của doanh nghiệp về hỗ trợ tư vấn pháp lý b4- Cán bộ, công chức nhiệt tình giúp doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc | c) Nếu “Không” tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xin vui lòng cho biết lý do: (Có thể chọn NHIỀU ĐÁP ÁN) c1- Không sắp xếp được thời gian tham dự c2- Nội dung chương trình không phù hợp với nhu cầu c3- Đã từng tham dự các chương trình tương tự nhưng cảm thấy không hiệu quả c4- Khác |
| 1. Sở KH-ĐT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 2. Sở TNMT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 3. Sở Xây dựng | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 4. Sở Công Thương | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 5. Sở LĐ-TBXH | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 6. Sở GTVT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 7. Sở KHCN | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 8. Sở NN&PTNT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 9. Sở VH&DL | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 10. Sở TTTT | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 11. Công an tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 12. BQL KKT tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 13. Cục Thuế tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 14. Cục Hải quan tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |
| 15. BHXH tỉnh | <input type="checkbox"/> a1 <input type="checkbox"/> a2 <input type="checkbox"/> a3 |b1.....b2.....b3.....b4 | <input type="checkbox"/> c1 <input type="checkbox"/> c2 <input type="checkbox"/> c3 <input type="checkbox"/> c4 |

7. Doanh nghiệp vui lòng cho biết đánh giá về công tác thi hành, thực thi pháp luật của Sở, Ban, Ngành tỉnh Đồng Tháp:

| Sở, Ban, Ngành | Nội dung nhận định |
|-----------------------|--|
| | <p>a) Đánh giá về công tác thi hành, thực thi pháp luật của các Sở, Ban, Ngành tỉnh Đồng Tháp Đề nghị đọc từng nhận định từ a1 đến a6, với mỗi nhận định chỉ chọn một trong năm phương án bằng cách điền số thích hợp vào dấu ba chấm ở mỗi dòng 1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Phần nào đồng ý 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</p> <p>a1- Cán bộ, công chức Sở, Ban, Ngành thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các đối tượng a2- Cán bộ, công chức Sở, Ban, Ngành thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định a3- Thương lượng với cán bộ, công chức là cần thiết khi làm việc với các Sở, Ban, Ngành¹² a4- Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp a5- Thời gian văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực gấp khiến doanh nghiệp bị động a6- Phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng</p> |
| 1. Sở KH-ĐT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 2. Sở TNMT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 3. Sở Xây dựng |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 4. Sở Công Thương |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 5. Sở LĐ-TBXH |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 6. Sở GTVT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 7. Sở KHCN |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 8. Sở NN&PTNT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 9. Sở VH TT&DL |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 10. Sở TTTT |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 11. Công an tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 12. BQL KKT tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 13. Cục Thuế tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 14. Cục Hải quan tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |
| 15. BHXH tỉnh |a1.....a2.....a3.....a4.....a5.....a6 |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

¹² Cán bộ, công chức “mặc cả” với doanh nghiệp trong hoạt động thực thi pháp luật nhằm vụ lợi

Ví dụ minh họa

| | | | |
|----------|---------|---------|-----|
| Sở KH-ĐT | ...4... | ...2... | ... |
|----------|---------|---------|-----|

8. Doanh nghiệp vui lòng đánh giá về ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở, Ban, Ngành tỉnh Đồng Tháp:

| Sở, Ban, Ngành | Nội dung nhận định | | |
|-----------------------|--|--|--|
| | a) Dịch vụ công trực tuyến do Sở, Ban, Ngành cung cấp đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp? <i>1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Bình thường 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</i> | b) Doanh nghiệp được thông báo, tuyên truyền văn bản pháp luật, chính sách mới từ Sở, Ban, Ngành thông qua website, email Zalo, Livechat, Tổng đài 1022,...kịp thời? <i>1 – Hoàn toàn không đồng ý 2 – Không đồng ý 3 – Bình thường 4 – Đồng ý 5 – Hoàn toàn đồng ý</i> | c) Vui lòng ghi rõ các chính sách, văn bản pháp luật quan trọng nhưng doanh nghiệp KHÔNG được thông báo, tuyên truyền kịp thời |
| 1. Sở KH-ĐT | | | |
| 2. Sở TNMT | | | |
| 3. Sở Xây dựng | | | |
| 4. Sở Công Thương | | | |
| 5. Sở LĐ-TBXH | | | |
| 6. Sở GTVT | | | |
| 7. Sở KHCN | | | |
| 8. Sở NN&PTNT | | | |
| 9. Sở VH TT&DL | | | |
| 10. Sở TTTT | | | |
| 11. Công an tỉnh | | | |
| 12. BQL KKT tỉnh | | | |
| 13. Cục Thuế tỉnh | | | |
| 14. Cục Hải quan tỉnh | | | |
| 15. BHXH tỉnh | | | |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

.....

.....

.....

9. Trong năm 2021, COVID-19 ảnh hưởng như thế nào đến doanh nghiệp của ông/bà?

- Hoàn toàn tiêu cực (*tiếp tục câu 10*) Phần lớn là tiêu cực (*tiếp tục câu 10*)
 Không ảnh hưởng gì (*chuyển sang câu 11*)
 Phần lớn là tích cực (*chuyển sang câu 11*) Hoàn toàn tích cực (*chuyển sang câu 11*)

10. Vui lòng cho biết dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp của ông/bà trên những phương diện cụ thể nào:

- Chuỗi cung ứng Nhân công/người lao động Dòng tiền
 Tiếp cận đến các khách hàng quốc tế Tiếp cận đến các khách hàng nội địa Khác. Ghi rõ:

11. Trong số những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua COVID-19 dưới đây, doanh nghiệp ông/bà đã được thụ hưởng những chính sách nào?

- Giảm lãi suất cho vay Cơ cấu lại thời gian trả nợ
 Gia hạn đóng thuế VAT Gia hạn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp
 Gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất Tạm dừng đóng BHXH, BHYT và BHTN
 Lùi thời điểm đóng phí công đoàn Chính sách khác:

12. Doanh nghiệp ông/bà đã thực hiện chuyển đổi số chưa?

- Đã thực hiện chuyển đổi số (*tiếp tục câu 12*)
 Chắc chắn sẽ triển khai trong những năm sau (*chuyển sang câu 13*)
 Có nhu cầu nhưng không đủ nguồn lực thực hiện (*chuyển sang câu 13*)
 Không có nhu cầu (*chuyển sang câu 13*)

13. Doanh nghiệp ông/bà đã/đang thực hiện chuyển đổi số ở giai đoạn nào:

- Ở bước chuẩn bị

- Giai đoạn 1- Chuyển đổi số mô hình kinh doanh
- Giai đoạn 2- Chuyển đổi số mô hình quản trị
- Giai đoạn 3 –Kết nối kinh doanh và quản trị
- Khác:

14. Vui lòng cho biết những rào cản chính đối với doanh nghiệp trong chuyển đổi số (chọn tối đa 03 đáp án):

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Tốn kém chi phí và thời gian | <input type="checkbox"/> Thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Lo sợ rò rỉ thông tin | <input type="checkbox"/> Thiếu nhân lực nội bộ để thực hiện |
| <input type="checkbox"/> Thiếu thông tin về chuyển đổi số | <input type="checkbox"/> Trình độ người lao động chưa đáp ứng |
| <input type="checkbox"/> Các quy định liên quan không rõ ràng | <input type="checkbox"/> Chưa xác định được mục tiêu và cách thức chuyển đổi số |
| <input type="checkbox"/> Lãnh đạo DN chưa quen với quy trình chuyển đổi số | <input type="checkbox"/> Không nhận được sự hỗ trợ của chính quyền |
| <input type="checkbox"/> Khác: | |

15. Doanh nghiệp có góp ý/đề xuất gì nhằm cải thiện năng lực điều hành của các Sở, Ban, Ngành trong thời đến?

.....

Ngày hoàn thành phiếu khảo sát: / /2021

Mã số phiếu (Dành cho khảo sát viên):

Mã đơn vị đánh giá (Dành cho khảo sát viên):

Xin chân thành cảm ơn việc cung cấp thông tin của DN!!!



CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH & ĐỊA PHƯƠNG THUỘC TỈNH ĐỒNG THÁP

MẪU B

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP

VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (2021)

[Hướng dẫn điền phiếu] Để khảo sát đạt kết quả tốt nhất, Nhóm nghiên cứu khuyến nghị lãnh đạo doanh nghiệp và các thành viên chủ chốt (trưởng phòng, cán bộ quản lý của các bộ phận chuyên môn hoặc người có am hiểu về lịch sử hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) cùng tham gia vào quá trình trả lời các câu hỏi. Trong phiếu khảo sát, thuật ngữ “**doanh nghiệp**” bao gồm cả hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể.

LỰA CHỌN ĐỊA PHƯƠNG ĐÁNH GIÁ

(Doanh nghiệp chỉ lựa chọn **MỘT (01)** trong số địa phương dưới đây – là nơi doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu)

(Đánh dấu X vào ô trống phù hợp)

- | | | |
|---|---|---|
| <input type="checkbox"/> Thành phố Cao Lãnh | <input type="checkbox"/> Thành phố Sa Đéc | <input type="checkbox"/> Thành phố Hồng Ngự |
| <input type="checkbox"/> Huyện Cao Lãnh | <input type="checkbox"/> Huyện Châu Thành | <input type="checkbox"/> Huyện Hồng Ngự |
| <input type="checkbox"/> Huyện Lai Vung | <input type="checkbox"/> Huyện Lấp Vò | <input type="checkbox"/> Huyện Tam Nông |
| <input type="checkbox"/> Huyện Tân Hồng | <input type="checkbox"/> Huyện Thanh Bình | <input type="checkbox"/> Huyện Tháp Mười |

A- THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (DN)

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ đăng ký của doanh nghiệp:

3. Địa chỉ hoạt động chính:

4. Chức vụ/vị trí người trả lời:

Lãnh đạo doanh nghiệp (Ban giám đốc, quản lý, Chủ tịch HĐQT/Ban Giám đốc hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh...)

Lãnh đạo cấp phòng ban hoặc tương đương (Trưởng, phó phòng...)

Nhân viên, chuyên viên

5. Số điện thoại: Email:

6. Năm bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh:

7. Loại hình doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Doanh nghiệp tư nhân Công ty cổ phần Công ty hợp danh

Công ty TNHH Hộ kinh doanh cá thể Hợp tác xã

8. Lĩnh vực hoạt động chính (lĩnh vực tạo doanh thu lớn nhất) của doanh nghiệp

Nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản Dịch vụ
 Công nghiệp/chế tạo Khai khoáng
 Xây dựng Thương mại
 Khác:

9. Tổng số vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

| | Dưới 3 tỷ | Từ 3 đến dưới 10 tỷ | Từ 10 đến dưới 20 tỷ | Từ 20 đến dưới 50 tỷ | Từ 50 đến dưới 100 tỷ | Từ 100 đến dưới 200 tỷ | Từ 200 tỷ trở lên |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tại thời điểm hiện tại | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

10. Tổng số lao động của doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại

Từ 05 đến dưới 10 lao động Từ 10 đến dưới 50 lao động
 Từ 50 đến dưới 100 lao động Từ 100 đến dưới 200 lao động
 Từ 200 đến dưới 300 lao động Từ 300 lao động trở lên

11. Tình hình hoạt động trong năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020

| Chỉ tiêu | Giảm | Giảm chút ít | Duy trì so với cùng kỳ | Tăng chút ít | Tăng |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lợi nhuận | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Số lượng lao động | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Số lượng khách hàng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Đầu tư/áp dụng công nghệ mới | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dự kiến quy mô kinh doanh năm 2022 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

12. Doanh nghiệp có muốn nhận được bản tóm tắt kết quả đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành & địa phương thuộc tỉnh Đồng Tháp năm 2021 không?

Có (Vui lòng điền đúng địa chỉ email ở phần trên để chúng tôi có thể gửi đến doanh nghiệp)

Không

Chúng tôi cam kết rằng thông tin ông/bà cung cấp sẽ được bảo mật, chỉ phục vụ duy nhất mục đích nghiên cứu và xác nhận thông tin. Tính khuyết danh trong tất cả các tài liệu và báo cáo sẽ được đảm bảo tuyệt đối.

Vui lòng gửi Phiếu khảo sát đã hoàn thành cho người đi khảo sát hoặc gửi về địa chỉ: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, Tầng 28 Trung tâm Hành chính Đà Nẵng, số 24 Trần Phú, Đà Nẵng; Email: vktxhndn@danang.gov.vn; Điện thoại: 0236.3849140

B- KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP

1. TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN

1.1. Ông/bà hãy đánh giá về những nhận định sau:

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Dễ dàng tiếp cận các <u>tài liệu về phân bổ, thu, chi ngân sách</u> của địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các <u>kế hoạch, quy hoạch</u> phát triển của địa phương được công khai phổ biến | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dễ dàng tiếp cận các <u>luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định</u> của Trung ương liên quan đến địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dễ dàng tiếp cận các <u>văn bản hướng dẫn</u> của các Bộ, ngành | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dễ dàng tiếp cận các <u>văn bản quy phạm pháp luật</u> của địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dễ dàng tiếp cận các thông tin về <u>chính sách ưu đãi</u> của địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Dễ dàng tiếp cận các <u>biểu mẫu thủ tục hành chính</u> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <u>Phí, lệ phí</u> được công khai tại hệ thống một cửa | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Thông tin về <u>chính sách, quy định mới</u> được tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <u>Cần có mối quan hệ</u> với cơ quan Nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Doanh nghiệp có thể dự đoán được hoạt động thực thi pháp luật của UBND địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phản biện các chính sách, quy định pháp luật | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1.2. Ông/bà đã từng truy cập vào trang thông tin điện tử của địa phương để tìm kiếm thông tin chưa?

| | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Đã từng truy cập → Dễ dàng tìm được thông tin trên website: <input type="checkbox"/> Hoàn toàn không đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Phần nào đồng ý <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Hoàn toàn đồng ý → Thông tin được cập nhật thường xuyên <input type="checkbox"/> Hoàn toàn không đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Phần nào đồng ý <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Hoàn toàn đồng ý → Thông tin trên website đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp: <input type="checkbox"/> Hoàn toàn không đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý <input type="checkbox"/> Phần nào đồng ý <input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Hoàn toàn đồng ý | <input type="checkbox"/> Chưa từng truy cập → Lý do: (Có thể chọn NHIỀU phương án) <input type="checkbox"/> Không có nhu cầu tìm kiếm thông tin <input type="checkbox"/> Không biết địa phương có website <input type="checkbox"/> Thông tin trên website không đáp ứng được nhu cầu |
|---|--|

2. TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA LÃNH ĐẠO

Xin cho biết ý kiến của ông/bà về những nhận định dưới đây

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <u>Chính sách, chủ trương của Trung ương, tỉnh</u> được triển khai tốt ở cấp địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lãnh đạo địa phương <u>sáng tạo, mạnh dạn</u> triển khai các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lãnh đạo địa phương <u>kip thời nắm bắt</u> và có phương án xử lý những vấn đề mới <u>phát sinh</u> của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lãnh đạo địa phương <u>chủ động</u> tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp <u>hỗ trợ doanh nghiệp</u> /cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lãnh đạo địa phương <u>có ảnh hưởng lớn</u> đến công tác cải cách thủ tục hành chính | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| của đơn vị | | | | | |
| Lãnh đạo địa phương <u>có hành động cụ thể và thiết thực</u> để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lãnh đạo địa phương <u>lắng nghe và tiếp thu các ý kiến, góp ý</u> của doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lãnh đạo địa phương <u>có những chủ trương tốt nhưng việc thực thi của các phòng, ban chuyên môn lại có vấn đề</u> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lãnh đạo địa phương đã <u>giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ cơ sở có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, tiêu cực</u> được doanh nghiệp phản ánh | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

.....

.....

.....

3. CHI PHÍ THỜI GIAN

3.1. Doanh nghiệp đã từng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) tại Bộ phận một cửa của địa phương chưa?

| | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Đã từng thực hiện → Bộ phận một cửa tại địa phương có cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến không? <input type="checkbox"/> Không cho phép <input type="checkbox"/> Cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua bưu điện <input type="checkbox"/> Cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến | <input type="checkbox"/> Chưa từng thực hiện → Lý do: (Có thể chọn NHIỀU phương án) <input type="checkbox"/> Không có nhu cầu đến làm thủ tục <input type="checkbox"/> Sử dụng dịch vụ của bên thứ ba (tư vấn, môi giới, người quen làm thay...) <input type="checkbox"/> Khác:..... |
|---|---|

3.2. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến về những nhận định sau:

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Quy trình và thủ tục tại bộ phận một cửa <u>dễ hiểu, dễ thực hiện</u> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thời gian giải quyết TTHC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Thủ tục giấy tờ <u>có giảm so với trước</u> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| KHÔNG phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Cán bộ, công chức <u>am hiểu về chuyên môn</u> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Cán bộ, công chức có <u>thái độ thân thiện, nhiệt tình</u> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Cán bộ, công chức <u>hướng dẫn doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ</u> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Doanh nghiệp <u>KHÔNG</u> phải đi lại nhiều lần để hoàn thành một thủ tục hành chính | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Kể từ đầu năm 2021 đến nay, số lần các đoàn công tác của địa phương tiến hành thanh, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp là:..... (lần)

(Nếu doanh nghiệp không bị thanh, kiểm tra, điền số 0 và chuyển sang câu 4)

3.3.1. Thời gian trung bình của 01 đợt thanh, kiểm tra:.....giờ

3.3.2. Đánh giá của ông/bà về những nhận định sau:

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Hoạt động thanh kiểm tra <u>KHÔNG</u> gây cản trở đáng kể đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung thanh, kiểm tra <u>KHÔNG</u> chồng chéo/trùng lặp với các Sở, Ban, Ngành khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung thanh, kiểm tra <u>đúng</u> như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

4. CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC

4.1. Khi thực hiện TTHC hoặc trong quá trình thanh, kiểm tra, doanh nghiệp có phải trả thêm những khoản khác ngoài quy định của Nhà nước?

- Không bao giờ
 Hiếm khi
 Thỉnh thoảng
 Luôn luôn
 Trong phần lớn các trường hợp

Nếu “Có” trả chi phí không chính thức, ông/bà cho biết lý do:

- Chủ động chi mặc dù cán bộ không đòi hỏi
 Buộc phải chi vì cán bộ “gợi ý”

4.2. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến với mỗi nhận định sau:

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Tình trạng những nhiễu khi giải quyết các thủ tục (TTHC, hoạt động thanh, kiểm tra) cho doanh nghiệp tại địa phương là phổ biến | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Cần có các chi phí không chính thức để công việc được giải quyết như mong muốn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

.....

.....

.....

.....

5. CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG

5.1. Theo ông/bà, lãnh đạo, cán bộ các UBND địa phương có doanh nghiệp sâu, doanh nghiệp thân hữu không?

- Không biết
 Có
 Không có

5.2. Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến về những nhận định sau?

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Các doanh nghiệp trên địa bàn bình đẳng trong tiếp cận thông tin | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các doanh nghiệp trên địa bàn bình | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| đăng trong nhận được các chính sách ưu đãi (vốn vay, mặt bằng kinh doanh...) | | | | | |
| Các doanh nghiệp trên địa bàn bình đẳng trong giải quyết TTHC | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các doanh nghiệp trên địa bàn bình đẳng trong giải quyết khó khăn | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Các doanh nghiệp trên địa bàn bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đấu thầu, khoáng sản...) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Lãnh đạo địa phương thường xuyên quan tâm đến các DNNVV | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

5.3. Trong trường hợp có một số doanh nghiệp được ưu ái hơn thì sự ưu ái đó có gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ông/bà không?

- Rất khó khăn
 Khó khăn
 Có nhưng không ảnh hưởng nhiều
 Không ảnh hưởng tới doanh nghiệp

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

6. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

6.1. Doanh nghiệp có được mời tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do chính quyền địa phương tổ chức không?

- Không được mời, thông báo (*Chuyển sang câu 7*)
 Được mời, thông báo và có tham gia (*Tiếp tục câu 6.2*)
 Được mời, thông báo nhưng không tham gia (*Chuyển sang câu 6.4*)

6.2. Từ đầu năm 2021 đến nay, doanh nghiệp đã nhận được các dịch vụ hỗ trợ nào dưới đây từ phía chính quyền địa phương? (Có thể chọn NHIỀU phương án)

- Tư vấn tiếp cận thông tin thị trường
 Hỗ trợ tham gia các hội chợ thương mại
 Nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính trong việc xây dựng và triển khai các dự án đầu tư
 Hỗ trợ pháp lý
 Hỗ trợ thực hiện cam kết trong các hợp đồng đầu tư kinh doanh
 Khác (ghi rõ):

6.3. Đánh giá của doanh nghiệp về những hỗ trợ sau từ chính quyền địa phương:

| Nhận định | Hoàn toàn không thiết thực | Phần lớn là không thiết thực | Bình thường | Phần lớn là thiết thực | Hoàn toàn thiết thực |
|---|----------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Về các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Về các buổi đối thoại do địa phương tổ chức | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Về hỗ trợ tư vấn pháp lý | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

6.4. Nếu “Không” tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xin vui lòng cho biết lý do:

| Lý do | Không sắp xếp được thời gian tham dự | Nội dung chương trình không phù hợp với nhu cầu | Đã từng tham dự các chương trình tương tự nhưng cảm thấy không hiệu quả | Khác |
|---|--------------------------------------|---|---|--|
| Về các buổi tập huấn, phổ biến chính sách, quy định pháp luật | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Về các buổi đối thoại do địa phương tổ chức | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Về hỗ trợ tư vấn pháp lý | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

6.5. Ông/bà đánh giá như thế nào về nhận định: “Cán bộ, công chức địa phương nhật tình giúp doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc”?

- Hoàn toàn không đồng ý Không đồng ý
- Phần nào đồng ý Đồng ý Hoàn toàn đồng ý

7. THIẾT CHẾ PHÁP LÝ

Ông/bà vui lòng cho biết ý kiến đối với những nhận định sau:

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Cán bộ, công chức địa phương thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các đối tượng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Cán bộ, công chức địa phương thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Thương lượng ¹³ với cán bộ, công chức là cần thiết trong hoạt động thanh, kiểm tra của địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Thời gian văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực gấp khiến doanh nghiệp bị động | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ông/bà có thể chi tiết thêm thông tin đối với những nhận định ông/bà không đồng ý:

.....

.....

.....

8. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

8.1. Dịch vụ công trực tuyến do chính quyền địa phương cung cấp đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp?

- Hoàn toàn không đồng ý Không đồng ý
- Bình thường
- Đồng ý Hoàn toàn đồng ý

8.2. Doanh nghiệp được thông báo, tuyên truyền văn bản pháp luật, chính sách mới từ chính quyền địa phương, được phản ánh kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính thông qua website, email, zalo, Livechat, Tổng đài 1022,... kịp thời?

- Hoàn toàn không đồng ý Không đồng ý
- Bình thường
- Đồng ý Hoàn toàn đồng ý

Nội dung thông tin được thông báo, tuyên truyền có đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp?

- Đáp ứng hoàn toàn nhu cầu Đáp ứng một phần Không đáp ứng

Vui lòng ghi rõ các chính sách, văn bản pháp luật quan trọng, phản ánh kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính nhưng doanh nghiệp KHÔNG được thông báo, tuyên truyền, không được tiếp nhận, xử lý kịp thời

¹³ Cán bộ, công chức “mặc cả” với doanh nghiệp trong thực thi pháp luật nhằm vụ lợi

.....

.....

9. TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI & ỔN ĐỊNH TRONG SỬ DỤNG ĐẤT

9.1. Ông/bà cho biết ý kiến đối với những nhận định sau:

| Nhận định | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Phần nào đồng ý | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Doanh nghiệp không gặp bất cứ cản trở nào về mặt bằng kinh doanh | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC về đất đai tại địa phương | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Khi có tranh chấp, khiếu nại về đất đai, chính quyền giải quyết nhanh chóng, triệt để cho doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

9.2. Khó khăn cụ thể khi thực hiện TTHC về đất đai (nếu có):

.....

.....

9.3. Doanh nghiệp hãy đánh giá mức độ rủi ro khi sử dụng đất của doanh nghiệp (như rủi ro bị chính quyền thu hồi cho mục đích sử dụng khác, thay đổi quy hoạch...)

Rất thấp Thấp Khá cao Cao Rất cao

10. Trong năm 2021, COVID-19 ảnh hưởng như thế nào đến doanh nghiệp của ông/bà?

- Hoàn toàn tiêu cực (tiếp tục câu 10.1)
- Phần lớn là tiêu cực (tiếp tục câu 10.1)
- Không ảnh hưởng gì (chuyển sang câu 11)
- Phần lớn là tích cực (chuyển sang câu 11)
- Hoàn toàn tích cực (chuyển sang câu 11)

10.1. Vui lòng cho biết dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp của ông/bà trên những phương diện cụ thể nào:

- Chuỗi cung ứng Nhân công/người lao động
- Dòng tiền Tiếp cận đến các khách hàng quốc tế
- Tiếp cận đến các khách hàng nội địa Khác. Ghi rõ:.....

11. Trong số những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua COVID-19 dưới đây, doanh nghiệp ông/bà đã được thụ hưởng những chính sách nào?

- Giảm lãi suất cho vay Cơ cấu lại thời gian trả nợ
- Gia hạn đóng thuế VAT Gia hạn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp

- Gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất Tạm dừng đóng BHXH, BHYT và BHTN
 Lùi thời điểm đóng phí công đoàn Chính sách khác:

12. Doanh nghiệp ông/bà đã thực hiện chuyển đổi số chưa?

- Đã thực hiện chuyển đổi số (*tiếp tục câu 12.1*)
 Chắc chắn sẽ triển khai trong năm sau (*chuyển sang câu 13*)
 Có nhu cầu nhưng không đủ nguồn lực thực hiện (*chuyển sang câu 13*)
 Không có nhu cầu (*chuyển sang câu 13*)

12.1. Doanh nghiệp ông/bà đã/đang thực hiện chuyển đổi số ở giai đoạn nào:

- Ở bước chuẩn bị
 Giai đoạn 1- Chuyển đổi số mô hình kinh doanh
 Giai đoạn 2- Chuyển đổi số mô hình quản trị
 Giai đoạn 3 –Kết nối kinh doanh và quản trị
 Khác:

13. Vui lòng cho biết những rào cản chính đối với doanh nghiệp trong chuyển đổi số

(chọn tối đa 03 đáp án):

- Tốn kém chi phí và thời gian Thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật
 Lo sợ rò rỉ thông tin Thiếu nhân lực nội bộ để thực hiện
 Thiếu thông tin về chuyển đổi số Trình độ người lao động chưa đáp ứng
 Các quy định liên quan không rõ ràng
 Chưa xác định được mục tiêu và cách thức chuyển đổi số
 Lãnh đạo DN chưa quen với quy trình chuyển đổi số
 Không nhận được sự hỗ trợ của chính quyền
 Khác:

14. Doanh nghiệp có góp ý/đề xuất gì nhằm cải thiện năng lực điều hành của chính quyền địa phương trong thời gian đến?

.....

Ngày hoàn thành phiếu khảo sát: / /2021

Mã số phiếu (Dành cho khảo sát viên):

Xin chân thành cảm ơn việc cung cấp thông tin của DN!!!